



GIÁO ÁN

HÀNH TRANG VÀO LỚP

1

Giáo viên:



Năm 2025

BUỔI 1

TIẾNG VIỆT: DẠY ĐỌC + VIẾT NHẬN BIẾT BẢNG CHỮ CÁI - ĐƯỜNG KẼ NGANG, ĐƯỜNG KẼ DỌC - Ô LY, NÉT NGANG, NÉT SỎ THẲNG

1. Mục tiêu:

- Trẻ nhận diện 29 chữ cái.
- Cô giới thiệu 29 chữ cái và 11 phụ âm ghép cho trẻ làm quen
- Cô đọc bảng chữ cái cho trẻ nghe.
- Cho cả lớp đọc bảng chữ cái cùng cô 2 lượt

2. Hướng dẫn dòng kẻ, ô ly.

a. Dòng kẻ (đường kẻ)

- Cho cả lớp đứng lên, giơ tay phải lên trời kéo tay theo hướng từ trên xuống dưới (chỉ xuống đất) “làm 3 lần và cho trẻ nói cùng cô “kéo từ trên xuống dưới”
- Cô giới thiệu trên bảng to của cô có những dòng kẻ kéo từ trên xuống dưới (cho cả lớp nhắc lại kéo từ trên xuống dưới còn cô dùng ngón trỏ vẽ theo dòng kẻ đó). Cô gọi đó là đường kẻ dọc.
- Cho trẻ nhắc lại tên đường kẻ dọc (cá nhân, cả lớp), sau đó cô nhấn mạnh lại đường kẻ dọc đưa từ trên xuống dưới
- Hướng dẫn trẻ để bảng đúng cách
- Cho trẻ lấy phấn viết đường kẻ dọc đưa từ trên xuống dưới vào bảng. (viết nhiều) (khi cô nói cô làm luôn cho trẻ xem sau đó quan sát sửa sai cho trẻ)
- Cho trẻ giơ bảng kiểm tra
- Cho trẻ đứng lên đưa ngón trỏ sang bên trái kéo chỉ sang bên phải (cho trẻ làm 2,3 lần và nói chỉ sang bên trái kéo sang bên phải)
- Nhìn lên bảng to của cô và giới thiệu đây là đường kẻ ngang
- Cho HS viết đường kẻ ngang vào bảng (cô quan sát nhận xét)
- Cho trẻ giơ bảng lên kiểm tra

- Cho trẻ quan sát bảng của cô có những đường kẻ to hơn (đậm hơn) và đường kẻ nhỏ hơn (mờ hơn). Cô chỉ vào đường kẻ cho trẻ nói to, nhỏ. Trên bảng cô có những đường kẻ ngang to, nhỏ, các con nhìn vào bảng mình xem có đường kẻ ngang to, nhỏ không? Cho trẻ vẽ ngón tay theo đường nằm ngang to, cô gọi đường nằm ngang to là đường kẻ ngang đậm. Tiếp tục cho trẻ vẽ ngón tay theo đường nằm ngang nhỏ, cô gọi là đường kẻ ngang nhỏ là đường kẻ ngang mờ. Cho cả lớp chỉ tay và nhắc lại. Tương tự như vậy cô cũng có đường kẻ dọc đậm và đường kẻ dọc mờ. Cô chỉ tay vào đường kẻ dọc và cho trẻ nói đường kẻ dọc đậm, đường kẻ dọc mờ

- Cho trẻ nhìn vào bảng dùng phấn chấm các chấm tròn ở đầu mép bên trái của những đường kẻ ngang đậm.

- Cho trẻ đứng lên thư giãn chạy tại chỗ và hỏi trẻ chân chạy ở đâu? (ở trên mặt đất, k đi lên trời, k đi xuống ao). Chữ cũng vậy, chữ phải viết trên đường kẻ. Các con dùng khăn xoa chấm trên cùng đi, để lại chấm thứ 2 từ trên xuống thôi. cô chỉ tay vào đường kẻ ngang đậm và nói chúng ta tạm gọi đây là mặt đất, chữ sẽ nằm trên mặt đất.

b. Ô ly

* Độ cao

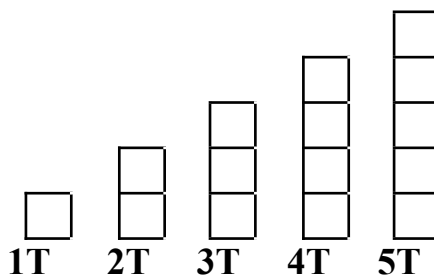
- Cho trẻ chơi trò chơi xây nhà (xây nhà 1 tầng tay chạm đầu gối, xây nhà 2 tầng tay chạm vào vai, xây nhà 3 tầng tay chạm vào đầu, xây nhà cao tầng cho trẻ nhảy lên trên)

- Hỏi trẻ: xây nhà thường xây ở đâu? (trên mặt đất)

- Cô vẽ lên bảng cách xây nhà:

+ Nhà 1 tầng được tạo bởi 1 ô ly. Nhà 2 tầng là 2 ô ly...nhà 5 tầng là ô ly

+ Cho trẻ vẽ vào bảng. Cô quan sát và nhận xét



- Cho trẻ xây thêm 1 nhà 2 tầng nữa rồi hỏi nhà xây ở dưới đất gọi là tầng gì? (tầng hầm)

- Cô vẽ mô phỏng 2 tầng hầm cho trẻ vẽ vào bảng.

- Tiếp tục xây nhà 2 tầng và 3 tầng hầm (cô vẽ lên bảng và cho trẻ vẽ vào bảng của trẻ)

- Cho trẻ giờ bảng lên kiểm tra.

*** Độ rộng**

- Xác định mặt đất, xây nhà 1 tầng vào bảng sau đó xây tiếp nhà 1 tầng nữa ngay sát bên cạnh ngôi nhà vừa xây. Cô nói ngôi nhà này có 2 căn phòng cô gọi là nhà rộng 2 ô ly. Tương tự với các ngôi nhà có độ rộng khác nhau.



1P

2P

3P

4P

5Phòng

- Cô xây nhà rộng 1 phòng sau đó lấy phần chia đôi căn phòng đó và 1 phòng này được ngăn vách ngăn làm 2 phần, mỗi phần có độ rộng là nửa căn phòng, chúng ta gọi là nửa ly



0.5 0,5

- Cho trẻ xây nhà nửa ly, 1.5ly, 2.5ly....

- Cho trẻ giờ bảng cô nhận xét

3. Hướng dẫn viết nét ngang, nét thẳng.

a. Phân tích cấu tạo, cách viết

*** Nét ngang**

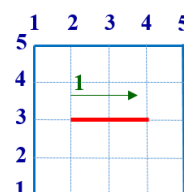
- **Cấu tạo:** Nét ngang có độ rộng 2 ly (2 ô vuông)

- **Cách viết:** Đặt bút trên đường giao nhau giữa đường kẻ dọc 2 và đường kẻ ngang số 3, kéo nét ngang từ trái sang phải, tới điểm giao nhau giữa đường kẻ dọc số 4 và đường kẻ ngang số 3 thì dừng bút.

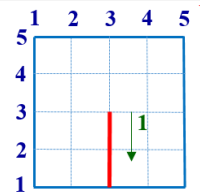
*** Nét sổ thẳng**

- **Cấu tạo:** Nét sổ thẳng có độ cao 2 ly (2 ô vuông).

- **Cách viết:** Đặt bút trên đường giao nhau giữa đường kẻ dọc số 3 và đường kẻ ngang số 3, đưa



bút viết 1 nét thẳng xuống phía dưới chạm đường
kẻ đậm 1 thì dừng bút.



b. HS tập viết bảng con.

c. HS tập viết vở tập viết hoặc vở ô ly.

- Trước khi viết GV giới thiệu tư thế ngồi, cách cầm bút đúng cách:
- + Ngồi lưng thẳng, chân vuông góc mặt sàn, đầu hơi cúi
- + Cầm bút bằng tay phải, dùng ngón cái và ngón trỏ cầm giữ bút, ngón giữa đỡ bút. Thân bút dọc theo cẳng tay phải. Không ấn mạnh quá.
- GV cho trẻ cầm bút và sửa lỗi
- Gv cho trẻ cầm bút viết trên không 2 nét vừa học rồi cho viết vào vở. Trong quá trình viết cô quan sát, sửa lỗi cho HS.

d. Nhận xét, khen ngợi HS.

e. Giao về nhà viết bài

☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐

BUỔI 2

TIẾNG VIỆT

**LÀM QUEN VỚI THANH HUYỀN
NÉT XIÊN TRÁI, NÉT XIÊN PHẢI**

1. Làm quen với thanh huyền

- HS đồng thanh đọc lại bảng chữ cái cùng cô 2 lượt.
- Giới thiệu thanh huyền
- + Cô cho trẻ xem ảnh có thanh huyền, cô giới thiệu đây là thanh huyền
- + Cho cả lớp đọc to “thanh huyền” 3 lần
- + Cho trẻ làm động tác chào bằng tay phải và nói khi chúng ta giơ tay phải lên chạm và đầu lông mày bên phải nhìn sẽ giống thanh huyền đúng không nào
- Cô viết mẫu thanh huyền lên bảng, vừa viết vừa nói cách viết
- Cho trẻ viết thanh huyền vào bảng con

- Cho trẻ xem 1 số hình ảnh , dưới hình ảnh có những tiếng có thanh huyền để trẻ nhận ra thanh huyền trong các tiếng.

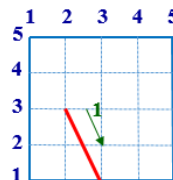
2. Hướng dẫn viết nét xiên trái, nét xiên phải.

a. Phân tích cấu tạo, cách viết

* Nét xiên trái

- **Cấu tạo:** Nét xiên trái cao 2 ly, rộng 1 ly.

- **Cách viết:** Đặt bút trên đường giao nhau giữa đường kẻ dọc số 2 và đường kẻ ngang số 3, kéo 1 nét xiên về bên phải xuống phía dưới chạm góc trên đường kẻ ngang đậm 1 thì dừng bút. Lưu ý nét xiên trái chỉ rộng 1 ô ly.



* Nét xiên phải

- **Cấu tạo:** Nét xiên phải cao 2 ly, rộng 1 ly.

- **Cách viết:** Đặt bút trên đường giao nhau giữa đường kẻ dọc số 3 và đường kẻ ngang số 3, kéo 1 nét xiên về bên trái xuống phía dưới chạm góc trên đường kẻ ngang đậm 1 thì dừng bút. Lưu ý nét xiên phải chỉ rộng 1 ly.



b. HS tập viết bảng con.

- GV quan sát, sửa lỗi cho HS

c. HS tập viết vở tập viết hoặc vở ô ly.

- Nhắc lại tư thế ngồi, cách cầm bút

- GV quan sát, sửa lỗi cho HS.

d. Nhận xét, khen ngợi HS.

e. Giao về nhà viết bài

TOÁN

HÌNH VUÔNG, HÌNH TRÒN

1. Giới thiệu hình vuông.

- GV treo mẫu hình vuông lên bảng hoặc cho trẻ quan sát hình qua màn hình máy vi tính

- HS quan sát, nhận xét.

+ Hình vuông có bao nhiêu cạnh? Các cạnh như thế nào với nhau? (Hình vuông có 4 cạnh, các cạnh dài bằng nhau)

- Gv hướng dẫn cách vẽ hình trên bảng to

+ Hướng dẫn lấy tọa độ trên bảng con: Trên đường kẻ dọc 1 cắt đường kẻ ngang 5 lấy điểm số 1, trên đường kẻ dọc và ngang 1 lấy điểm số 2, trên đường kẻ dọc 5 cắt với đường kẻ ngang 1 lấy điểm số 3, trên đường kẻ dọc và ngang 5 lấy điểm số 4.

+ Nói từ điểm số 1 đến 2 rồi đến 3 và 4

- HS tập vẽ bảng con.

2. Giới thiệu hình tròn.

- GV treo mẫu hình tròn lên bảng hoặc cho trẻ quan sát hình qua màn hình vi tính

- HS quan sát, nhận xét.

+ Hình tròn có đặc điểm gì? (Không có cạnh như hình vuông)

- GV hướng dẫn vẽ hình tròn trên bảng to: Từ đường kẻ dọc 3 cắt với đường kẻ ngang 5 đặt bút vẽ nét cong chạm vào các đường kẻ dọc và kẻ ngang đậm của ô li to.

- HS tập vẽ vào bảng con

3. GV hướng dẫn HS làm bài tập trong sách toán

4. Nhận xét, khen ngợi HS.

□ □ □ □ □ □ □ □ □ □ □ □ □ □ □ □

BUỔI 3

TIẾNG VIỆT

LÀM QUEN VỚI THANH SẮC

NÉT MÓC NGƯỢC, NÉT MÓC XUÔI, NÉT MÓC HAI ĐẦU

1. Làm quen với thanh sắc

- HS đồng thanh đọc lại bảng chữ cái cùng cô 2 lượt.

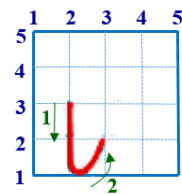
- Giới thiệu thanh sắc

- + Cô cho trẻ xem ảnh có thanh sắc. Hôm trước cô và các con được học thanh huyền rồi, hôm nay chúng mình học 1 thanh đối ngược với thanh huyền đó là thanh sắc
- + Cho cả lớp đọc to “thanh sắc” 3 lần
- + Cho trẻ làm động tác chào bằng tay trái và nói khi chúng ta giơ tay trái lên chạm và đầu lông mày bên trái nhìn sẽ giống thanh sắc. Cho trẻ ôn lại thanh huyền khi chơi trò chơi này luôn.
- Cô viết mẫu thanh sắc lên bảng, vừa viết vừa nói cách viết
- Cho trẻ viết thanh sắc vào bảng con
- Cho trẻ xem 1 số hình ảnh , dưới hình ảnh có những tiếng có thanh sắc để trẻ nhận ra thanh sắc trong các tiếng.

2. Hướng dẫn viết nét móc ngược, nét móc xuôi, nét móc hai đầu.

*Nét móc ngược

- **Cấu tạo:** Nét móc ngược cao 2 ly, rộng 1 ly.
- **Cách viết:** Đặt bút trên đường giao nhau giữa đường kẻ dọc số 2 và đường kẻ ngang số 3, kéo 1 nét thẳng xuống dưới chạm đường kẻ ngang số 1 thì đưa bút hất lên chạm góc giao nhau giữa đường kẻ ngang số 2 và đường kẻ dọc số 3 thì dừng bút.



* Nét móc xuôi

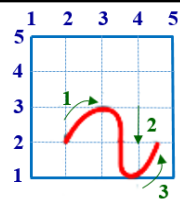
- **Cấu tạo:** Nét móc xuôi cao 2 ly, rộng 1 ly.
- **Cách viết:** Đặt bút trên đường kẻ dọc số 2 tại vị trí giữa đường kẻ ngang số 2 và đường kẻ ngang số 3, đưa bút vòng lên trên sang phải chạm đường kẻ dọc số 3 sau đó kéo thẳng xuống chạm đường kẻ ngang số 1 thì dừng bút.



* Nét móc hai đầu

- **Cấu tạo:** Nét móc hai đầu cao 2 ly, rộng 2,5 ly.
- **Cách viết:** Đặt bút trên đường giao nhau giữa đường kẻ ngang 2 và đường kẻ dọc 2, đưa bút lên trên sang phải chạm điểm giao nhau giữa đường kẻ

ngang 3 và đường kẻ dọc 3 thì hơi đưa bút ra 1 chút tới giữa ô thì kéo thẳng xuống dưới chạm đường kẻ ngang 1 rồi hất lên dừng bút ở giữa đường kẻ dọc 4 và 5 trên đường kẻ ngang 2.



3. HS tập viết bảng con.

- GV quan sát, sửa lỗi cho HS

4. HS tập viết vở tập viết hoặc vở ô ly.

- GV quan sát, sửa lỗi cho HS.

5. Nhận xét, khen ngợi HS.

6. Giao về nhà viết bài

TOÁN

HÌNH CHỮ NHẬT, HÌNH TAM GIÁC

1. Giới thiệu hình chữ nhật.

- GV treo mẫu hình chữ nhật lên bảng hoặc cho trẻ quan sát hình qua màn hình máy vi tính

- HS quan sát, nhận xét.

+ Hình chữ nhật có bao nhiêu cạnh? Các cạnh có gì khác so với hình vuông? (Hình chữ nhật có 4 cạnh, có 2 cạnh dài bằng nhau và 2 cạnh ngắn dài bằng nhau)

- Gv hướng dẫn cách vẽ hình trên bảng to

+ Hướng dẫn lấy tọa độ trên bảng con: Trên đường kẻ dọc 1 cắt đường kẻ ngang 3 lấy điểm số 1, trên đường kẻ dọc và ngang 1 lấy điểm số 2, trên đường kẻ dọc 5 cắt với đường kẻ ngang 1 lấy điểm số 3, trên đường kẻ dọc 5 cắt đường kẻ ngang 3 lấy điểm số 4.

+ Nói từ điểm số 1 đến 2 rồi đến 3 và 4

- HS tập vẽ bảng con.

2. Giới thiệu hình tam giác.

- GV treo mẫu hình tam giác lên bảng.

- HS quan sát, nhận xét.

+ Hình tam giác có bao nhiêu cạnh? Có bao nhiêu góc? (Hình tam giác có 3 cạnh, 3 góc)

- GV hướng dẫn cách vẽ hình.

+ Hướng dẫn lấy tọa độ trên bảng con: Trên đường kẻ dọc 3 cắt đường kẻ ngang 5 lấy điểm số 1, trên đường kẻ dọc 1 cắt đường kẻ ngang 1 lấy điểm số 2, trên đường kẻ dọc 5 cắt với đường kẻ ngang 1 lấy điểm số 3.

- HS tập vẽ bảng con.

3. GV hướng dẫn HS làm bài tập trong sách toán

4. Nhận xét, khen ngợi HS.

☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐

BUỔI 4

TIẾNG VIỆT

LÀM QUEN VỚI THANH HỎI

NÉT CONG TRÁI, NÉT CONG PHẢI, NÉT CONG KÍN

1. Làm quen với thanh hỏi

- HS đồng thanh đọc lại bảng chữ cái cùng cô 2 lượt.

- Giới thiệu thanh hỏi

+ Cô cho trẻ xem ảnh có thanh hỏi. Đây là thanh hỏi, các con nhìn có giống cái móc câu cá không nào

+ Cho cả lớp đọc to “thanh hỏi” 3 lần

- Cô viết mẫu thanh hỏi lên bảng, vừa viết vừa nói cách viết

- Cho trẻ viết thanh hỏi vào bảng con

- Cho trẻ xem 1 số hình ảnh, dưới hình ảnh có những tiếng có thanh hỏi để trẻ nhận ra thanh hỏi trong các tiếng.

2. Hướng dẫn viết nét cong trái, nét cong phải, nét cong kín.

*** Nét cong trái:**

- **Cấu tạo:** Nét cong trái cao 2 ly, rộng 1,5 ly.

- **Cách viết:** Đặt bút dưới đường kẻ ngang 3 một chút, đưa bút lên trên viết nét cong sang bên trái

chạm đường kẻ ngang 3 sau đó chạm đường kẻ dọc 1 rồi kéo vòng xuống chạm đường kẻ ngang 1 tới giữa ô vuông 2 thì dừng bút.

*** Nét cong phải:**

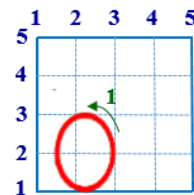
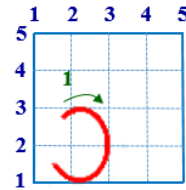
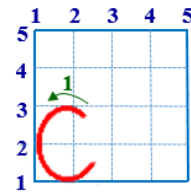
- **Cấu tạo:** Nét cong phải cao 2 ly, rộng 1,5 ly.

- **Cách viết:** Đặt bút dưới đường kẻ ngang 3 một chút, đưa bút lên trên viết nét cong sang bên phải chạm đường kẻ ngang 3 sau đó chạm đường kẻ dọc 3 rồi kéo vòng xuống chạm đường kẻ ngang 1 tới giữa ô vuông 1 thì dừng bút.

*** Nét cong kín.**

- **Cấu tạo:** Nét cong kín cao 2 ly, rộng 1,5 ly.

- **Cách viết:** Đặt bút dưới đường kẻ ngang 3 một chút, đưa bút lên trên viết nét cong sang bên trái chạm đường kẻ ngang 3 sau đó chạm đường kẻ dọc 1 rồi kéo vòng xuống chạm đường kẻ ngang 1 rồi vòng lên trên chạm đường kẻ dọc 3 và chạm điểm đặt bút đầu tiên thì dừng bút.



3. HS tập viết bảng con.

- GV quan sát, sửa lỗi cho HS

4. HS tập viết vở tập viết hoặc vở ô ly.

- GV quan sát, sửa lỗi cho HS.

5. Nhận xét, khen ngợi HS.

6. Giao về nhà viết bài

TOÁN

LUYỆN TẬP HÌNH VUÔNG, HÌNH TRÒN,

HÌNH TAM GIÁC, HÌNH CHỮ NHẬT

1. Cho trẻ nhận biết lại các hình

- GV treo mẫu 4 hình lên bảng.

- HS quan sát, nêu lại đặc điểm của các hình

2. Hướng dẫn trẻ làm bài tập trong vở BT toán

3. Nhận xét, khen ngợi trẻ



BUỔI 5

TIẾNG VIỆT

LÀM QUEN VỚI THANH NGÃ

NÉT KHUYẾT TRÊN, NÉT KHUYẾT DƯỚI

1. Làm quen với thanh ngã

- HS đồng thanh đọc lại bảng chữ cái cùng cô 2 lượt.

- Giới thiệu thanh ngã

+ Cô cho trẻ xem ảnh có thanh ngã. Đây là thanh ngã

+ Cho cả lớp đọc to “thanh ngã” 3 lần

- Cô viết mẫu thanh ngã lên bảng, vừa viết vừa nói cách viết

- Cho trẻ viết thanh ngã vào bảng con

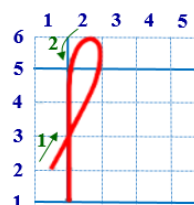
- Cho trẻ xem 1 số hình ảnh, dưới hình ảnh có những tiếng có thanh ngã để trẻ nhận ra thanh ngã trong các tiếng.

2. Hướng dẫn viết nét khuyết trên, nét khuyết dưới.

* Nét khuyết trên.

- **Cấu tạo:** Nét khuyết trên cao 5 ly, rộng 1,5 ly.

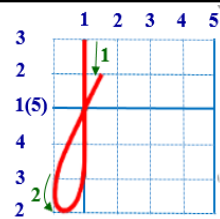
- **Cách viết:** Đặt bút trên đường kẻ ngang 2 cách dòng kẻ dọc đậm 1 nửa ô ly, đưa bút đi qua góc giao giữa đường kẻ ngang 3 và đường kẻ dọc 1 rồi tiếp tục kéo lên đi qua góc giao giữa đường kẻ ngang 5 và đường kẻ dọc 2 rồi vòng sang trái chạm đường kẻ ngang 6 sau đó vòng kéo xuống viết nét thẳng trên đường kẻ dọc 1. Dừng bút tại đường kẻ ngang 1.



*** Nét khuyết dưới.**

- **Cấu tạo:** Nét khuyết dưới cao 5 ly, rộng 1,5 ly.

- **Cách viết:** Đặt bút tại góc giao nhau giữa đường kẻ ngang 3 và đường kẻ dọc 1, kéo bút viết nét sổ thẳng từ trên xuống dưới, tới đường kẻ ngang 3 thì hơi lượn cong sang trái chạm đường kẻ ngang 2 thì vòng lên rồi kéo thẳng đi qua góc giao nhau giữa đường kẻ ngang 1(5) và đường kẻ dọc 1, dừng bút trên đường kẻ ngang 2 tại điểm giữa đường kẻ dọc 1 và 2.



3. HS tập viết bảng con.

- GV quan sát, sửa lỗi cho HS

4. HS tập viết vở tập viết hoặc vở ô ly.

- GV quan sát, sửa lỗi cho HS.

5. Nhận xét, khen ngợi HS.

6. Giao về nhà viết bài

TOÁN

SỐ 1

1. Giới thiệu số 1.

- GV treo mẫu số 1 lên bảng.

- HS quan sát, nhận xét.

+ Số 1 cao bao nhiêu ly? Rộng bao nhiêu ly? (Cao 2 ô ly, rộng 0.5 ô ly)

+ Số 1 được tạo bởi bao nhiêu nét? Đó là những nét nào? (Tạo bởi 2 nét là nét xiên và nét thẳng)

2. GV hướng dẫn cách viết số 1.

+ Hướng dẫn lấy tọa độ trên bảng con: Giữa đường kẻ dọc 2, 3 và giữa đường kẻ ngang 2,3 lấy điểm số 1, trên đường kẻ dọc 3 cắt đường kẻ ngang 3 lấy điểm số 2, trên đường kẻ dọc 3 cắt ngang đường kẻ ngang 1 lấy điểm số 3.

+ Nói điểm 1 đến 2 rồi từ 2 đến 3.

- HS tập vẽ bảng con.

3. GV hướng dẫn HS làm bài tập trong sách toán

4. Nhận xét, khen ngợi HS.

□ □ □ □ □ □ □ □ □ □ □ □ □ □

BUỔI 6

TIẾNG VIỆT

LÀM QUEN VỚI THANH NẶNG

NÉT XOẮN, NÉT THẮT TRÊN, NÉT THẮT GIỮA

1. Làm quen với thanh nặng

- HS đồng thanh đọc lại bảng chữ cái cùng cô 2 lượt.
- Giới thiệu thanh nặng
- + Cô cho trẻ xem ảnh có thanh nặng. Đây là thanh nặng
- + Cho cả lớp đọc to “thanh nặng” 3 lần
- Cô viết mẫu thanh nặng lên bảng, vừa viết vừa nói cách viết
- Cho trẻ viết thanh nặng vào bảng con
- Cho trẻ xem 1 số hình ảnh, dưới hình ảnh có những tiếng có thanh nặng để trẻ nhận ra thanh nặng trong các tiếng.

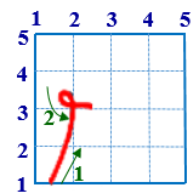
2. Hướng dẫn viết nét xoắn, nét thắt trên, nét thắt giữa.

* Nét xoắn

- **Cấu tạo:** Nét xoắn cao hơn 2 ly một chút, rộng 1 ly.
- **Cách viết:** Đặt bút trên đường kẻ ngang 1 ở giữa dòng kẻ dọc 1 và 2, đưa bút lên tới góc giao nhau giữa đường kẻ ngang 3 và đường kẻ dọc 2 sau đó viết xoắn 1 nét nhỏ theo chiều từ phải sang trái rồi đưa bút sang phải trên đường kẻ ngang 3, tới giữa đường kẻ dọc 2 và 3 thì dừng bút.

* Nét thắt trên

- **Cấu tạo:** Nét thắt trên cao 2 ly, rộng 1 ly.

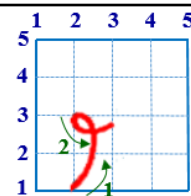


- **Cách viết:** Đặt bút tại góc giao đường kẻ ngang 1 và đường kẻ dọc 2, đưa bút lên hơi cong về bên trái sau đó xoắn 1 vòng xoắn nhỏ chạm vào góc giao giữa đường kẻ ngang 3 và đường kẻ dọc 2 theo chiều từ phải sang trái rồi đưa bút sang phải chạm vào đường kẻ dọc 3 tại điểm giữa đường kẻ ngang 2 và 3 thì dừng bút.

* **Nét thắt giữa**

- **Cấu tạo:** Nét thắt giữa cao 2 ly, rộng 2,5 ly.

- **Cách viết:** Đặt bút tại góc giao nhau giữa đường kẻ dọc 1 và đường kẻ ngang 2, đưa bút lên sang bên phải giống cách viết nét móc hai đầu. Tuy nhiên ở nét thắt giữa thì ta xoắn 1 nét xoắn nhỏ tại góc giao giữa đường kẻ dọc 2 và đường kẻ ngang 3 sau đó kéo thẳng xuống dưới chạm đường kẻ ngang 1 rồi hất lên dừng bút trên đường kẻ ngang 2 tại giữa đường kẻ dọc 3 và 4.



3. HS tập viết bảng con.

- GV quan sát, sửa lỗi cho HS

4. HS tập viết vở tập viết hoặc vở ô ly.

- GV quan sát, sửa lỗi cho HS.

5. Nhận xét, khen ngợi HS.

6. Giao về nhà viết bài

TOÁN

SỐ 2

1. Giới thiệu số 2.

- GV treo mẫu số 2 lên bảng.

- HS quan sát, nhận xét.

+ Số 2 cao bao nhiêu ly? Rộng bao nhiêu ly? (Cao 2 ly, rộng 1 ly)

+ Số 2 được tạo bởi bao nhiêu nét? Đó là những nét nào? (Tạo bởi 2 nét là nét cong xiên và nét ngang)

2. GV hướng dẫn cách viết số 2.

+ Hướng dẫn lấy tọa độ trên bảng con: Trên đường kẻ dọc 2 tại điểm giữa dòng kẻ ngang 2,3 lấy điểm số 1. Trên đường kẻ ngang 3 tại điểm giữa đường kẻ dọc 2 và 3 lấy điểm số 2. Trên đường kẻ dọc 3 tại điểm giữa đường kẻ ngang 2 và 3 lấy điểm số 3. Tại góc giao giữa đường kẻ ngang 1 và đường kẻ dọc 2 lấy điểm số 4. Tại góc giao giữa đường kẻ ngang 1 và đường kẻ dọc 3 lấy điểm số 5.

+ Ta bắt đầu nối điểm 1,2,3,4,5 như sau: Từ điểm 1 đưa bút cong lên sang bên phải chạm điểm 2 rồi vòng xuống chạm điểm 3, kéo thẳng chéo xuống sang bên trái chạm điểm 4 rồi viết 1 nét ngang ngắn chạm điểm 5 thì dừng bút.

- HS tập vẽ bảng con.

3. GV hướng dẫn HS làm bài tập trong sách toán

4. Nhận xét, khen ngợi HS.

☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐

BUỔI 7

TIẾNG VIỆT

LÀM QUEN CHỮ i

TẬP VIẾT CHỮ i

1. Làm quen với chữ i

- Cho trẻ chơi trò chơi vẽ khuôn mặt trên bảng con để ôn lại các thanh đã học
- Giới thiệu chữ i
- Cô phát âm chữ i 3 lần, cho trẻ phát âm lại theo cô theo hình thức cả lớp, bạn trai, bạn gái, cá nhân.
- Cô phân tích cấu tạo chữ i in thường gồm 1 nét sổ thẳng và 1 dấu chấm trên đầu âm i.
- Cho trẻ nhắc lại cấu tạo chữ i
- Cô đọc mẫu bài luyện đọc trong vở luyện đọc và cho trẻ đọc theo với các hình thức khác nhau.
- Hướng dẫn trẻ làm nhanh bài tập trong vở luyện đọc.

2. Hướng dẫn viết chữ i

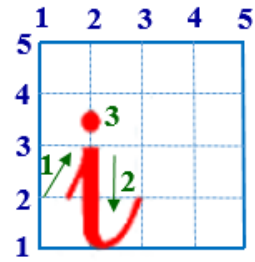
- **Cấu tạo:** Chữ i cao 2 ly, rộng 1,5 ly. Gồm 3 nét: nét hất, nét móc ngược và dấu chấm

- **Cách viết:**

+ **Nét hất:** Đặt bút trên đường kẻ ngang 2, viết nét hất tới đường kẻ ngang 3 thì dừng lại.

+ **Nét móc ngược:** Từ điểm dừng bút của nét 1, chuyển hướng viết tiếp nét móc ngược, dừng bút ở góc giao nhau tại đường kẻ ngang 2 và đường kẻ dọc 3.

+ **Dấu chấm:** Đặt dấu chấm trên đầu nét móc, nằm trên đường kẻ dọc 2 tại khoảng giữa đường kẻ ngang 3 và 4, để tạo thành chữ i.



3. HS tập viết bảng con.

- GV quan sát, sửa lỗi cho HS

4. HS tập viết vở tập viết hoặc vở ô ly.

- GV quan sát, sửa lỗi cho HS.

5. Nhận xét, khen ngợi HS.

6. Giao về nhà viết bài

TOÁN

SỐ 3

1. Giới thiệu số 3.

- GV treo mẫu số 3 lên bảng.

- HS quan sát, nhận xét.

+ Số 3 cao bao nhiêu ly? Rộng bao nhiêu ly? (Cao 2 ly, rộng 1 ly)

+ Số 3 được tạo bởi bao nhiêu nét? Đó là những nét nào? (Tạo bởi 2 nét cong phải)

2. GV hướng dẫn cách viết số 3.

+ Hướng dẫn lấy tọa độ trên bảng con: Trên đường kẻ dọc 2 tại điểm giữa dòng kẻ ngang 2,3 lấy điểm số 1. Trên đường kẻ ngang 3 tại điểm giữa đường kẻ dọc 2 và 3 lấy điểm số 2. Trên đường kẻ dọc 3 tại điểm giữa đường kẻ ngang 2 và 3 lấy điểm số 3. Trên đường kẻ ngang 2 tại điểm giữa đường kẻ dọc 2 và 3 lấy điểm số 4. Trên đường kẻ dọc 3 tại

điểm giữa đường kẻ ngang 1 và 2 lấy điểm số 5. Trên đường kẻ ngang 1 tại điểm giữa đường kẻ dọc 2 và 3 lấy điểm số 6. Trên đường kẻ dọc 2 tại điểm giữa dòng kẻ ngang 1,2 lấy điểm số 7.

+ Ta bắt đầu nối các điểm với nhau như sau: Từ điểm 1 đưa bút viết nét cong phải đi qua điểm 2,3 đến điểm 4 tiếp tục viết nối tiếp nét cong phải nữa đi qua điểm 5,6,7 thì dừng bút.

- HS tập viết bảng con.

3. GV hướng dẫn HS làm bài tập trong sách toán

4. Nhận xét, khen ngợi HS.

□ □ □ □ □ □ □ □ □ □ □ □ □ □ □ □

BUỔI 8

TIẾNG VIỆT

LÀM QUEN CHỮ t

TẬP VIẾT CHỮ t

1. Làm quen với chữ t

- Giới thiệu chữ t

- Cô phát âm chữ t 3 lần, cho trẻ phát âm lại theo cô theo hình thức cả lớp, bạn trai, bạn gái, cá nhân.

- Cô phân tích cấu tạo chữ t in thường gồm 1 nét sổ thẳng và 1 ngang ngắn.

- Cho trẻ nhắc lại cấu tạo chữ t

- Cô đọc mẫu bài luyện đọc trong vở luyện đọc và cho trẻ đọc theo với các hình thức khác nhau.

- Hướng dẫn trẻ làm nhanh bài tập trong vở luyện đọc.

2. Hướng dẫn viết chữ t

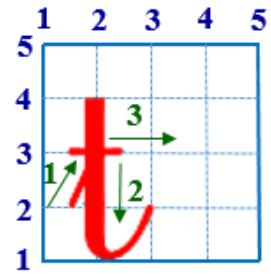
- **Cấu tạo:** Chữ t cao 3 ly, rộng 1,5 ly. Gồm 3 nét: nét hất, nét móc ngược dài và 1 nét ngang ngắn.

- **Cách viết:**

+ **Nét hất:** Đặt bút trên đường kẻ ngang 2, viết nét hất tới đường kẻ ngang 3 thì dừng lại.

+ **Nét móc ngược:** Từ điểm dừng bút của nét 1, rê bút lên đường kẻ ngang 4 rồi chuyển hướng ngược lại viết nét móc ngược, dừng bút ở góc giao nhau tại đường kẻ ngang 2 và đường kẻ dọc 3.

+ **Nét ngang ngắn:** Từ điểm dừng bút của nét 2, lia bút lên đường kẻ 3 viết nét ngang ngắn (viết trùng đường kẻ) theo chiều từ trái sang phải thì dừng bút ta được chữ t.



3. HS tập viết bảng con.

- GV quan sát, sửa lỗi cho HS

4. HS tập viết vở tập viết hoặc vở ô ly.

- GV quan sát, sửa lỗi cho HS.

5. Nhận xét, khen ngợi HS.

6. Giao về nhà viết bài

TOÁN

ÔN SỐ 1,2,3

1. Hướng dẫn lại cách viết các số 1, 2, 3.

- GV treo mẫu số 1, 2, 3 lên bảng.

- HS quan sát, nêu lại độ cao, độ rộng, các nét chính của các chữ số.

2. GV cho HS viết lại vào bảng con số 1,2,3

3. Hướng dẫn trẻ làm bài tập trong vở BT toán

4. Nhận xét, khen ngợi trẻ

□ □ □ □ □ □ □ □ □ □ □ □ □ □ □ □

BUỔI 9

TIẾNG VIỆT

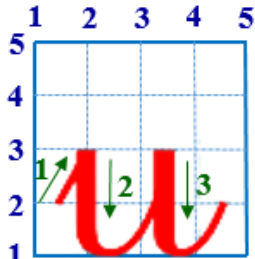
LÀM QUEN CHỮ u

TẬP VIẾT CHỮ u

1. Làm quen với chữ u

- Giới thiệu chữ u
- Cô phát âm chữ u 3 lần, cho trẻ phát âm lại theo cô theo hình thức cả lớp, bạn trai, bạn gái, cá nhân.
- Cô phân tích cấu tạo chữ u in thường gồm 1 móc ngược và nét sổ thẳng ở bên phải
- Cho trẻ nhắc lại cấu tạo chữ u
- Cô đọc mẫu bài luyện đọc trong vở luyện đọc và cho trẻ đọc theo với các hình thức khác nhau.
- Hướng dẫn trẻ làm nhanh bài tập trong vở luyện đọc.

2. Hướng dẫn viết chữ u

- Cấu tạo: Chữ u cao 2 ly, rộng 3 ly. Gồm 3 nét: nét hất, nét móc ngược rộng và 1 nét móc ngược. - Cách viết: + Nét hất: Đặt bút trên đường kẻ ngang 2, viết nét hất tới đường kẻ ngang 3 thì dừng lại. + Nét móc ngược rộng: Từ điểm dừng bút của nét 1, chuyển hướng bút để viết nét móc ngược rộng thứ nhất, kết thúc tại điểm giữa đường kẻ dọc 3 và 4 trên đường kẻ ngang 2. + Nét móc ngược: Từ điểm dừng bút của nét 2, lia bút lên đường kẻ 3 viết nét móc ngược thứ 2, dừng bút ở đường kẻ ngang 2 giữa đường kẻ dọc 4 và 5.	
---	---

3. HS tập viết bảng con.

- GV quan sát, sửa lỗi cho HS

4. HS tập viết vở tập viết hoặc vở ô ly.

- GV quan sát, sửa lỗi cho HS.

5. Nhận xét, khen ngợi HS.

6. Giao về nhà viết bài

TOÁN

SỐ 4

1. Giới thiệu số 4.

- GV treo mẫu số 4 lên bảng.

- HS quan sát, nhận xét.

+ Số 4 cao bao nhiêu ly? Rộng bao nhiêu ly? (Cao 2 ly, rộng hơn 1 ly)

+ Số 4 được tạo bởi bao nhiêu nét? Đó là những nét nào? (Tạo bởi 3 nét xiên phải, nét ngang và nét sổ thẳng)

2. GV hướng dẫn cách viết số 4.

+ Hướng dẫn lấy tọa độ trên bảng con: Tại điểm giao nhau giữa đường kẻ ngang 2 và dọc 3 lấy điểm 1. Trên đường kẻ dọc 2 tại điểm giữa đường kẻ ngang 1 và 2 lấy điểm số 2. Cạnh đường kẻ dọc 3 1 chút tại điểm giữa đường kẻ ngang 1 và 2 lấy điểm số 3. Trên đường kẻ dọc 3 tại điểm giữa đường kẻ ngang 2 và 3 lấy điểm số 4. Tại điểm giao nhau giữa đường kẻ ngang 1 và dọc 3 lấy điểm số 5.

+ Ta bắt đầu nối các điểm với nhau như sau: Từ điểm 1 đưa bút viết nét xiên phải tới điểm 2. Từ điểm 2 viết nét ngang ngắn sang điểm 3. Nhấc bút lên điểm 4 kéo thẳng xuống điểm 5 thì dừng bút.

- HS tập viết bảng con.

3. GV hướng dẫn HS làm bài tập trong sách toán

4. Nhận xét, khen ngợi HS.

☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐

BUỔI 10

TIẾNG VIỆT

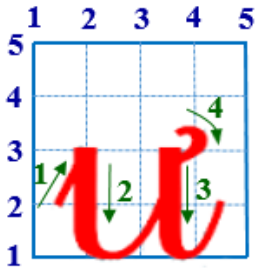
LÀM QUEN CHỮ ư

TẬP VIẾT CHỮ **ư**

1. Làm quen với chữ **ư**

- Giới thiệu chữ **ư**
- Cô phát âm chữ **ư** 3 lần, cho trẻ phát âm lại theo cô theo hình thức cả lớp, bạn trai, bạn gái, cá nhân.
- Cô phân tích cấu tạo chữ **ư** in thường gồm 1 móc ngược, 1 nét sổ thẳng ở bên phải và 1 cái móc nhỏ bên phải trên đầu chữ **ư**
- Cho trẻ nhắc lại cấu tạo chữ **ư**
- Cô đọc mẫu bài luyện đọc trong vở luyện đọc và cho trẻ đọc theo với các hình thức khác nhau.
- Hướng dẫn trẻ làm nhanh bài tập trong vở luyện đọc.

2. Hướng dẫn viết chữ **ư**

- Cấu tạo: Chữ ư cao 2 ly, rộng 3 ly. Gồm 4 nét: nét hất, nét móc ngược rộng, 1 nét móc ngược và 1 nét râu. - Cách viết: + Nét hất: Đặt bút trên đường kẻ ngang 2, viết nét hất tới đường kẻ ngang 3 thì dừng lại. + Nét móc ngược rộng: Từ điểm dừng bút của nét 1, chuyển hướng bút để viết nét móc ngược rộng thứ nhất, kết thúc tại điểm giữa đường kẻ dọc 3 và 4 trên đường kẻ ngang 2. + Nét móc ngược: Từ điểm dừng bút của nét 2, lia bút lên đường kẻ 3 viết nét móc ngược thứ 2, dừng bút ở đường kẻ ngang 2 giữa đường kẻ dọc 4 và 5. + Nét râu: Từ điểm dừng bút của nét 3, lia bút lên phía trên đường kẻ 3 một chút (gần đầu nét 3) viết nét râu hơi cong giống dấu hỏi, dừng bút khi chạm vào nét 3.	
--	--

3. HS tập viết bảng con.

- GV quan sát, sửa lỗi cho HS

4. HS tập viết vở tập viết hoặc vở ô ly.

- GV quan sát, sửa lỗi cho HS.

5. Nhận xét, khen ngợi HS.

6. Giao về nhà viết bài

TOÁN

SỐ 5

1. Giới thiệu số 5.

- GV treo mẫu số 5 lên bảng.

- HS quan sát, nhận xét.

+ Số 5 cao bao nhiêu ly? Rộng bao nhiêu ly? (Cao 2 ly, rộng 1 ly)

+ Số 5 được tạo bởi bao nhiêu nét? Đó là những nét nào? (Tạo bởi 3 nét: 1 nét sổ thẳng, 1 nét cong phải và 1 nét ngang ngắn)

2. GV hướng dẫn cách viết số 5.

+ Hướng dẫn lấy tọa độ trên bảng con: Tại điểm giao nhau giữa đường kẻ ngang 3 và dọc 2 lấy điểm 1. Tại điểm giao nhau giữa đường kẻ ngang 2 và dọc 2 lấy điểm 2. Trên đường kẻ ngang 2 một chút tại giữa đường kẻ dọc 2,3 lấy điểm 3. Trên đường kẻ dọc 3 tại điểm giữa đường kẻ ngang 1,2 lấy điểm 4. Trên đường kẻ dọc 2 tại điểm giữa đường kẻ ngang 1,2 lấy điểm 5. Tại điểm giao nhau giữa đường kẻ ngang 3 và dọc 3 lấy điểm 6.

+ Ta bắt đầu nối các điểm với nhau như sau: Từ điểm 1 đưa bút viết nét sổ thẳng xuống điểm 2. Từ điểm 2 viết nét cong phải đi qua điểm 3, 4 đến điểm 5 thì nhấc bút lên điểm 1 viết nét ngang ngắn sang điểm 6 thì dừng bút.

- HS tập viết bảng con.

3. GV hướng dẫn HS làm bài tập trong sách toán

4. Nhận xét, khen ngợi HS.

☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐

BUỔI 11

TIẾNG VIỆT

LÀM QUEN CHỮ P

TẬP VIẾT CHỮ p

1. Làm quen với chữ p

- Giới thiệu chữ p
- Cô phát âm chữ p 3 lần, cho trẻ phát âm lại theo cô theo hình thức cả lớp, bạn trai, bạn gái, cá nhân.
- Cô phân tích cấu tạo chữ p in thường gồm 1 nét sổ thẳng và 1 nét cong kín bên phải nét sổ thẳng
- Cho trẻ nhắc lại cấu tạo chữ p
- Cô đọc mẫu bài luyện đọc trong vở luyện đọc và cho trẻ đọc theo với các hình thức khác nhau.
- Hướng dẫn trẻ làm nhanh bài tập trong vở luyện đọc.

2. Hướng dẫn viết chữ p

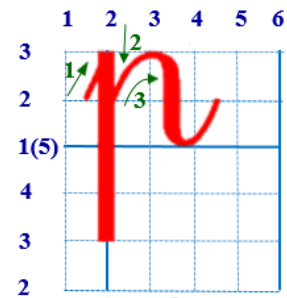
- **Cấu tạo:** Chữ p cao 4 ly, rộng 3 ly. Gồm 3 nét: nét hất, nét sổ thẳng dài và nét móc hai đầu.

- **Cách viết:**

+ **Nét hất:** Đặt bút trên đường kẻ ngang 2, viết nét hất tới đường kẻ ngang 3 thì dừng lại.

+ **Nét sổ thẳng dài:** Từ điểm dừng bút của nét 1, chuyển hướng lên đường kẻ ngang 3 ở trên viết nét sổ thẳng dài kéo từ trên xuống dưới, dừng bút tại đường kẻ ngang 3 dưới (viết nét sổ thẳng dài trùng với đường kẻ dọc 2).

+ **Nét móc hai đầu:** Từ điểm dừng bút của nét 2, rê bút lên đường kẻ ngang 2 ở trên, viết tiếp nét móc hai đầu chạm đường kẻ ngang 3 ở trên và dừng bút ở đường kẻ ngang 2 trên tại điểm giữa dòng kẻ dọc 3 và 4.



3. HS tập viết bằng con.

- GV quan sát, sửa lỗi cho HS

4. HS tập viết vở tập viết hoặc vở ô ly.

- GV quan sát, sửa lỗi cho HS.

5. Nhận xét, khen ngợi HS.

6. Giao về nhà viết bài

TOÁN

SỐ 6

1. Giới thiệu số 6.

- GV treo mẫu số 6 lên bảng.

- HS quan sát, nhận xét.

+ Số 6 cao bao nhiêu ly? Rộng bao nhiêu ly? (Cao 2 ly, rộng 1 ly)

+ Số 6 được tạo bởi bao nhiêu nét? Đó là những nét nào? (nét cong trên nối với nét cong kín)

2. GV hướng dẫn cách viết số 6.

+ Hướng dẫn lấy tọa độ trên bảng con: Trên đường kẻ dọc 3 tại điểm giữa đường kẻ ngang 2,3 lấy điểm 1. Trên đường kẻ ngang 3 tại điểm giữa đường kẻ dọc 2,3 lấy điểm 2. Tại điểm giao nhau giữa đường kẻ ngang 2 và dọc 2 lấy điểm 3. Trên đường kẻ ngang 1 tại điểm giữa đường kẻ dọc 2,3 lấy điểm 4. Tại điểm giao nhau giữa đường kẻ ngang 2 và dọc 3 lấy điểm 5. Trên đường kẻ ngang 2 một chút tại điểm giữa đường kẻ dọc 2,3 lấy điểm 6.

+ Ta bắt đầu nối các điểm với nhau như sau: Từ điểm 1 đưa bút viết nét cong trái đi qua điểm 2 rồi đến 3,4 sau đó vòng lên viết nét cong kín nối liền với nét cong trái đi qua điểm 5,6 rồi nối về điểm 3 thì dừng bút

- HS tập viết bảng con.

3. GV hướng dẫn HS làm bài tập trong sách toán

4. Nhận xét, khen ngợi HS.

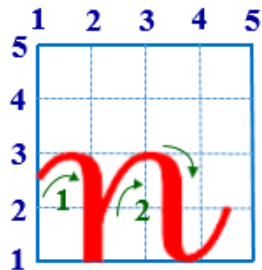
☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐

BUỔI 12
TIẾNG VIỆT
LÀM QUEN CHỮ n
TẬP VIẾT CHỮ n

1. Làm quen với chữ n

- Giới thiệu chữ n
- Cô phát âm chữ n 3 lần, cho trẻ phát âm lại theo cô theo hình thức cả lớp, bạn trai, bạn gái, cá nhân. (chú ý sửa sai vì chữ n hay ngọng)
- Cô phân tích cấu tạo chữ n in thường gồm 1 nét sổ thẳng và 1 nét móc xuôi
- Cho trẻ nhắc lại cấu tạo chữ n
- Cô đọc mẫu bài luyện đọc trong vở luyện đọc và cho trẻ đọc theo với các hình thức khác nhau.
- Hướng dẫn trẻ làm nhanh bài tập trong vở luyện đọc.

2. Hướng dẫn viết chữ n

- Cấu tạo: Chữ n cao 2 ly, rộng 3,5 ly. Gồm 2 nét: nét móc xuôi và nét móc hai đầu. - Cách viết: + Nét móc xuôi: Đặt bút trên đường kẻ 1 giữa đường kẻ ngang 2 và 3 viết nét móc xuôi chạm đường kẻ ngang 3, dừng bút ở đường kẻ ngang 1 + Nét móc hai đầu: Từ điểm dừng bút của nét 1, rê bút lên gần đường kẻ ngang 2 để viết tiếp nét móc hai đầu, độ rộng bằng nét 2, dừng bút ở đường kẻ ngang 2 tại điểm giữa đường kẻ dọc 4 và 5.	
--	---

3. HS tập viết bảng con.

- GV quan sát, sửa lỗi cho HS

4. HS tập viết vở tập viết hoặc vở ô ly.

- GV quan sát, sửa lỗi cho HS.

5. Nhận xét, khen ngợi HS.

6. Giao về nhà viết bài

TOÁN

ÔN SỐ 4,5,6

1. Hướng dẫn lại cách viết các số 4, 5,6

- GV treo mẫu số 4,5,6 lên bảng.

- HS quan sát, nêu lại độ cao, độ rộng, các nét chính của các chữ số.

2. GV cho HS viết lại vào bảng con số 4,5,6

3. Hướng dẫn trẻ làm bài tập trong vở BT toán

4. Nhận xét, khen ngợi trẻ

□ □ □ □ □ □ □ □ □ □ □ □ □ □ □ □

BUỔI 13

TIẾNG VIỆT

LÀM QUEN CHỮ m

TẬP VIẾT CHỮ m

1. Làm quen với chữ m

- Giới thiệu chữ n

- Cô phát âm chữ m 3 lần, cho trẻ phát âm lại theo cô theo hình thức cả lớp, bạn trai, bạn gái, cá nhân.

- Cô phân tích cấu tạo chữ m in thường gồm 1 nét sổ thẳng và 2 nét móc xuôi

- Cho trẻ nhắc lại cấu tạo chữ m

- Cô đọc mẫu bài luyện đọc trong vở luyện đọc và cho trẻ đọc theo với các hình thức khác nhau.

- Hướng dẫn trẻ làm nhanh bài tập trong vở luyện đọc.

2. Hướng dẫn viết chữ m

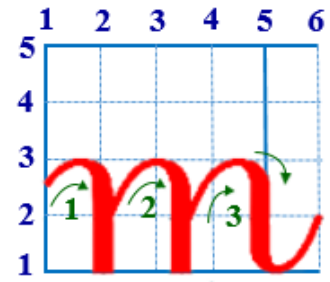
- **Cấu tạo:** Chữ m cao 2 ly, rộng 5 ly. Gồm 3 nét: nét móc xuôi, nét móc xuôi rộng và nét móc hai đầu.

- **Cách viết:**

+ **Nét móc xuôi:** Đặt bút trên đường kẻ 1 giữa đường kẻ ngang 2 và 3 viết nét móc xuôi chạm đường kẻ ngang 3, dừng bút ở đường kẻ ngang 1.

+ **Nét móc xuôi rộng:** Từ điểm dừng bút của nét 1, rê bút lên gần đường kẻ ngang 2 để viết tiếp nét móc xuôi thứ 2 có độ rộng nhiều hơn của nét 1, dừng bút ở đường kẻ ngang 1.

+ **Nét móc hai đầu:** Từ điểm dừng bút của nét 2, rê bút lên gần đường kẻ ngang 2 để viết tiếp nét móc hai đầu, độ rộng bằng nét 3, dừng bút ở đường kẻ ngang 2 tại điểm giữa đường kẻ dọc 5 và 6.



3. HS tập viết bảng con.

- GV quan sát, sửa lỗi cho HS

4. HS tập viết vở tập viết hoặc vở ô ly.

- GV quan sát, sửa lỗi cho HS.

5. Nhận xét, khen ngợi HS.

6. Giao về nhà viết bài

TOÁN

SỐ 7

1. Giới thiệu số 7.

- GV treo mẫu số 7 lên bảng.

- HS quan sát, nhận xét.

+ Số 7 cao bao nhiêu ly? Rộng bao nhiêu ly? (Cao 2 ly, rộng 1 ly)

+ Số 7 được tạo bởi bao nhiêu nét? Đó là những nét nào? (Là 2 nét ngang, nét xiên phải)

2. GV hướng dẫn cách viết số 7.

+ Hướng dẫn lấy tọa độ trên bảng con: Tại điểm giao nhau giữa đường kẻ ngang 3 và dọc 2 lấy điểm 1. Tại điểm giao nhau giữa đường kẻ ngang 3 và dọc 3 lấy điểm 2. Trên đường kẻ ngang 1 tại điểm gần góc giao giữa đường kẻ dọc 2 và ngang 1 lấy điểm 3. Trên đường kẻ ngang 2 tại điểm gần đường kẻ dọc 2 lấy điểm 4 và điểm 5 gần đường kẻ dọc 3.

+ Ta bắt đầu nối các điểm với nhau như sau: Từ điểm 1 đưa bút viết nét ngang đến điểm 2, sau đó viết nét xiên phải tới điểm 3. Nhắc bút viết nét ngang ngắn nối điểm 4 và 5 thì dừng bút.

- HS tập viết bảng con.

3. GV hướng dẫn HS làm bài tập trong sách toán

4. Nhận xét, khen ngợi HS.

☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐

BUỔI 14

TIẾNG VIỆT

LÀM QUEN CHỮ v

TẬP VIẾT CHỮ v

1. Làm quen với chữ v

- Giới thiệu chữ v

- Cô phát âm chữ v 3 lần, cho trẻ phát âm lại theo cô theo hình thức cả lớp, bạn trai, bạn gái, cá nhân.

- Cô phân tích cấu tạo chữ v in thường gồm 1 nét xiên trái và 1 nét xiên phải

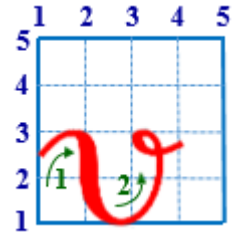
- Cho trẻ nhắc lại cấu tạo chữ v

- Cô đọc mẫu bài luyện đọc trong vở luyện đọc và cho trẻ đọc theo với các hình thức khác nhau.

- Hướng dẫn trẻ làm nhanh bài tập trong vở luyện đọc.

2. Hướng dẫn viết chữ v

- **Cấu tạo:** Chữ v cao 2 ly, rộng 3 ly. Gồm 2 nét: nét móc hai đầu và nét thắt trên.
- **Cách viết:** Đặt bút ở khoảng giữa của đường kẻ ngang 2 và 3, viết nét móc 2 đầu, cuối nét được kéo dài tới gần đường kẻ ngang 3 thì lượn sang trái, tới đường kẻ ngang 3 thì lượn bút trở lại sang phải, tạo vòng xoắn nhỏ (ở cuối nét), dừng bút trên đường kẻ dọc 4 ở gần đường kẻ ngang 3.



3. HS tập viết bằng con.

- GV quan sát, sửa lỗi cho HS

4. HS tập viết vở tập viết hoặc vở ô ly.

- GV quan sát, sửa lỗi cho HS.

5. Nhận xét, khen ngợi HS.

6. Giao về nhà viết bài

TOÁN

SỐ 8

1. Giới thiệu số 8.

- GV treo mẫu số 8 lên bảng.
- HS quan sát, nhận xét.

+ Số 8 cao bao nhiêu ly? Rộng bao nhiêu ly? (Cao 2 ly, rộng 1 ly)

+ Số 8 được tạo bởi bao nhiêu nét? Đó là những nét nào? (Là nét cong trái nối với nét cong phải)

2. GV hướng dẫn cách viết số 8.

+ Hướng dẫn lấy tọa độ trên bảng con: Trên đường kẻ ngang 3 tại điểm giữa đường kẻ dọc 2,3 lấy điểm 1. Gần đường kẻ dọc 2 tại điểm giữa đường kẻ ngang 2,3 lấy điểm 2. Trên đường kẻ ngang 2 tại điểm giữa đường kẻ dọc 2,3 lấy điểm 3. Trên đường kẻ dọc 3 tại điểm giữa đường kẻ ngang 1,2 lấy điểm 4. Trên đường kẻ ngang 1 tại điểm giữa đường kẻ dọc 2,3 lấy điểm 5. Trên đường kẻ dọc 2 tại điểm giữa đường kẻ ngang 1,2 lấy điểm 6. Gần đường kẻ dọc 3 tại điểm giữa đường kẻ ngang 2,3 lấy điểm 7.

+ Ta bắt đầu nối các điểm với nhau như sau: Từ điểm 1 đưa bút viết nét cong trái đi qua điểm 2, 3 rồi viết nối tiếp nét cong phải đi qua điểm 4, 5. Tiếp tục vòng lên viết nét cong trái đi qua điểm 6 rồi đi qua điểm 3 rồi viết nét cong phải qua điểm 7 và đến điểm 1 thì dừng bút.

- HS tập viết bảng con.

3. GV hướng dẫn HS làm bài tập trong sách toán

4. Nhận xét, khen ngợi HS.

□ □ □ □ □ □ □ □ □ □ □ □ □ □ □

BUỔI 15

TIẾNG VIỆT

LÀM QUEN CHỮ s

TẬP VIẾT CHỮ s

1. Làm quen với chữ s

- Giới thiệu chữ s

- Cô phát âm chữ s 3 lần, cho trẻ phát âm lại theo cô theo hình thức cả lớp, bạn trai, bạn gái, cá nhân.

- Cô phân tích cấu tạo chữ s in thường gồm 1 nét cong trái nối liền với 1 nét cong phải

- Cho trẻ nhắc lại cấu tạo chữ s

- Cô đọc mẫu bài luyện đọc trong vở luyện đọc và cho trẻ đọc theo với các hình thức khác nhau.

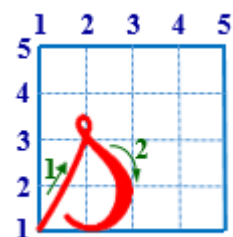
- Hướng dẫn trẻ làm nhanh bài tập trong vở luyện đọc.

2. Hướng dẫn viết chữ s

- **Cấu tạo:** Chữ s cao hơn 2 ly một chút, rộng 2 ly.

Gồm 2 nét: nét hất dài và nét cong phải.

- **Cách viết:** Đặt bút tại góc giữa đường kẻ dọc 1 và đường kẻ ngang 1, viết 1 nét hất tới góc giao đường kẻ ngang 3 và đường kẻ dọc 2, sau đó hơi lượn sang bên trái tạo vòng xoắn nhỏ (cao hơn đường kẻ ngang 3 nửa



ô ly), đưa bút viết tiếp nét cong phải, dừng bút ở khoảng giữa đường kẻ ngang 1 và 2 (gần nét hất dài).	
---	--

3. HS tập viết bảng con.

- GV quan sát, sửa lỗi cho HS

4. HS tập viết vở tập viết hoặc vở ô ly.

- GV quan sát, sửa lỗi cho HS.

5. Nhận xét, khen ngợi HS.

6. Giao về nhà viết bài

TOÁN

SỐ 9

1. Giới thiệu số 9.

- GV treo mẫu số 9 lên bảng.

- HS quan sát, nhận xét.

+ Số 9 cao bao nhiêu ly? Rộng bao nhiêu ly? (Cao 2 ly, rộng 1 ly)

+ Số 9 được tạo bởi bao nhiêu nét? Đó là những nét nào? (Là nét cong kín nối với nét cong dưới)

2. GV hướng dẫn cách viết số 9.

+ Hướng dẫn lấy tọa độ trên bảng con: Dưới đường kẻ ngang 3 một chút tại gần đường kẻ dọc 3 lấy điểm 1. Trên đường kẻ dọc 2 tại điểm giữa đường kẻ ngang 2 và 3 lấy điểm 2. Dưới dòng kẻ ngang 2 một chút tại điểm giữa đường kẻ dọc 2 và 3 lấy điểm 3. Trên đường kẻ dọc 3 tại điểm giữa đường kẻ ngang 1 và 2 lấy điểm 4. Trên đường kẻ ngang 1 tại điểm giữa đường kẻ dọc 2,3 lấy điểm 5. Trên đường kẻ dọc 2 tại điểm giữa đường kẻ ngang 1 và 2 lấy điểm 6.

+ Ta bắt đầu nối các điểm với nhau như sau: Từ điểm 1 đưa bút viết nét cong kín đi qua điểm 2, 3 rồi vòng lên điểm 1 sau đó kéo xuống trùng với đường kẻ dọc 3 đến điểm 4 viết tiếp nét cong dưới đi qua điểm 5, đến điểm 6 thì dừng bút

- HS tập viết bảng con.

3. GV hướng dẫn HS làm bài tập trong sách toán

4. Nhận xét, khen ngợi HS.



BUỔI 16

TIẾNG VIỆT

LÀM QUEN CHỮ r

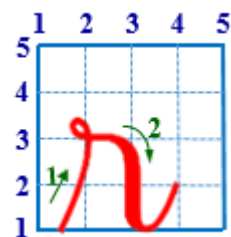
TẬP VIẾT CHỮ r

1. Làm quen với chữ r

- Giới thiệu chữ r
- Cô phát âm chữ r 3 lần, cho trẻ phát âm lại theo cô theo hình thức cả lớp, bạn trai, bạn gái, cá nhân. (chú ý sửa sai vì chữ n hay ngọng)
- Cô phân tích cấu tạo chữ r in thường gồm 1 nét sổ thẳng và 1 nét móc ngắn bên phải ở phía trên
- Cho trẻ nhắc lại cấu tạo chữ r
- Cô đọc mẫu bài luyện đọc trong vở luyện đọc và cho trẻ đọc theo với các hình thức khác nhau.
- Hướng dẫn trẻ làm nhanh bài tập trong vở luyện đọc.

2. Hướng dẫn viết chữ r

- **Cấu tạo:** Chữ r cao hơn 2 ly một chút, rộng 2,5 ly. Gồm 2 nét: nét xoắn và nét móc ngược.
- **Cách viết:**
 - + **Nét xoắn:** Đặt bút trên đường kẻ ngang 1 tại điểm giữa đường kẻ dọc 1 và 2 viết nét xoắn, thắt vòng sang trái trên đường kẻ ngang 3 nửa ly rồi kéo sang phải gần chạm góc giữa đường kẻ ngang 3 và đường kẻ dọc 3 thì dừng lại.
 - + **Nét móc ngược:** Từ điểm dừng bút của nét 1, viết tiếp nét móc ngược trùng với đường kẻ dọc 3 sau đó hất lên dừng bút tại góc giao giữa đường kẻ ngang 2 và 4.



3. HS tập viết bảng con.

- GV quan sát, sửa lỗi cho HS

4. HS tập viết vở tập viết hoặc vở ô ly.

- GV quan sát, sửa lỗi cho HS.

5. Nhận xét, khen ngợi HS.

6. Giao về nhà viết bài

TOÁN

ÔN SỐ 7,8,9

1. Hướng dẫn lại cách viết các số 7,8,9

- GV treo mẫu số 7,8,9 lên bảng.

- HS quan sát, nêu lại độ cao, độ rộng, các nét chính của các chữ số.

2. GV cho HS viết lại vào bảng con số 7,8,9

3. Hướng dẫn trẻ làm bài tập trong vở BT toán

4. Nhận xét, khen ngợi trẻ

□ □ □ □ □ □ □ □ □ □ □ □ □ □ □

BUỔI 17

TIẾNG VIỆT

LÀM QUEN CHỮ tr

TẬP VIẾT CHỮ tr

1. Làm quen với chữ tr

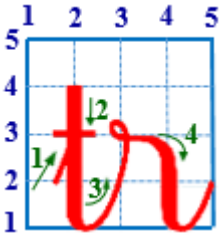
- Giới thiệu chữ tr: Cô giơ thẻ chữ t, chữ r lên và hỏi trẻ đây là chữ gì?

- À đúng rồi đây là chữ t và chữ r mà buổi trước cô đã dạy các con rồi đấy. Vậy theo các con nếu cô ghép chữ t vào chữ r sẽ được chữ gì? Đó là chữ tr mà hôm nay cô sẽ cho các con làm quen nhé.

- Cô phát âm chữ tr 3 lần, cho trẻ phát âm lại theo cô theo hình thức cả lớp, bạn trai, bạn gái, cá nhân. (chú ý cách đọc chữ tr, sửa lỗi cho trẻ)

- Cô phân tích cấu tạo chữ tr in thường gồm 1 nét sổ thẳng và 1 nét móc ngắn bên phải ở phía trên
- Cho trẻ nhắc lại cấu tạo chữ tr
- Cô đọc mẫu bài luyện đọc trong vở luyện đọc và cho trẻ đọc theo với các hình thức khác nhau.
- Hướng dẫn trẻ làm nhanh bài tập trong vở luyện đọc.

2. Hướng dẫn viết chữ tr

- Cấu tạo: Chữ tr cao 3 ly, rộng 3,5 ly. Chữ tr gồm chữ t và chữ r ghép lại với nhau. - Cách viết: + Đặt bút trên đường kẻ ngang 2, viết nét hất tới đường kẻ ngang 3 thì dừng lại. Từ điểm dừng bút của nét 1, rê bút lên đường kẻ ngang 4 rồi chuyển hướng ngược lại viết nét móc ngược rồi viết nối tiếp nét xoắn, thắt vòng sang trái trên đường kẻ ngang 3 nửa ly rồi kéo sang phải gần chạm góc giữa đường kẻ ngang 3 và đường kẻ dọc 4 sau đó kéo thẳng xuống viết nét móc ngược, tới góc giao giữa đường kẻ ngang 2 và dọc 5 thì nhắc bút viết nét ngang ngắn của chữ t.	
---	---

3. HS tập viết bảng con.

- GV quan sát, sửa lỗi cho HS

4. HS tập viết vở tập viết hoặc vở ô ly.

- GV quan sát, sửa lỗi cho HS.

5. Nhận xét, khen ngợi HS.

6. Giao về nhà viết bài

TOÁN

SỐ 0

1. Giới thiệu số 0.

- GV treo mẫu số 0 lên bảng.

- HS quan sát, nhận xét.

+ Số 0 cao bao nhiêu ly? Rộng bao nhiêu ly? (Cao 2 ly, rộng 1 ly)

+ Số 0 được tạo bởi bao nhiêu nét? Đó là nét nào? (Là nét cong kín)

2. GV hướng dẫn cách viết số 0.

+ Hướng dẫn lấy tọa độ trên bảng con: Trên đường kẻ ngang 3 tại điểm giữa đường kẻ dọc 2,3 lấy điểm 1. Tại góc giao giữa đường kẻ dọc 2 và ngang 2 lấy điểm 2. Trên đường kẻ ngang 1 tại điểm giữa đường kẻ dọc 2,3 lấy điểm 3. Tại góc giao giữa đường kẻ dọc 3 và ngang 2 lấy điểm 4

+ Ta bắt đầu nối các điểm với nhau như sau: Từ điểm 1 đưa bút viết nét cong kín đi qua điểm 2, 3,4 rồi vòng lên điểm 1 thì dừng bút.

- HS tập viết bảng con.

3. GV hướng dẫn HS làm bài tập trong sách toán

4. Nhận xét, khen ngợi HS.

□ □ □ □ □ □ □ □ □ □ □ □ □ □ □

BUỔI 18

TIẾNG VIỆT

LÀM QUEN CHỮ o

TẬP VIẾT CHỮ o

1. Làm quen với chữ o

- Giới thiệu chữ o

- Cô phát âm chữ o 3 lần, cho trẻ phát âm lại theo cô theo hình thức cả lớp, bạn trai, bạn gái, cá nhân.

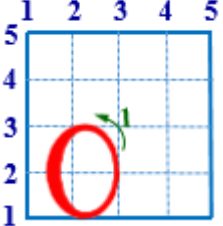
- Cô phân tích cấu tạo chữ o in thường gồm 1 nét cong kín

- Cho trẻ nhắc lại cấu tạo chữ o

- Cô đọc mẫu bài luyện đọc trong vở luyện đọc và cho trẻ đọc theo với các hình thức khác nhau.

- Hướng dẫn trẻ làm nhanh bài tập trong vở luyện đọc.

2. Hướng dẫn viết chữ o

- Cấu tạo: Chữ o cao 2 ly, rộng 1,5 ly. Có 1 nét cong kín. - Cách viết: Đặt bút dưới đường kẻ ngang 3 một chút, viết nét cong kín từ phải sang trái, dừng bút ở điểm xuất phát. <i>* Chú ý: nét cong kín cần cân đối, độ rộng hẹp hơn độ cao (bằng 3 phần 4 độ cao)</i>	
--	---

3. HS tập viết bảng con.

- GV quan sát, sửa lỗi cho HS

4. HS tập viết vở tập viết hoặc vở ô ly.

- GV quan sát, sửa lỗi cho HS.

5. Nhận xét, khen ngợi HS.

6. Giao về nhà viết bài

TOÁN

SỐ 10

1. Giới thiệu số 10.

- GV treo mẫu số 10 lên bảng.

- HS quan sát, nhận xét.

+ Số 10 cao bao nhiêu ly? Rộng bao nhiêu ly? (Cao 2 ly, rộng 2 ly)

+ Số 10 được tạo bởi số nào? (số 1 đứng trước, số 0 đứng sau)

2. GV hướng dẫn cách viết số 10.

+ Hướng dẫn lấy tọa độ trên bảng con: Trên đường kẻ dọc 2 tại điểm giữa đường kẻ ngang 2,3 lấy điểm số 1. Trên đường kẻ ngang 3 tại điểm giữa đường kẻ dọc 2,3 lấy điểm số 2. Trên đường kẻ ngang 1 tại điểm giữa đường kẻ dọc 2,3 lấy điểm số 3. Trên đường kẻ ngang 3 tại điểm giữa đường kẻ dọc 3,4 lấy điểm số 4. Tại góc giao giữa đường kẻ dọc 3 và ngang 2 lấy điểm 5. Trên đường kẻ ngang 1 tại điểm giữa đường kẻ dọc 3,4 lấy điểm 6. Tại góc giao giữa đường kẻ dọc 4 và ngang 2 lấy điểm 7

+ Ta bắt đầu nối các điểm với nhau như sau: Nối điểm 1,2,3 tạo thành số 1, nhắc bút nối điểm 4,5,6,7 tạo thành số 0 thì dừng bút.

- HS tập viết bảng con.

3. GV hướng dẫn HS làm bài tập trong sách toán

4. Nhận xét, khen ngợi HS.

□ □ □ □ □ □ □ □ □ □ □ □ □ □ □

BUỔI 19

TIẾNG VIỆT

LÀM QUEN CHỮ ô

TẬP VIẾT CHỮ ô

1. Làm quen với chữ ô

- Giới thiệu chữ ô

- Cô phát âm chữ ô 3 lần, cho trẻ phát âm lại theo cô theo hình thức cả lớp, bạn trai, bạn gái, cá nhân.

- Cô hỏi trẻ cấu tạo chữ ô in thường khác gì chữ cái o đã học (gồm 1 nét cong kín và 1 cái mũ trên đầu chữ ô)

- Cô nhắc lại cấu tạo chữ ô

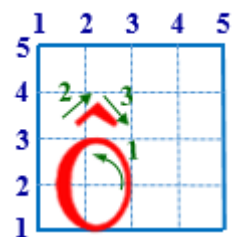
- Cô đọc mẫu bài luyện đọc trong vở luyện đọc và cho trẻ đọc theo với các hình thức khác nhau.

- Hướng dẫn trẻ làm nhanh bài tập trong vở luyện đọc.

2. Hướng dẫn viết chữ ô

- **Cấu tạo:** Chữ ô cao 2 ly, rộng 1,5 ly. Gồm 1 nét cong kín như chữ o, có thêm dấu mũ (^)

- **Cách viết:** Đặt bút dưới đường kẻ ngang 3 một chút, viết nét cong kín từ phải sang trái, dừng bút ở điểm xuất phát. Sau đó lia bút lên trên rồi viết 1 nét phải ngắn nối liền với 1 nét xiên trái ngắn. Hai chân



dấu mũ không chạm đầu chữ o, đỉnh của dấu mũ nằm ở trung điểm hai đường kẻ ngang 3 và 4.	
--	--

3. HS tập viết bảng con.

- GV quan sát, sửa lỗi cho HS

4. HS tập viết vở tập viết hoặc vở ô ly.

- GV quan sát, sửa lỗi cho HS.

5. Nhận xét, khen ngợi HS.

6. Giao về nhà viết bài

TOÁN

ÔN SỐ LƯỢNG TỪ 1 - 10

1. Ôn số lượng trong phạm vi 10

- Trò chơi”Ông tìm số” : Cô úp các thẻ số từ 0 – 10 lên bàn, sau đó lần lượt gọi trẻ lên chọn thẻ số. Trẻ chọn thẻ số nào thì giơ lên và đọc to số đó.

2. GV cho HS viết lại vào bảng con

- Cô đọc số nào trẻ viết số đó thật nhanh và giơ lên cô kiểm tra.

3. Hướng dẫn trẻ làm bài tập trong vở BT toán

4. Nhận xét, khen ngợi trẻ

☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐

BUỔI 20

TIẾNG VIỆT

LÀM QUEN CHỮ Ơ

TẬP VIẾT CHỮ Ơ

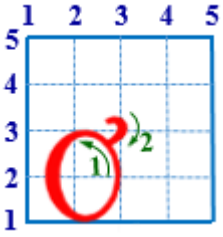
1. Làm quen với chữ ơ

- Giới thiệu chữ ơ

- Cô phát âm chữ ơ 3 lần, cho trẻ phát âm lại theo cô theo hình thức cả lớp, bạn trai, bạn gái, cá nhân.

- Cô hỏi trẻ cấu tạo chữ ơ in thường khác gì chữ cái o, ô đã học (gồm 1 nét cong kín và 1 cái râu bên phải ở phía trên)
- Cô nhắc lại cấu tạo chữ ơ
- Cô đọc mẫu bài luyện đọc trong vở luyện đọc và cho trẻ đọc theo với các hình thức khác nhau.
- Hướng dẫn trẻ làm nhanh bài tập trong vở luyện đọc.

2. Hướng dẫn viết chữ ơ

- Cấu tạo: Chữ ơ cao 2 ly, rộng 1,5 ly. Gồm 1 nét cong kín và nét râu - Cách viết: + Nét cong kín: Đặt bút dưới đường kẻ ngang 3 một chút, viết nét cong kín từ phải sang trái, dừng bút ở điểm xuất phát. + Nét râu: Đặt bút trên đường kẻ ngang 3 một chút, viết nét cong nhỏ từ trên xuống (nét râu) bên phải chữ o, dừng bút tại điểm đầu tiên viết nét cong kín.	
---	---

3. HS tập viết bảng con.

- GV quan sát, sửa lỗi cho HS

4. HS tập viết vở tập viết hoặc vở ô ly.

- GV quan sát, sửa lỗi cho HS.

5. Nhận xét, khen ngợi HS.

6. Giao về nhà viết bài

TOÁN

NHIỀU HƠN, ÍT HƠN, BẰNG NHAU

1. Kiến thức cần nhớ

- Cho trẻ quan sát tranh thỏ và cà rốt trong vở bài tập toán
- + Tranh 1: Các con đếm xem có bao nhiêu con thỏ? bao nhiêu củ cà rốt? (có 3 con thỏ, 3 củ cà rốt). Vậy số thỏ với số cà rốt đều bằng mấy? (Bằng 3). À số thỏ và số cà rốt đều bằng 3 vậy là số thỏ và số cà rốt nhiều bằng nhau đúng không nào?

=> Khi 2 nhóm có số lượng như nhau ta gọi là bằng nhau

+ Tranh 2: Thế còn tranh này, số thỏ bằng bao nhiêu, số cà rốt bằng bao nhiêu? (thỏ bằng 4, cà rốt bằng 3). Các con lấy bút chỉ nói cho cô con thỏ với củ cà rốt nào? Vậy có con thỏ không có cà rốt đúng không?. Vậy số thỏ như thế nào so với số cà rốt? (số thỏ nhiều hơn số cà rốt) Nhiều hơn là mấy? (nhiều hơn là 1). Thế số cà rốt như thế nào so với số thỏ? (số cà rốt ít hơn số thỏ) Ít hơn là mấy? (ít hơn là 1)

=> Khi nhóm 1 có số lượng dư ra so với nhóm 2 ta gọi là nhiều hơn, còn khi nhóm 1 bị thiếu so với nhóm 2 ta gọi là ít hơn.

- Cô có thể lấy ví dụ đồ dùng trong lớp để trẻ so sánh.

2. Hướng dẫn trẻ làm bài tập trong vở BT toán

3. Nhận xét, khen ngợi trẻ

□ □ □ □ □ □ □ □ □ □ □ □ □ □ □

BUỔI 21

TIẾNG VIỆT

LÀM QUEN CHỮ c

TẬP VIẾT CHỮ c

1. Làm quen với chữ c

- Giới thiệu chữ c

- Cô phát âm chữ c 3 lần, cho trẻ phát âm lại theo cô theo hình thức cả lớp, bạn trai, bạn gái, cá nhân.

- Cô phân tích cấu tạo chữ c in thường gồm 1 nét cong trái

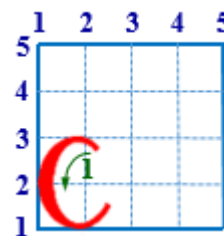
- Cho trẻ nhắc lại cấu tạo chữ c

- Cô đọc mẫu bài luyện đọc trong vở luyện đọc và cho trẻ đọc theo với các hình thức khác nhau.

- Hướng dẫn trẻ làm nhanh bài tập trong vở luyện đọc.

2. Hướng dẫn viết chữ c

- **Cấu tạo:** Chữ c cao 2 ly, rộng 1,5 ly. Có 1 nét cong trái.
- **Cách viết:** Đặt bút dưới đường kẻ ngang 3 một chút, viết nét cong trái, đến khoảng giữa ô ly của đường kẻ ngang 1 và đường kẻ ngang 2 thì dừng lại.



3. HS tập viết bảng con.

- GV quan sát, sửa lỗi cho HS

4. HS tập viết vở tập viết hoặc vở ô ly.

- GV quan sát, sửa lỗi cho HS.

5. Nhận xét, khen ngợi HS.

6. Giao về nhà viết bài

TOÁN

BẰNG NHAU, DẤU =

1. Khái niệm lớn bằng nhau.

- Buổi hôm trước các con đã cùng tìm hiểu thế nào là bằng nhau rồi đúng không? Bằng nhau tức là 2 nhóm có số lượng bằng nhau.

- Cho trẻ quan sát hình vẽ trong vở bài tập toán

+ Quan sát tranh hoa tulip và hỏi trẻ:

Hình thứ 1 có mấy bông hoa tulip? (1) Vậy chúng ta điền số mấy? (số 1)

Hình thứ 2 có mấy bông hoa tulip? (1) Vậy chúng ta điền số mấy? (số 1)

Các con thấy 2 hình có số lượng như nào với nhau? (bằng nhau) À 2 hình có số lượng bằng nhau vậy số 1 ở hình 1 như thế nào với số 1 ở hình 2? (Bằng nhau). Đúng rồi số lượng bằng nhau nên số biểu thị cho số hoa cũng bằng nhau, vậy $1 = 1$.

- + Tương tự như vậy chúng mình quan sát tranh cái lá và nhận xét giúp cô? (cô gọi mở để trẻ nói được $3=3$)

2. Giới thiệu dấu “=”.

- GV treo mẫu dấu “=” lên bảng.
- HS quan sát, nhận xét.

+ Dấu “=” được tạo bởi những nét nào? (là 2 nét ngang)

- GV hướng dẫn cách viết dấu “=”.

+ Hướng dẫn lấy tọa độ trên bảng con: Trên đường kẻ dọc 2 và ngang 2 lấy điểm 1. Trên đường kẻ dọc 4 và ngang 2 lấy điểm 2. Trên đường kẻ dọc 2 và ngang 1 lấy điểm 3. Trên đường kẻ dọc 4 và ngang 1 lấy điểm 4.

+ Ta bắt đầu nối các điểm với nhau như sau: Nối điểm 1 và 2 rồi nhắc bút nối điểm 3 và 4.

- Cho trẻ viết bảng con.

3. Hướng dẫn trẻ làm bài tập trong vở BT toán

4. Nhận xét, khen ngợi trẻ

□ □ □ □ □ □ □ □ □ □ □ □ □ □ □ □

BUỔI 22

TIẾNG VIỆT

LÀM QUEN CHỮ x

TẬP VIẾT CHỮ x

1. Làm quen với chữ x

- Giới thiệu chữ x

- Cô phát âm chữ x 3 lần, cho trẻ phát âm lại theo cô theo hình thức cả lớp, bạn trai, bạn gái, cá nhân.

- Cô phân tích cấu tạo chữ x in thường gồm 1 nét xiên trái và 1 nét xiên phải gặp nhau ở điểm giữa

- Cho trẻ nhắc lại cấu tạo chữ x

- Cô đọc mẫu bài luyện đọc trong vở luyện đọc và cho trẻ đọc theo với các hình thức khác nhau.

- Hướng dẫn trẻ làm nhanh bài tập trong vở luyện đọc.

2. Hướng dẫn viết chữ x

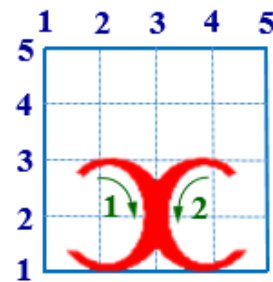
- **Cấu tạo:** Chữ x cao 2 ly, rộng 3 ly. Gồm 2 nét: 1 nét cong phải và 1 nét cong trái lưng chạm vào nhau.

- **Cách viết:**

+ **Nét cong phải:** Đặt bút dưới đường kẻ ngang 3 một chút, viết nét cong phải, đến khoảng giữa ô ly của đường kẻ ngang 1 và đường kẻ ngang 2 thì dừng lại.

+ **Nét cong trái:** Từ điểm dừng bút của nét cong hở phải, lia bút sang phải đến dưới đường kẻ ngang 3 một chút, viết nét cong trái cân đối với nét cong phải, đến khoảng giữa ô ly của đường kẻ ngang 1 và đường kẻ ngang 2 thì dừng lại.

* **Chú ý:** Hai nét cong phải và cong trái chạm lưng vào nhau, tạo ra 2 phần đối xứng.



3. HS tập viết bảng con.

- GV quan sát, sửa lỗi cho HS

4. HS tập viết vở tập viết hoặc vở ô ly

- GV quan sát, sửa lỗi cho HS.

5. Nhận xét, khen ngợi HS.

6. Giao về nhà viết bài

TOÁN

LỚN HƠN, DẤU >

1. Khái niệm lớn hơn.

- Các con hãy lắng nghe cô kể 1 câu chuyện nhé: “Có 1 con cá sấu đang bơi dưới ao, nó đói mấy ngày hôm nay rồi, mồm nó lúc nào cũng mở to để tìm con mồi. Tuy nhiên con cá sấu này rất kén ăn, nó chỉ ăn những cái gì to hơn, lớn hơn. Những số nào to hơn, lớn hơn là nó ngoạm ăn luôn. Chúng mình nhớ nhé, các sấu há miệng ăn những số nào to hơn, lớn hơn thôi nhé.

- Bây giờ chúng mình cùng quan sát bức tranh trong vở bài tập toán

+ Tranh 1:

Hình 1 các con đếm xem có mấy con hổ? (3) - có 3 con hổ cô điền số mấy ở dưới (số 3)

Hình 2 có mấy con voi? (2) – có 2 con voi thì điền số mấy? (số 2)

Vậy 3 con hổ như thế nào so với 2 con voi? (Nhiều hơn)

À đúng rồi 3 con hổ nhiều hơn 2 con voi vì thế cô sẽ vẽ miệng con cá sấu há mồm về bên 3 con hổ, vì các sấu chỉ ăn những số to hơn, nhiều hơn, lớn hơn thôi đúng không nào.

+ Tranh 2:

Tương tự như vậy ai có thể nói cho cô tranh 2 có bao nhiêu con sư tử và bao nhiêu con hà mã không?

Đúng rồi có 5 con sư tử và 4 con hà mã, cô điền số tương ứng với bức tranh.

Vậy 5 con sư tử như nào so với 4 con hà mã? (nhiều hơn). Chúng mình sẽ vẽ miệng con cá sấu quay về đâu nào? (quay về 5 con sư tử)

Vậy các con quan sát cả 2 bức tranh miệng cá sấu quay về số 3 và số 5, cô gọi là 3 lớn hơn 2 và 5 lớn hơn 4. Miệng cá sấu ở đây cô gọi là dấu lớn (>)

2. Giới thiệu dấu “>”.

- GV treo mẫu dấu “>” lên bảng.

- HS quan sát, nhận xét.

+ Dấu “>” được tạo bởi những nét nào? (là 1 nét xiên trái nối liền với 1 nét xiên phải).

- GV hướng dẫn cách viết dấu “>”.

+ Hướng dẫn lấy tọa độ trên bảng con: Trên đường kẻ dọc 2 và ngang 3 lấy điểm 1. Trên đường kẻ dọc 4 và ngang 2 lấy điểm 2. Trên đường kẻ dọc 2 và ngang 1 lấy điểm 3.

+ Ta bắt đầu nối các điểm với nhau như sau: Từ điểm 1 viết nét xiên trái tới điểm 2 sau đó viết nối tiếp nét xiên phải tới điểm 3 thì dừng bút. Các con lưu ý dấu lớn khi viết mũi nhọn nằm ở bên phải nhé.

- Cho trẻ viết bảng con.

3. Hướng dẫn trẻ làm bài tập trong vở BT toán

4. Nhận xét, khen ngợi trẻ

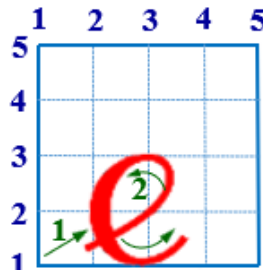
□ □ □ □ □ □ □ □ □ □ □ □ □ □ □ □

TIẾNG VIỆT
LÀM QUEN CHỮ e
TẬP VIẾT CHỮ e

1. Làm quen với chữ e

- Giới thiệu chữ e
- Cô phát âm chữ e 3 lần, cho trẻ phát âm lại theo cô theo hình thức cả lớp, bạn trai, bạn gái, cá nhân.
- Cô phân tích cấu tạo chữ e in thường gồm 1 nét ngang ngắn và 1 nét cong trái
- Cho trẻ nhắc lại cấu tạo chữ e
- Cô đọc mẫu bài luyện đọc trong vở luyện đọc và cho trẻ đọc theo với các hình thức khác nhau.
- Hướng dẫn trẻ làm nhanh bài tập trong vở luyện đọc.

2. Hướng dẫn viết chữ e

- Cấu tạo: Chữ e cao 2 ly, rộng hơn 1,5 ly. Nét chữ e là sự kết hợp của nét cong trái và cong phải nối liền nhau, tạo thành vòng khuyết ở đầu chữ. - Cách viết: Đặt bút trên đường kẻ ngang 1 một chút, viết nét cong phải đến đường kẻ ngang 3. Sau đó chuyển hướng viết nét cong trái tạo vòng khuyết ở đầu chữ. Dừng bút ở giữa ô ly của đường kẻ ngang 1 và 2. <i>* Chú ý: Vòng khuyết không to quá hoặc nhỏ quá.</i>	
--	---

3. HS tập viết bảng con.

- GV quan sát, sửa lỗi cho HS

4. HS tập viết vở tập viết hoặc vở ô ly.

- GV quan sát, sửa lỗi cho HS.

5. Nhận xét, khen ngợi HS.

6. Giao về nhà viết bài

TOÁN

LỚN HƠN, DẤU <

1. Khái niệm lớn hơn.

- Hôm qua chúng mình được làm quen với dấu lớn và câu chuyện cá sấu tham ăn, ai có thể nói cho cô và các bạn xem con cá sấu ăn những số như thế nào? (ăn số lớn hơn, to hơn, nhiều hơn)
- Đúng rồi vậy bây giờ chúng mình cùng quan sát vở bài tập và nói cho cô tranh 1 có mấy bông hoa vàng, mấy bông hoa hồng? (3 bông và, 4 bông hồng). Vậy số hoa nào nhiều hơn? (hoa hồng), miệng cá sấu há về bên nào? (bên hoa hồng) À đúng rồi miệng cá sấu há về bên hoa hồng vì số lượng hoa hồng nhiều hơn, như vậy 4 lớn hơn 3. Hay cô nói cách khác là 3 bé hơn 4
- Tương tự như vậy chúng mình cùng so sánh ở tranh 2 (cô cho hs so sánh và kết luận 4 bé hơn 5)

Bé hơn cô gọi là dấu bé

2. Giới thiệu dấu “<”.

- GV treo mẫu dấu “<” lên bảng.
- HS quan sát, nhận xét.
- + Dấu “<” được tạo bởi những nét nào? (là 1 nét xiên phải nối liền với 1 nét xiên trái ngược lại với dấu lớn đúng không các con).
- GV hướng dẫn cách viết dấu “<”.
- + Hướng dẫn lấy tọa độ trên bảng con: Trên đường kẻ dọc 4 và ngang 3 lấy điểm 1. Trên đường kẻ dọc 2 và ngang 2 lấy điểm 2. Trên đường kẻ dọc 4 và ngang 1 lấy điểm 3.
- + Ta bắt đầu nối các điểm với nhau như sau: Từ điểm 1 viết nét xiên phải tới điểm 2 sau đó viết nối tiếp nét xiên trái tới điểm 3 thì dừng bút. Các con lưu ý dấu bé khi viết mũi nhọn nằm ở bên trái nhé.
- Cho trẻ viết bảng con.

3. Hướng dẫn trẻ làm bài tập trong vở BT toán

4. Nhận xét, khen ngợi trẻ

□ □ □ □ □ □ □ □ □ □ □ □ □ □ □ □

TIẾNG VIỆT
LÀM QUEN CHỮ ê
TẬP VIẾT CHỮ ê

1. Làm quen với chữ ê

- Giới thiệu chữ ê
- Cô phát âm chữ ê 3 lần, cho trẻ phát âm lại theo cô theo hình thức cả lớp, bạn trai, bạn gái, cá nhân.
- Cô phân tích cấu tạo chữ ê in thường gồm 1 nét ngang ngắn và 1 nét cong trái, thêm 1 cái mũ trên đầu
- Cho trẻ nhắc lại cấu tạo chữ ê
- Cô đọc mẫu bài luyện đọc trong vở luyện đọc và cho trẻ đọc theo với các hình thức khác nhau.
- Hướng dẫn trẻ làm nhanh bài tập trong vở luyện đọc.

2. Hướng dẫn viết chữ ê

- **Cấu tạo:** Chữ ê cao 2 ly, rộng hơn 1,5 ly. Nét chữ ê là sự kết hợp của nét cong trái và cong phải nối liền nhau, tạo thành vòng khuyết ở đầu chữ. Và có 1 dấu mũ trên đầu.

- **Cách viết:** Đặt bút trên đường kẻ ngang 1 một chút, viết nét cong phải đến đường kẻ ngang 3. Sau đó chuyển hướng viết nét cong trái tạo vòng khuyết ở đầu chữ. Dừng bút ở giữa ô ly của đường kẻ ngang 1 và 2. Từ điểm dừng bút của nét chữ e, lia bút lên đầu chữ e để viết dấu mũ (ở khoảng giữa đường kẻ ngang 3 và 4) tương tự cách viết dấu mũ của chữ ô.

** Chú ý: Vòng khuyết không to quá hoặc nhỏ quá.*



3. HS tập viết bằng con.

- GV quan sát, sửa lỗi cho HS

4. HS tập viết vở tập viết hoặc vở ô ly.

- GV quan sát, sửa lỗi cho HS.

5. Nhận xét, khen ngợi HS.

6. Giao về nhà viết bài

TOÁN

LUYỆN TẬP DẤU >, <, =

1. Ôn dấu >, <, =

- GV cho trẻ ôn lại dấu >, <, =

2. GV cho HS viết lại vào bảng con

3. Hướng dẫn trẻ làm bài tập trong vở BT toán

4. Nhận xét, khen ngợi trẻ

☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐

BUỔI 25

TIẾNG VIỆT

LÀM QUEN CHỮ a

TẬP VIẾT CHỮ a

1. Làm quen với chữ a

- Giới thiệu chữ a

- Cô phát âm chữ a 3 lần, cho trẻ phát âm lại theo cô theo hình thức cả lớp, bạn trai, bạn gái, cá nhân.

- Cô phân tích cấu tạo chữ a in thường gồm 1 nét cong kín và 1 nét sổ thẳng bên phải

- Cho trẻ nhắc lại cấu tạo chữ a

- Cô đọc mẫu bài luyện đọc trong vở luyện đọc và cho trẻ đọc theo với các hình thức khác nhau.

- Hướng dẫn trẻ làm nhanh bài tập trong vở luyện đọc.

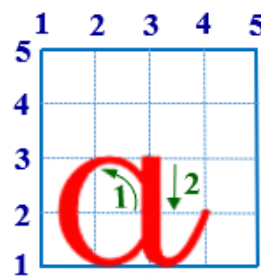
2. Hướng dẫn viết chữ a

- **Cấu tạo:** Chữ a cao 2 ly, rộng 2,5 ly. Gồm 2 nét: nét cong kín và nét móc ngược ở bên phải.

- **Cách viết:**

+ **Nét cong kín:** Đặt bút dưới đường kẻ ngang 3 một chút, viết nét cong kín từ phải sang trái, dừng bút ở điểm xuất phát.

+ **Nét móc ngược:** Từ điểm dừng bút của nét 1, lia bút lên đường kẻ ngang 3 viết nét móc ngược ở bên phải, sát nét móc cong kín, đến góc đường kẻ ngang 2 thì dừng lại.



3. HS tập viết bảng con.

- GV quan sát, sửa lỗi cho HS

4. HS tập viết vở tập viết hoặc vở ô ly.

- GV quan sát, sửa lỗi cho HS.

5. Nhận xét, khen ngợi HS.

6. Giao về nhà viết bài

TOÁN

GỘP TRONG PHẠM VI 10

1. Kiến thức cần nhớ

- Cho trẻ ôn lại các số từ 1 -10 qua thẻ số hoặc qua màn hình máy tính

- Quan sát tranh trong vở bài tập toán

+ Các con đếm xem bạn Mai có mấy con cá? (3 con)

+ Bạn Nam có mấy con cá? (2 con)

+ Bây giờ nếu cô đổ bể cá của bạn Mai và bạn Nam vào chung 1 bể thì theo các con sẽ có mấy con cá? Chúng mình cùng đếm số cá nào?(5 con cá, trẻ đếm)

=> Như vậy 3 con cá và 2 con cá ta được 5 con cá hay nói cách khác gộp 3 con cá với 2 con cá ta được 5 con cá.

2. Hướng dẫn trẻ làm bài tập trong vở BT toán

3. Nhận xét, khen ngợi trẻ

□	□	□	□	□	□	□	□	□	□	□	□	□	□	□
---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---

BUỔI 26

TIẾNG VIỆT

LÀM QUEN CHỮ ă

TẬP VIẾT CHỮ ă

1. Làm quen với chữ ă

- Giới thiệu chữ ă
- Cô phát âm chữ ă 3 lần, cho trẻ phát âm lại theo cô theo hình thức cả lớp, bạn trai, bạn gái, cá nhân.
- Cô phân tích cấu tạo chữ ă in thường gồm 1 nét cong kín và 1 nét sổ thẳng bên phải và 1 dấu mũ hình vòng cung ở phía trên.
- Cho trẻ nhắc lại cấu tạo chữ ă
- Cô cho trẻ quan sát các băng từ, hình ảnh có chữ ă để trẻ nhận ra chữ ă có trong các tiếng

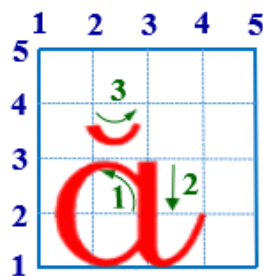
2. Hướng dẫn viết chữ ă

- **Cấu tạo:** Chữ ă cao 2 ly, rộng 2,5 ly. Gồm 3 nét: nét cong kín, nét móc ngược ở bên phải và mũ là nét cong nhỏ hình vòng cung

- **Cách viết:**

+ **Nét cong kín:** Đặt bút dưới đường kẻ ngang 3 một chút, viết nét cong kín từ phải sang trái, dừng bút ở điểm xuất phát.

+ **Nét móc ngược:** Từ điểm dừng bút của nét 1, lia bút lên đường kẻ ngang 3 viết nét móc ngược ở bên phải, sát nét móc cong kín, đến góc đường kẻ ngang 2 thì dừng lại.



+ Mũ (nét cong nhỏ hình vòng cung): Từ điểm dừng bút của nét 2, lia bút lên trên viết 1 nét cong dưới nhỏ hình vòng cung trên đầu chữ a vào khoảng giữa đường kẻ ngang 3 và 4 thì dừng bút.	
---	--

3. HS tập viết bảng con.

- GV quan sát, sửa lỗi cho HS

4. HS tập viết vở tập viết hoặc vở ô ly.

- GV quan sát, sửa lỗi cho HS.

5. Nhận xét, khen ngợi HS.

6. Giao về nhà viết bài

TOÁN

TÁCH TRONG PHẠM VI 10

1. Kiến thức cần nhớ

- Quan sát tranh trong vở bài tập toán

+ Các con đếm xem có bao nhiêu bông hoa? (5 bông)

+ Trong đó có bao bông màu đỏ, bao bông màu cam? (3 bông đỏ, 2 bông cam)

=> Ta có 5 bông hoa gồm 3 bông màu đỏ và 2 bông màu cam. Như vậy 5 gồm 3 và 2 hay 5 gồm 2 và 3 đều giống nhau nhé các con

+ Tiếp tục quan sát xem có bao bông hoa to, bao bông hoa nhỏ? (1 bông to, 4 bông nhỏ)

=> Ta có 5 bông hoa gồm 1 bông hoa to và 4 bông hoa nhỏ. Như vậy 5 gồm 1 và 4 hay 5 gồm 4 và 1

- Vậy tách 5 thành 2 phần ta có 2 cách:

+ Cách 1: 5 gồm 3 và 2 hoặc 5 gồm 2 và 3

+ Cách 2: 5 gồm 1 và 4 hoặc 5 gồm 4 và 1

2. Hướng dẫn trẻ làm bài tập trong vở BT toán

3. Nhận xét, khen ngợi trẻ

□ □ □ □ □ □ □ □ □ □ □ □ □ □ □ □

BUỔI 27

TIẾNG VIỆT

LÀM QUEN CHỮ â

TẬP VIẾT CHỮ â

1. Làm quen với chữ â

- Giới thiệu chữ â
- Cô phát âm chữ â 3 lần, cho trẻ phát âm lại theo cô theo hình thức cả lớp, bạn trai, bạn gái, cá nhân.
- Cô phân tích cấu tạo chữ â in thường gồm 1 nét cong kín và 1 nét sổ thẳng bên phải và 1 dấu mũ ở phía trên.
- Cho trẻ nhắc lại cấu tạo chữ â
- Cô cho trẻ quan sát các băng từ, hình ảnh có chữ ă để trẻ nhận ra chữ â có trong các tiếng

2. Hướng dẫn viết chữ â

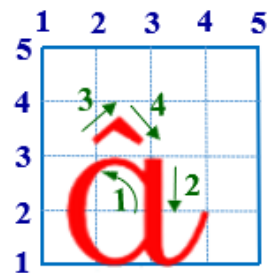
- **Cấu tạo:** Chữ â cao 2 ly, rộng 2,5 ly. Gồm 3 nét: nét cong kín, nét móc ngược ở bên phải và mũ là nét xiên phải ngắn nối liền với nét xiên trái ngắn.

- **Cách viết:**

+ **Nét cong kín:** Đặt bút dưới đường kẻ ngang 3 một chút, viết nét cong kín từ phải sang trái, dừng bút ở điểm xuất phát.

+ **Nét móc ngược:** Từ điểm dừng bút của nét 1, lia bút lên đường kẻ ngang 3 viết nét móc ngược ở bên phải, sát nét móc cong kín, đến góc đường kẻ ngang 2 thì dừng lại.

+ **Mũ:** Từ điểm dừng bút của nét 2, lia bút lên trên viết 1 nét xiên phải ngắn nối liền với 1 nét xiên trái ngắn trên đầu chữ a vào khoảng giữa đường kẻ ngang 3 và 4 thì dừng bút.



3. HS tập viết bảng con.

- GV quan sát, sửa lỗi cho HS

4. HS tập viết vở tập viết hoặc vở ô ly

- GV quan sát, sửa lỗi cho HS.

5. Nhận xét, khen ngợi HS.

6. Giao về nhà viết bài

TOÁN

PHÉP CỘNG, DẤU +

PHÉP CỘNG TRONG PHẠM VI 2

1. Giới thiệu phép cộng, hướng dẫn viết dấu +

- Quan sát tranh trong vở BT toán

+ Cô có 1 con rùa, thêm 1 con rùa nữa thì được mấy con rùa? (2 con rùa). Ta có phép cộng $1 + 1 = 2$

Các con ạ, phép cộng biểu thị cho việc thêm vào, gộp vào.

- Cô giới thiệu dấu +

2. Hướng dẫn viết dấu +

- Hướng dẫn xác định tọa độ trên bảng con: Trên đường kẻ dọc 2 và ngang 2 lấy điểm 1. Trên đường kẻ dọc 4 và ngang 2 lấy điểm 2. Trên đường kẻ dọc 3 và ngang 3 lấy điểm 3. Trên đường kẻ dọc 3 và ngang 1 lấy điểm 4.

- Ta nối các điểm như sau: Từ điểm 1 viết nét ngang sang điểm 2 sau đó nhấc bút nối từ điểm 3 xuống 4 bằng 1 nét sổ thẳng.

- Cho trẻ viết bảng con.

3. Cho trẻ viết dấu cộng trong vở BT và làm bài tập ở dưới

4. Phép cộng trong phạm vi 2.

- GV cho hs quan sát bt toán: Buổi trước chúng mình đã được học gộp trong phạm vi 10

+ Nhìn vào hình thứ 1 ai nói cho cô cách gộp như nào? (0 và 2 được 2 hoặc 2 và 0 được 2)

+ Nhìn vào hình thứ 2 có cách gộp như nào? (1 và 1 được 2)

- Đúng rồi các con ạ, với hình thứ 1 cô có phép cộng như sau:

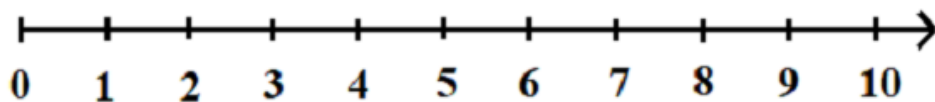
$0+2=2$ hay $2+0=2$. Để biết vì sao có kết quả bằng 2, các con cùng quan sát cô hướng dẫn như sau:

+ Bất kì số nào cộng với 0 cũng bằng chính số đó vì vậy $2+0$ sẽ bằng chính số đó là số 2, hoặc $0+2$ cũng giống như $2+0$, các con nhớ chưa nào

- Với hình thứ 2 có phép cộng: $1+1$, để làm được kết quả cô có 2 cách như sau:

+ Cách 1: các con quan sát trong 2 số, với cách cộng 2 số giống nhau ta giơ ngón tay trái số thứ 1 là 1 ngón. Dùng tay phải chỉ vào số thứ 2 đọc to 1 sau đó di chuyển tay đếm tiếp lên ngón tay vừa giơ bên tay trái là 2 (số 2 đứng sau số 1). Vậy số nói sau cùng chính là kết quả của phép tính $1+1$

+ Cách 2: cô sử dụng tia số, cô vẽ tia số từ 1 đến 10 như hình dưới này



$1+1$: ta dùng tay chỉ vào số 1 sau đó đếm tiếp 1 vạch nữa rơi vào số 2 vậy kết quả bằng 2.

5. Hướng dẫn trẻ làm bài tập trong vở BT toán

6. Nhận xét, khen ngợi trẻ

☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐

BUỔI 28

TIẾNG VIỆT

LÀM QUEN CHỮ d

TẬP VIẾT CHỮ d

1. Làm quen với chữ d

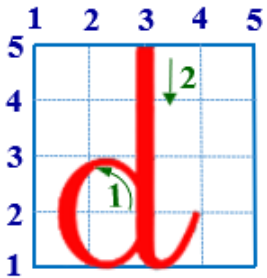
- Giới thiệu chữ d

- Cô phát âm chữ d 3 lần, cho trẻ phát âm lại theo cô theo hình thức cả lớp, bạn trai, bạn gái, cá nhân.

- Cô phân tích cấu tạo chữ d in thường gồm 1 nét cong kín và 1 nét sổ thẳng dài bên phải ở phía trên.

- Cho trẻ nhắc lại cấu tạo chữ d
- Cô đọc mẫu bài luyện đọc trong vở luyện đọc và cho trẻ đọc theo với các hình thức khác nhau.
- Hướng dẫn trẻ làm nhanh bài tập trong vở luyện đọc.

2. Hướng dẫn viết chữ d

- Cấu tạo: Chữ d cao 4 ly, rộng 2,5 ly. Gồm 2 nét: nét cong kín và nét móc ngược dài ở bên phải. - Cách viết: + Nét cong kín: Đặt bút dưới đường kẻ ngang 3 một chút, viết nét cong kín từ phải sang trái, dừng bút ở điểm xuất phát. + Nét móc ngược dài: Từ điểm dừng bút của nét 1, lia bút lên đường kẻ ngang 5 viết nét móc ngược dài ở bên phải, sát nét móc cong kín, đến góc đường kẻ ngang 2 thì dừng lại.	
---	---

3. HS tập viết bảng con.

- GV quan sát, sửa lỗi cho HS

4. HS tập viết vở tập viết hoặc vở ô ly.

- GV quan sát, sửa lỗi cho HS.

5. Nhận xét, khen ngợi HS.

6. Giao về nhà viết bài

TOÁN

PHÉP CỘNG TRONG PHẠM VI 3

1. Ôn tập phép cộng trong phạm vi 2

- HS thực hiện lại các phép tính trong phạm vi 2.
- GV nhắc lại kiến thức, khen ngợi HS

2. Phép cộng trong phạm vi 3.

GV hướng dẫn HS thực hiện phép cộng.

+ Cách 1: Cho trẻ nhắc lại gộp số lượng trong phạm vi 3

- 0 và 3 được 3 nên $0+3$ hay $3+0$ đều bằng 3

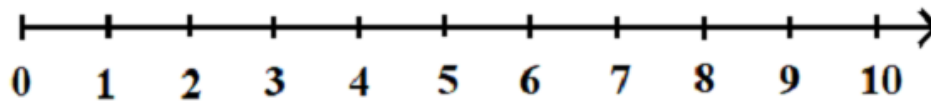
- 1 và 2 được 3 nên $1+2$ hay $2+1$ đều bằng 3

+ Cách 2:

- Với phép cộng với 0 thì các con còn nhớ cô đã nói như nào khi các số cộng với 0 không nhỉ? (bất kì số nào cộng với 0 đều bằng chính số đó)

- Với phép tính $1+2$ hay $2+1$ ta làm như sau: ta xem trong 2 số 1 và 2 số nào bé hơn? (số 1), vậy số 1 thì con giơ 1 ngón tay ra. Còn lại số nào (số 2), vậy con dùng tay phải chỉ vào số 2 đọc to 2 sau đó đếm tiếp số trên ngón tay là 3 (số 3 đứng sau số 2)

+ Cách 3: vẽ tia số



$1+2$: ta dùng tay chỉ vào số 1 sau đó đếm tiếp 2 vạch nữa rơi vào số 3 vậy kết quả bằng 3.

$2+1$: ta dùng tay chỉ vào số 2 sau đó đếm tiếp 1 vạch nữa rơi vào số 3 vậy kết quả bằng 3.

3. Hướng dẫn trẻ làm bài tập trong vở BT toán

4. Nhận xét, khen ngợi trẻ

☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐

BUỔI 29

TIẾNG VIỆT

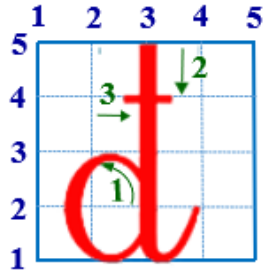
LÀM QUEN CHỮ đ

TẬP VIẾT CHỮ đ

1. Làm quen với chữ đ

- Giới thiệu chữ đ
- Cô phát âm chữ đ 3 lần, cho trẻ phát âm lại theo cô theo hình thức cả lớp, bạn trai, bạn gái, cá nhân.
- Cô phân tích cấu tạo chữ đ in thường gồm 1 nét cong kín và 1 nét sổ thẳng dài bên phải ở phía trên và 1 nét ngang ngắn.
- Cho trẻ nhắc lại cấu tạo chữ đ
- Cô đọc mẫu bài luyện đọc trong vở luyện đọc và cho trẻ đọc theo với các hình thức khác nhau.
- Hướng dẫn trẻ làm nhanh bài tập trong vở luyện đọc.

2. Hướng dẫn viết chữ đ

- Cấu tạo: Chữ đ cao 4 ly, rộng 2,5 ly. Gồm 3 nét: nét cong kín, nét móc ngược dài ở bên phải và nét ngang ngắn. - Cách viết: + Nét cong kín: Đặt bút dưới đường kẻ ngang 3 một chút, viết nét cong kín từ phải sang trái, dừng bút ở điểm xuất phát. + Nét móc ngược dài: Từ điểm dừng bút của nét 1, lia bút lên đường kẻ ngang 5 viết nét móc ngược dài ở bên phải, sát nét móc cong kín, đến góc đường kẻ ngang 2 thì dừng lại. + Nét ngang ngắn: Từ điểm dừng bút của nét 2 tại lia bút lên dòng kẻ ngang 4 tại điểm giữa đường kẻ dọc 2 và 3, viết 1 nét ngang ngắn từ trái sang phải, dừng bút tại điểm giữa đường kẻ dọc 3 và 4.	
--	--

3. HS tập viết bảng con.

- GV quan sát, sửa lỗi cho HS

4. HS tập viết vở tập viết hoặc vở ô ly.

- GV quan sát, sửa lỗi cho HS.

5. Nhận xét, khen ngợi HS.

6. Giao về nhà viết bài

TOÁN

PHÉP CỘNG TRONG PHẠM VI 4

1. Ôn tập phép cộng trong phạm vi 3

- HS thực hiện lại các phép tính trong phạm vi 3.
- GV nhắc lại kiến thức, khen ngợi HS

2. Phép cộng trong phạm vi 3.

GV hướng dẫn HS thực hiện phép cộng.

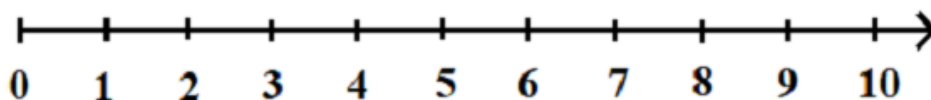
+ Cách 1: Cho trẻ nhắc lại gộp số lượng trong phạm vi 4

- 0 và 4 được 4 nên $0+4$ hay $4+0$ đều bằng 4
- 1 và 3 được 4 nên $1+3$ hay $3+1$ đều bằng 4
- 2 và 2 được 4 nên $2+2$ bằng 4

+ Cách 2:

- Cho trẻ nhắc lại cách khi cộng với số 0
- Với phép tính $1+3$ hay $3+1$ ta làm như sau: ta xem trong 2 số 1 và 3 số nào bé hơn? (số 1), vậy số 1 thì con giơ 1 ngón tay ra. Còn lại số nào (số 3), vậy con dùng tay phải chỉ vào số 3 đọc to 3 sau đó đếm tiếp số trên ngón tay là 4 (số 4 đứng sau số 3)
- Với phép tính $2+2$ ta làm như sau: 2 số bằng nhau vậy ta sẽ giơ ngón tay biểu thị số lượng số thứ nhất (2 ngón tay), sau đó dùng tay phải chỉ vào số còn lại thứ 2 là số 2 đọc to 2 sau đó đếm tiếp số trên ngón tay là 3, 4 (theo cách đếm tiếp). Vậy kết quả cuối cùng bằng 4.

+ Cách 3: vẽ tia số



- $1+3$: ta dùng tay chỉ vào số 1 sau đó đếm tiếp 3 vạch nữa rơi vào số 4 vậy kết quả bằng 4.
- $3+1$: ta dùng tay chỉ vào số 3 sau đó đếm tiếp 1 vạch nữa rơi vào số 4 vậy kết quả bằng 4.
- $2+2$: ta dùng tay chỉ vào số 2 sau đó đếm tiếp 2 vạch nữa rơi vào số 4 vậy kết quả bằng 4.

3. Hướng dẫn trẻ làm bài tập trong vở BT toán

4. Nhận xét, khen ngợi trẻ



BUỔI 30

TIẾNG VIỆT

LÀM QUEN CHỮ q

TẬP VIẾT CHỮ q

1. Làm quen với chữ q

- Giới thiệu chữ q
- Cô phát âm chữ q 3 lần, cho trẻ phát âm lại theo cô theo hình thức cả lớp, bạn trai, bạn gái, cá nhân.
- Cô phân tích cấu tạo chữ q in thường gồm 1 nét cong kín và 1 nét sổ thẳng dài bên phải ở phía dưới
- Cho trẻ nhắc lại cấu tạo chữ q
- Cho chơi xếp hạt tạo chữ q và 1 số chữ in thường mà trẻ đã học (mua cúc hoặc cho trẻ xếp hạt đỗ).

2. Hướng dẫn viết chữ q

- Cấu tạo: Chữ q cao 4 ly, rộng 1,5 ly. Gồm 2 nét: nét cong kín và nét sổ thẳng dài bên phải. (có thể cho trẻ tưởng tượng xác định bằng cao 2 tầng và có 2 tầng hàm) - Cách viết: + Nét cong kín: Đặt bút dưới đường kẻ ngang 3 một chút, viết nét cong kín từ phải sang trái, dừng bút ở điểm xuất phát. + Nét sổ thẳng dài: Từ điểm dừng bút của nét 1, chuyển hướng lên đường kẻ ngang 3 viết nét sổ thẳng dài kéo từ trên xuống dưới, dừng bút tại đường kẻ	
---	--

ngang 3 dưới (viết nét sổ thẳng dài trùng với đường kẻ dọc 3).	
--	--

3. HS tập viết bảng con.

- GV quan sát, sửa lỗi cho HS

4. HS tập viết vở tập viết hoặc vở ô ly.

- GV quan sát, sửa lỗi cho HS.

5. Nhận xét, khen ngợi HS.

6. Giao về nhà viết bài

TOÁN

PHÉP CỘNG TRONG PHẠM VI 5

1. Ôn tập phép cộng trong phạm vi 4

- HS thực hiện lại các phép tính trong phạm vi 4.
- GV nhắc lại kiến thức, khen ngợi HS

2. Phép cộng trong phạm vi 5.

GV hướng dẫn HS thực hiện phép cộng.

+ Cách 1: Cho trẻ nhắc lại gộp số lượng trong phạm vi 5

- 0 và 5 được 5 nên $0+5$ hay $5+0$ đều bằng 5

- 1 và 4 được 5 nên $1+4$ hay $4+1$ đều bằng 5

- 2 và 3 được 5 nên $2+3$ hay $3+2$ đều bằng 5

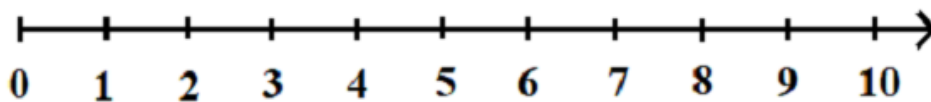
+ Cách 2:

- Cho trẻ nhắc lại cách khi cộng với số 0

- Với phép tính $1+4$ hay $4+1$ nhắc trẻ số nào bé hơn giờ ngón tay, đọc to số còn lại và đếm tiếp số trên ngón tay (4 rồi đến 5)

- Với phép tính $2+3$ hay $3+2$ nhắc trẻ số nào bé hơn giờ ngón tay, đọc to số còn lại và đếm tiếp số trên ngón tay (3 rồi đến 4,5)

+ Cách 3: vẽ tia số



1+4: ta dùng tay chỉ vào số 1 sau đó đếm tiếp 4 vạch nữa rơi vào số 5 vậy kết quả bằng 5.

4+1: ta dùng tay chỉ vào số 4 sau đó đếm tiếp 1 vạch nữa rơi vào số 5 vậy kết quả bằng 5.

2+3: ta dùng tay chỉ vào số 2 sau đó đếm tiếp 3 vạch nữa rơi vào số 5 vậy kết quả bằng 5.

3+2: ta dùng tay chỉ vào số 3 sau đó đếm tiếp 2 vạch nữa rơi vào số 5 vậy kết quả bằng 5

3. Hướng dẫn trẻ làm bài tập trong vở BT toán

4. Nhận xét, khen ngợi trẻ



BUỔI 31

TIẾNG VIỆT

LÀM QUEN CHỮ qu

TẬP VIẾT CHỮ qu

1. Làm quen với chữ qu

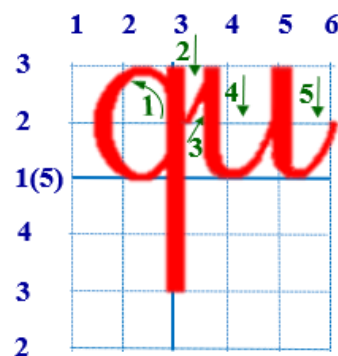
- Giới thiệu chữ qu
- Cô phát âm chữ qu 3 lần, cho trẻ phát âm lại theo cô theo hình thức cả lớp, bạn trai, bạn gái, cá nhân.
- Cô phân tích cấu tạo chữ qu in thường gồm chữ q và chữ u ghép với nhau
- Cho trẻ nhắc lại cấu tạo chữ qu
- Cô đọc mẫu bài luyện đọc trong vở luyện đọc và cho trẻ đọc theo với các hình thức khác nhau.
- Hướng dẫn trẻ làm nhanh bài tập trong vở luyện đọc.

2. Hướng dẫn viết chữ qu

- **Cấu tạo:** Chữ qu cao 4 ly, rộng 4,5 ly. Gồm 2 chữ q và u ghép lại

- **Cách viết:**

Đặt bút dưới đường kẻ ngang 3 một chút, viết nét cong kín từ phải sang trái, dừng bút ở điểm xuất phát. Sau đó chuyển hướng lên đường kẻ ngang 3 viết nét sổ thẳng dài kéo từ trên xuống dưới, dừng bút tại đường kẻ ngang 3 dưới (viết nét sổ thẳng dài trùng với đường kẻ dọc 3). Lia bút lên trên đường kẻ ngang 2 viết nét hất đến đường kẻ ngang 3 tại điểm giữa đường kẻ dọc 3,4. Tiếp tục đưa bút xuống viết nét móc ngược đến điểm giao giữa đường kẻ ngang 2 và dọc 5 thì tiếp tục nhắc bút lên điểm giao giữa đường kẻ ngang 3 và 5 viết tiếp 1 nét móc ngược nữa, dừng bút tại điểm giao nhau giữa đường kẻ ngang 2 và dọc 6.



3. HS tập viết bảng con.

- GV quan sát, sửa lỗi cho HS

4. HS tập viết vở tập viết hoặc vở ô ly.

- GV quan sát, sửa lỗi cho HS.

5. Nhận xét, khen ngợi HS.

6. Giao về nhà viết bài

TOÁN

LUYỆN TẬP PHÉP CỘNG TRONG PHẠM VI TỪ 1 - 5

1. Ôn tập phép cộng trong phạm vi từ 1 đến 5

- HS thực hiện lại các phép tính bất kì mà cô cho. Trong quá trình trẻ làm cô hỏi trẻ cách làm.

- GV nhắc lại kiến thức, khen ngợi HS

2. Hướng dẫn trẻ làm bài tập trong vở BT toán

3. Nhận xét, khen ngợi trẻ

☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐

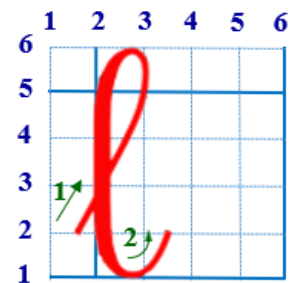
BUỔI 32
TIẾNG VIỆT
LÀM QUEN CHỮ I
TẬP VIẾT CHỮ I

1. Làm quen với chữ I

- Giới thiệu chữ I
- Cô phát âm chữ I 3 lần, cho trẻ phát âm lại theo cô theo hình thức cả lớp, bạn trai, bạn gái, cá nhân.
- Cô phân tích cấu tạo chữ I in thường gồm 1 nét sổ thẳng dài
- Cho trẻ nhắc lại cấu tạo chữ I
- Cô đọc mẫu bài luyện đọc trong vở luyện đọc và cho trẻ đọc theo với các hình thức khác nhau.
- Hướng dẫn trẻ làm nhanh bài tập trong vở luyện đọc.

2. Hướng dẫn viết chữ I

- **Cấu tạo:** Chữ I cao 5 ly, rộng 2 ly. Gồm nét khuyết trên nối liền với nét móc ngược.
- **Cách viết:**
 - + **Nét khuyết trên:** Điểm đặt bút trên đường kẻ ngang 2 và ở giữa 2 đường kẻ dọc 1 và 2. Đưa bút lượn lên phía trên và lượn cong sang trái sát đường kẻ ngang 6 rồi kéo thẳng xuống (trùng với đường kẻ dọc 2) tới gần tới đường kẻ ngang 1
 - + **Nét móc ngược:** Từ điểm dừng bút của nét 1 ta lượn cong viết nét móc ngược, dừng bút nằm trên đường kẻ ngang 2 và khoảng giữa 2 đường kẻ dọc 3,4.



3. HS tập viết bảng con.

- GV quan sát, sửa lỗi cho HS

4. HS tập viết vở tập viết hoặc vở ô ly.

- GV quan sát, sửa lỗi cho HS.

5. Nhận xét, khen ngợi HS.

6. Giao về nhà viết bài

TOÁN

PHÉP CỘNG TRONG PHẠM VI 6

1. Phép cộng trong phạm vi 6.

GV hướng dẫn HS thực hiện phép cộng.

+ Cách 1: Cho trẻ nhắc lại gộp số lượng trong phạm vi 6

- 0 và 6 được 6 nên $0+6$ hay $6+0$ đều bằng 6

- 1 và 5 được 6 nên $1+5$ hay $5+1$ đều bằng 6

- 2 và 4 được 6 nên $2+4$ hay $4+2$ đều bằng 6

- 3 và 3 được 6 nên $3+3$ bằng 6

+ Cách 2:

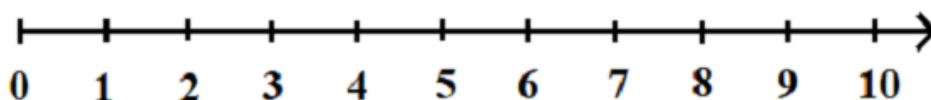
- Cho trẻ nhắc lại cách khi cộng với số 0

- Với phép tính $1+5$ hay $5+1$ nhắc trẻ số nào bé hơn giờ ngón tay, đọc to số còn lại và đếm tiếp số trên ngón tay (5 rồi đến 6)

- Với phép tính $2+4$ hay $4+2$ nhắc trẻ số nào bé hơn giờ ngón tay, đọc to số còn lại và đếm tiếp số trên ngón tay (4 rồi đến 5,6)

- Với phép tính $3+3$ ta làm như sau: 2 số bằng nhau vậy ta sẽ giờ ngón tay biểu thị số lượng số thứ nhất (3 ngón tay), sau đó dùng tay phải chỉ vào số còn lại thứ 2 là số 3 đọc to 3 sau đó đếm tiếp số trên ngón tay là 4,5,6 (theo cách đếm tiếp). Vậy kết quả cuối cùng bằng 6.

+ Cách 3: vẽ tia số



$1+5$: ta dùng tay chỉ vào số 1 sau đó đếm tiếp 5 vạch nữa rơi vào số 6 vậy kết quả bằng 6.

$5+1$: ta dùng tay chỉ vào số 5 sau đó đếm tiếp 1 vạch nữa rơi vào số 6 vậy kết quả bằng 6.

2+4: ta dùng tay chỉ vào số 2 sau đó đếm tiếp 4 vạch nữa rơi vào số 6 vậy kết quả bằng 6.

4+2: ta dùng tay chỉ vào số 4 sau đó đếm tiếp 2 vạch nữa rơi vào số 6 vậy kết quả bằng 6

3+3: ta dùng tay chỉ vào số 3 sau đó đếm tiếp 3 vạch nữa rơi vào số 6 vậy kết quả bằng 6

3. Hướng dẫn trẻ làm bài tập trong vở BT toán

4. Nhận xét, khen ngợi trẻ

□ □ □ □ □ □ □ □ □ □ □ □ □ □ □

BUỔI 33

TIẾNG VIỆT

LÀM QUEN CHỮ b

TẬP VIẾT CHỮ b

1. Làm quen với chữ b

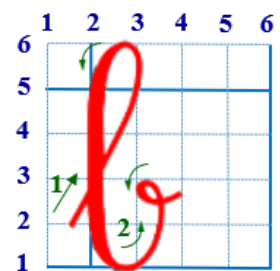
- Giới thiệu chữ b
- Cô phát âm chữ b 3 lần, cho trẻ phát âm lại theo cô theo hình thức cả lớp, bạn trai, bạn gái, cá nhân.
- Cô phân tích cấu tạo chữ b in thường gồm 1 nét sổ thẳng dài bên trái và 1 nét cong kín
- Cho trẻ nhắc lại cấu tạo chữ b
- Cô đọc mẫu bài luyện đọc trong vở luyện đọc và cho trẻ đọc theo với các hình thức khác nhau.
- Hướng dẫn trẻ làm nhanh bài tập trong vở luyện đọc.

2. Hướng dẫn viết chữ b

- **Cấu tạo:** Chữ b cao 5 ly, rộng 2,5 ly. Gồm nét khuyết trên nối liền với nét thắt trên.

- **Cách viết:**

+ **Nét khuyết trên:** Điểm đặt bút trên đường kẻ ngang 2 và ở giữa 2 đường kẻ dọc 1 và 2. Đưa bút lượn lên phía trên và lượn cong sang trái sát đường kẻ ngang 6 rồi



kéo thẳng xuống (trùng với đường kẻ dọc 2) tới gần tới đường kẻ ngang 1 + Nét thắt trên: Từ điểm dừng bút của nét 1 ta lượn cong viết nét thắt trên (đưa bút lượn cong lên đến đường kẻ ngang 3 thì vòng xoắn sang trái rồi kéo sang phải). Dừng bút gần sát đường kẻ dọc 4 và dưới đường kẻ ngang 3 một chút.	
---	--

3. HS tập viết bảng con.

- GV quan sát, sửa lỗi cho HS

4. HS tập viết vở tập viết hoặc vở ô ly.

- GV quan sát, sửa lỗi cho HS.

5. Nhận xét, khen ngợi HS.

6. Giao về nhà viết bài

TOÁN

PHÉP CỘNG TRONG PHẠM VI 7

1. Ôn tập phép cộng trong phạm vi 6

- HS thực hiện lại các phép tính trong phạm vi 6.
- GV nhắc lại kiến thức, khen ngợi HS

2. Phép cộng trong phạm vi 7.

GV hướng dẫn HS thực hiện phép cộng.

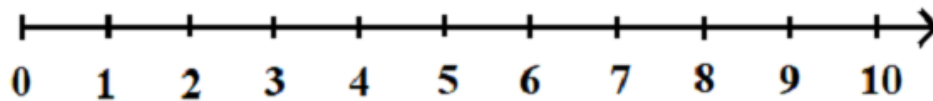
+ Cách 1: Cho trẻ nhắc lại gộp số lượng trong phạm vi 7

- 0 và 7 được 7 nên $0+7$ hay $7+0$ đều bằng 7
- 1 và 6 được 7 nên $1+6$ hay $6+1$ đều bằng 7
- 2 và 5 được 7 nên $2+5$ hay $5+2$ đều bằng 7
- 3 và 4 được 7 nên $3+4$ hay $4+3$ đều bằng 7

+ Cách 2:

- Cho trẻ nhắc lại cách khi cộng với số 0

- Với phép tính $1+6$ hay $6+1$ nhắc trẻ số nào bé hơn giờ ngón tay, đọc to số còn lại và đếm tiếp số trên ngón tay (6 rồi đến 7)
 - Với phép tính $2+5$ hay $5+2$ nhắc trẻ số nào bé hơn giờ ngón tay, đọc to số còn lại và đếm tiếp số trên ngón tay (5 rồi đến 6,7)
 - Với phép tính $3+4$ hay $4+3$ nhắc trẻ số nào bé hơn giờ ngón tay, đọc to số còn lại và đếm tiếp số trên ngón tay (4 rồi đến 5,6,7)
- + Cách 3: vẽ tia số



- $1+6$: ta dùng tay chỉ vào số 1 sau đó đếm tiếp 6 vạch nữa rơi vào số 7 vậy kết quả bằng 7.
 $6+1$: ta dùng tay chỉ vào số 6 sau đó đếm tiếp 1 vạch nữa rơi vào số 7 vậy kết quả bằng 7.
 $2+5$: ta dùng tay chỉ vào số 2 sau đó đếm tiếp 5 vạch nữa rơi vào số 7 vậy kết quả bằng 7.
 $5+2$: ta dùng tay chỉ vào số 5 sau đó đếm tiếp 2 vạch nữa rơi vào số 7 vậy kết quả bằng 7
 $3+4$: ta dùng tay chỉ vào số 3 sau đó đếm tiếp 4 vạch nữa rơi vào số 7 vậy kết quả bằng 7
 $4+3$: ta dùng tay chỉ vào số 4 sau đó đếm tiếp 3 vạch nữa rơi vào số 7 vậy kết quả bằng 7

3. Hướng dẫn trẻ làm bài tập trong vở BT toán

4. Nhận xét, khen ngợi trẻ

☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐

BUỔI 34

TIẾNG VIỆT

LÀM QUEN CHỮ h

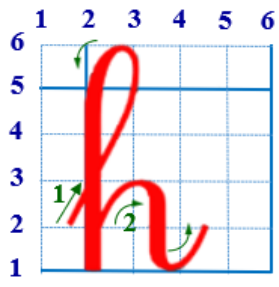
TẬP VIẾT CHỮ h

1. Làm quen với chữ h

- Giới thiệu chữ h

- Cô phát âm chữ h 3 lần, cho trẻ phát âm lại theo cô theo hình thức cả lớp, bạn trai, bạn gái, cá nhân.
- Cô phân tích cấu tạo chữ h in thường gồm 1 nét sổ thẳng dài và 1 nét móc xuôi
- Cho trẻ nhắc lại cấu tạo chữ h
- Cô đọc mẫu bài luyện đọc trong vở luyện đọc và cho trẻ đọc theo với các hình thức khác nhau.
- Hướng dẫn trẻ làm nhanh bài tập trong vở luyện đọc.

2. Hướng dẫn viết chữ h

- Cấu tạo: Chữ h cao 5 ly, rộng 3 ly. Gồm nét khuyết trên và nét móc hai đầu. - Cách viết: + Nét khuyết trên: Điểm đặt bút trên đường kẻ ngang 2 và ở giữa 2 đường kẻ dọc 1 và 2. Đưa bút lên phía trên và lượn cong sang trái sát đường kẻ ngang 6 rồi kéo thẳng xuống (trùng với đường kẻ dọc 2) tới đường kẻ ngang 1 thì dừng lại. + Nét móc hai đầu: Từ điểm dừng bút của nét 1, rê bút lên trên đường kẻ ngang 2 viết tiếp nét móc hai đầu chạm đường kẻ ngang 3 và dừng bút ở trên đường kẻ ngang 2 tại điểm giữa đường kẻ dọc 4 và 5.	
--	---

3. HS tập viết bảng con.

- GV quan sát, sửa lỗi cho HS

4. HS tập viết vở tập viết hoặc vở ô ly.

- GV quan sát, sửa lỗi cho HS.

5. Nhận xét, khen ngợi HS.

6. Giao về nhà viết bài

TOÁN

PHÉP CỘNG TRONG PHẠM VI 8

1. Ôn tập phép cộng trong phạm vi 7

- HS thực hiện lại các phép tính trong phạm vi 7.

- GV nhắc lại kiến thức, khen ngợi HS

2. Phép cộng trong phạm vi 8.

GV hướng dẫn HS thực hiện phép cộng.

+ Cách 1: Cho trẻ nhắc lại gộp số lượng trong phạm vi 8

- 0 và 8 được 8 nên $0+8$ hay $8+0$ đều bằng 8

- 1 và 7 được 8 nên $1+7$ hay $7+1$ đều bằng 8

- 2 và 6 được 8 nên $2+6$ hay $6+2$ đều bằng 8

- 3 và 5 được 8 nên $3+5$ hay $5+3$ đều bằng 8

- 4 và 4 được 8 nên $4+4$ bằng 8

+ Cách 2:

- Cho trẻ nhắc lại cách khi cộng với số 0

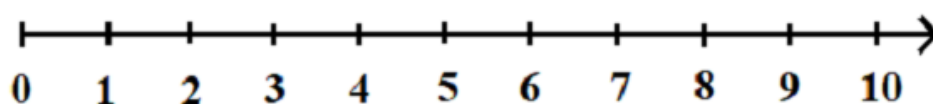
- Với phép tính $1+7$ hay $7+1$ nhắc trẻ số nào bé hơn giờ ngón tay, đọc to số còn lại và đếm tiếp số trên ngón tay (7 rồi đến 8)

- Với phép tính $2+6$ hay $6+2$ nhắc trẻ số nào bé hơn giờ ngón tay, đọc to số còn lại và đếm tiếp số trên ngón tay (6 rồi đến 7,8)

- Với phép tính $3+5$ hay $5+3$ nhắc trẻ số nào bé hơn giờ ngón tay, đọc to số còn lại và đếm tiếp số trên ngón tay (5 rồi đến 6,7,8)

- Với phép tính $4+4$ ta làm như sau: 2 số bằng nhau vậy ta sẽ giờ ngón tay biểu thị số lượng số thứ nhất (4 ngón tay), sau đó dùng tay phải chỉ vào số còn lại thứ 2 là số 4 đọc to 4 sau đó đếm tiếp số trên ngón tay là 5,6,7,8 (theo cách đếm tiếp). Vậy kết quả cuối cùng bằng 8.

+ Cách 3: vẽ tia số



$1+7$: ta dùng tay chỉ vào số 1 sau đó đếm tiếp 7 vạch nữa rơi vào số 8 vậy kết quả bằng 8.

$7+1$: ta dùng tay chỉ vào số 7 sau đó đếm tiếp 1 vạch nữa rơi vào số 8 vậy kết quả bằng 8

2+6: ta dùng tay chỉ vào số 2 sau đó đếm tiếp 6 vạch nữa rơi vào số 8 vậy kết quả bằng 8.

6+2: ta dùng tay chỉ vào số 6 sau đó đếm tiếp 2 vạch nữa rơi vào số 8 vậy kết quả bằng 8

3+5: ta dùng tay chỉ vào số 3 sau đó đếm tiếp 5 vạch nữa rơi vào số 8 vậy kết quả bằng 8

5+3: ta dùng tay chỉ vào số 5 sau đó đếm tiếp 3 vạch nữa rơi vào số 8 vậy kết quả bằng 8

4+4: ta dùng tay chỉ vào số 4 sau đó đếm tiếp 4 vạch nữa rơi vào số 8 vậy kết quả bằng 8

3. Hướng dẫn trẻ làm bài tập trong vở BT toán

4. Nhận xét, khen ngợi trẻ

☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐

BUỔI 35

TIẾNG VIỆT

LÀM QUEN CHỮ th

TẬP VIẾT CHỮ th

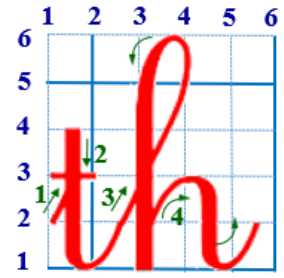
1. Làm quen với chữ th

- Giới thiệu chữ th
- Cô phát âm chữ th 3 lần, cho trẻ phát âm lại theo cô theo hình thức cả lớp, bạn trai, bạn gái, cá nhân.
- Cô phân tích cấu tạo chữ th in thường gồm chữ t đứng trước ghép với chữ h đứng sau
- Cho trẻ nhắc lại cấu tạo chữ th
- Cô đọc mẫu bài luyện đọc trong vở luyện đọc và cho trẻ đọc theo với các hình thức khác nhau.
- Hướng dẫn trẻ làm nhanh bài tập trong vở luyện đọc.

2. Hướng dẫn viết chữ th

- **Cấu tạo:** Chữ th cao 5 ly, rộng 4,5 ly. Gồm chữ t và h ghép lại với nhau.

- **Cách viết:** Điểm đặt bút trên đường kẻ ngang 2 tại góc giao giữa 2 đường kẻ ngang 2 và dọc 1. Đưa bút lên viết nét hất đến đường kẻ ngang 3, sau đó nhấc bút lên đường kẻ ngang 4 tại điểm giữa đường kẻ dọc 1 và 2 kéo thẳng từ trên xuống viết nét móc ngược dài đi qua góc của đường kẻ dọc 3 và ngang 3 sau đó viết nối tiếp nét khuyết trên của chữ h đi qua góc đường kẻ ngang 5 và dọc 4 rồi vòng xuống trùng với đường kẻ dọc 3. Di bút lên đường kẻ ngang 2 viết nét móc 2 đầu. Dừng bút trên đường kẻ ngang 2 tại điểm giữa đường kẻ dọc 5 và 6.



3. HS tập viết bảng con.

- GV quan sát, sửa lỗi cho HS

4. HS tập viết vở tập viết hoặc vở ô ly.

- GV quan sát, sửa lỗi cho HS.

5. Nhận xét, khen ngợi HS.

6. Giao về nhà viết bài

TOÁN

PHÉP CỘNG TRONG PHẠM VI 9

1. Ôn tập phép cộng trong phạm vi 8

- HS thực hiện lại các phép tính trong phạm vi 8.

- GV nhắc lại kiến thức, khen ngợi HS

2. Phép cộng trong phạm vi 9.

GV hướng dẫn HS thực hiện phép cộng.

+ Cách 1: Cho trẻ nhắc lại gộp số lượng trong phạm vi 9

- 0 và 9 được 9 nên $0+9$ hay $9+0$ đều bằng 9

- 1 và 8 được 9 nên $1+8$ hay $8+1$ đều bằng 9

- 2 và 7 được 9 nên $2+7$ hay $7+2$ đều bằng 9

- 3 và 6 được 9 nên $3+6$ hay $6+3$ đều bằng 9

- 4 và 5 được 9 nên $4+5$ hay $5+4$ đều bằng 9

+ Cách 2:

- Cho trẻ nhắc lại cách khi cộng với số 0

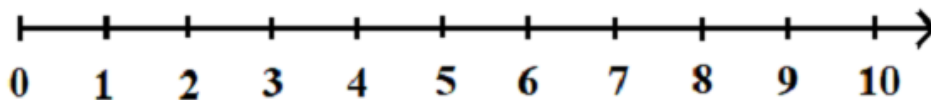
- Với phép tính $1+8$ hay $8+1$ nhắc trẻ số nào bé hơn giờ ngón tay, đọc to số còn lại và đếm tiếp số trên ngón tay (8 rồi đến 9)

- Với phép tính $2+7$ hay $7+2$ nhắc trẻ số nào bé hơn giờ ngón tay, đọc to số còn lại và đếm tiếp số trên ngón tay (7 rồi đến 8,9)

- Với phép tính $3+6$ hay $6+3$ nhắc trẻ số nào bé hơn giờ ngón tay, đọc to số còn lại và đếm tiếp số trên ngón tay (6 rồi đến 7,8,9)

- Với phép tính $4+5$ hay $5+4$ nhắc trẻ số nào bé hơn giờ ngón tay, đọc to số còn lại và đếm tiếp số trên ngón tay (5 rồi đến 6,7,8,9)

+ Cách 3: vẽ tia số



$1+8$: ta dùng tay chỉ vào số 1 sau đó đếm tiếp 8 vạch nữa rơi vào số 9 vậy kết quả bằng 9.

$8+1$: ta dùng tay chỉ vào số 8 sau đó đếm tiếp 1 vạch nữa rơi vào số 9 vậy kết quả bằng 9

$2+7$: ta dùng tay chỉ vào số 2 sau đó đếm tiếp 7 vạch nữa rơi vào số 9 vậy kết quả bằng 9.

$7+2$: ta dùng tay chỉ vào số 7 sau đó đếm tiếp 2 vạch nữa rơi vào số 9 vậy kết quả bằng 9

$3+6$: ta dùng tay chỉ vào số 3 sau đó đếm tiếp 6 vạch nữa rơi vào số 9 vậy kết quả bằng 9

$6+3$: ta dùng tay chỉ vào số 6 sau đó đếm tiếp 3 vạch nữa rơi vào số 9 vậy kết quả bằng 9

$4+5$: ta dùng tay chỉ vào số 4 sau đó đếm tiếp 5 vạch nữa rơi vào số 9 vậy kết quả bằng 9

$5+4$: ta dùng tay chỉ vào số 5 sau đó đếm tiếp 4 vạch nữa rơi vào số 9 vậy kết quả bằng 9

3. Hướng dẫn trẻ làm bài tập trong vở BT toán

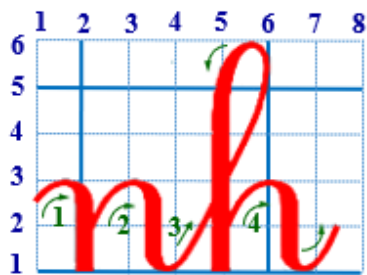
4. Nhận xét, khen ngợi trẻ

BUỔI 36
TIẾNG VIỆT
LÀM QUEN CHỮ nh
TẬP VIẾT CHỮ nh

1. Làm quen với chữ nh

- Giới thiệu chữ nh
- Cô phát âm chữ nh 3 lần, cho trẻ phát âm lại theo cô theo hình thức cả lớp, bạn trai, bạn gái, cá nhân.
- Cô phân tích cấu tạo chữ nh in thường gồm chữ n đứng trước, chữ h đứng sau
- Cho trẻ nhắc lại cấu tạo chữ nh
- Cô đọc mẫu bài luyện đọc trong vở luyện đọc và cho trẻ đọc theo với các hình thức khác nhau.
- Hướng dẫn trẻ làm nhanh bài tập trong vở luyện đọc.

2. Hướng dẫn viết chữ nh

- Cấu tạo: Chữ nh cao 5 ly, rộng 6,5 ly. Gồm chữ n và h ghép lại với nhau. - Cách viết: Điểm đặt bút trên đường kẻ dọc 1 tại điểm giữa đường kẻ ngang 2 và 3. Đưa bút sang phải viết nét móc xuôi sau đó rê bút lên đường kẻ ngang 2 viết nét móc hai đầu đi qua góc của đường kẻ dọc 5 và ngang 3 sau đó viết nối tiếp nét khuyết trên của chữ h đi qua góc đường kẻ ngang 5 và dọc 6 rồi vòng xuống trùng với đường kẻ dọc 5. Di bút lên đường kẻ ngang 2 viết nét móc 2 đầu. Dừng bút trên đường kẻ ngang 2 tại điểm giữa đường kẻ dọc 7 và 8	
--	---

3. HS tập viết bảng con.

- GV quan sát, sửa lỗi cho HS

4. HS tập viết vở tập viết hoặc vở ô ly.

- GV quan sát, sửa lỗi cho HS.

5. Nhận xét, khen ngợi HS.

6. Giao về nhà viết bài

TOÁN

PHÉP CỘNG TRONG PHẠM VI 10

1. Ôn tập phép cộng trong phạm vi 9

- HS thực hiện lại các phép tính trong phạm vi 9.

- GV nhắc lại kiến thức, khen ngợi HS

2. Phép cộng trong phạm vi 10.

GV hướng dẫn HS thực hiện phép cộng.

+ Cách 1: Cho trẻ nhắc lại gộp số lượng trong phạm vi 10

- 0 và 10 được 10 nên $0+10$ hay $10+0$ đều bằng 10

- 1 và 9 được 10 nên $1+9$ hay $9+1$ đều bằng 10

- 2 và 8 được 10 nên $2+8$ hay $8+2$ đều bằng 10

- 3 và 7 được 10 nên $3+7$ hay $7+3$ đều bằng 10

- 4 và 6 được 10 nên $4+6$ hay $6+4$ đều bằng 10

- 5 và 5 được 10 nên $5+5$ bằng 10

+ Cách 2:

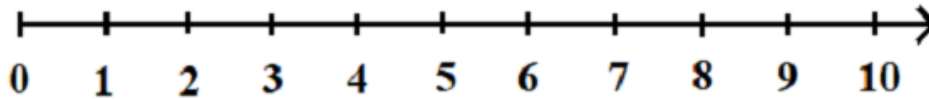
- Cho trẻ nhắc lại cách khi cộng với số 0

- Với phép tính $1+9$ hay $9+1$ nhắc trẻ số nào bé hơn giờ ngón tay, đọc to số còn lại và đếm tiếp số trên ngón tay (9 rồi đến 10)

- Với phép tính $2+8$ hay $8+2$ nhắc trẻ số nào bé hơn giờ ngón tay, đọc to số còn lại và đếm tiếp số trên ngón tay (8 rồi đến 9,10)

- Với phép tính $3+7$ hay $7+3$ nhắc trẻ số nào bé hơn giờ ngón tay, đọc to số còn lại và đếm tiếp số trên ngón tay (7 rồi đến 8,9,10)

- Với phép tính $4+6$ hay $6+4$ nhắc trẻ số nào bé hơn giờ ngón tay, đọc to số còn lại và đếm tiếp số trên ngón tay (6 rồi đến 7,8,9,10)
- Với phép tính $5+5$ ta làm như sau: 2 số bằng nhau vậy ta sẽ giờ ngón tay biểu thị số lượng số thứ nhất (5 ngón tay), sau đó dùng tay phải chỉ vào số còn lại thứ 2 là số 5 đọc to 5 sau đó đếm tiếp số trên ngón tay là 6,7,8,9,10 (theo cách đếm tiếp). Vậy kết quả cuối cùng bằng 10.
- + Cách 3: vẽ tia số



- $1+9$: ta chỉ vào số 1 sau đó đếm tiếp 9 vạch nữa rơi vào số 10 vậy kết quả bằng 10.
- $9+1$: ta chỉ vào số 9 sau đó đếm tiếp 1 vạch nữa rơi vào số 10 vậy kết quả bằng 10
- $2+8$: ta chỉ vào số 2 sau đó đếm tiếp 8 vạch nữa rơi vào số 10 vậy kết quả bằng 10
- $8+2$: ta chỉ vào số 8 sau đó đếm tiếp 2 vạch nữa rơi vào số 10 vậy kết quả bằng 10
- $3+7$: ta chỉ vào số 3 sau đó đếm tiếp 5 vạch nữa rơi vào số 10 vậy kết quả bằng 10
- $7+3$: ta chỉ vào số 5 sau đó đếm tiếp 3 vạch nữa rơi vào số 10 vậy kết quả bằng 10
- $4+6$: ta chỉ vào số 4 sau đó đếm tiếp 4 vạch nữa rơi vào số 10 vậy kết quả bằng 10
- $6+4$: ta chỉ vào số 6 sau đó đếm tiếp 4 vạch nữa rơi vào số 10 vậy kết quả bằng 10
- $5+5$: ta chỉ vào số 5 sau đó đếm tiếp 5 vạch nữa rơi vào số 10 vậy kết quả bằng 10

3. Hướng dẫn trẻ làm bài tập trong vở BT toán

4. Nhận xét, khen ngợi trẻ

☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐

BUỔI 37

TIẾNG VIỆT

LÀM QUEN CHỮ ch

TẬP VIẾT CHỮ ch

1. Làm quen với chữ ch

- Giới thiệu chữ ch
- Cô phát âm chữ ch 3 lần, cho trẻ phát âm lại theo cô theo hình thức cả lớp, bạn trai, bạn gái, cá nhân.
- Cô phân tích cấu tạo chữ ch in thường gồm chữ c đứng trước, chữ h đứng sau
- Cho trẻ nhắc lại cấu tạo chữ nh
- Cô đọc mẫu bài luyện đọc trong vở luyện đọc và cho trẻ đọc theo với các hình thức khác nhau.
- Hướng dẫn trẻ làm nhanh bài tập trong vở luyện đọc.

2. Hướng dẫn viết chữ ch

- Cấu tạo: Chữ ch cao 5 ly, rộng 5 ly. Gồm chữ c và h ghép lại với nhau. - Cách viết: Điểm đặt bút trên đường kẻ dọc 3 dưới đường kẻ ngang 3 một chút. Đưa bút vòng sang trái viết nét cong trái đi qua góc của đường kẻ dọc 4 và ngang 3 sau đó viết nối tiếp nét khuyết trên của chữ h đi qua góc đường kẻ ngang 5 và dọc 5 rồi vòng xuống trùng với đường kẻ dọc 4. Di bút lên đường kẻ ngang 2 viết nét móc 2 đầu. Dừng bút trên đường kẻ ngang 2 tại điểm giữa đường kẻ dọc 6 và 7	
---	--

3. HS tập viết bảng con.

- GV quan sát, sửa lỗi cho HS

4. HS tập viết vở tập viết hoặc vở ô ly.

- GV quan sát, sửa lỗi cho HS.

5. Nhận xét, khen ngợi HS.

6. Giao về nhà viết bài

TOÁN

LUYỆN TẬP PHÉP CỘNG TRONG PHẠM VI TỪ 6 - 10

1. Ôn tập phép cộng trong phạm vi từ 6 đến 10

- HS thực hiện lại các phép tính bất kì mà cô cho. Trong quá trình trẻ làm cô hỏi trẻ cách làm.

- GV nhắc lại kiến thức, khen ngợi HS

2. Hướng dẫn trẻ làm bài tập trong vở BT toán

3. Nhận xét, khen ngợi trẻ

□ □ □ □ □ □ □ □ □ □ □ □ □ □

BUỔI 38

TIẾNG VIỆT

LÀM QUEN CHỮ ph

TẬP VIẾT CHỮ ph

1. Làm quen với chữ ph

- Giới thiệu chữ ph

- Cô phát âm chữ ph 3 lần, cho trẻ phát âm lại theo cô theo hình thức cả lớp, bạn trai, bạn gái, cá nhân.

- Cô phân tích cấu tạo chữ ph in thường gồm chữ p đứng trước, chữ h đứng sau

- Cho trẻ nhắc lại cấu tạo chữ ph

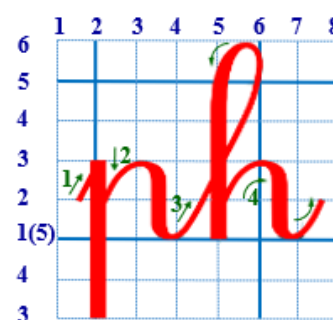
- Cô đọc mẫu bài luyện đọc trong vở luyện đọc và cho trẻ đọc theo với các hình thức khác nhau.

- Hướng dẫn trẻ làm nhanh bài tập trong vở luyện đọc.

2. Hướng dẫn viết chữ ph

- **Cấu tạo:** Chữ ph cao 7 ly, rộng 6 ly. Gồm chữ p và h ghép lại với nhau.

- **Cách viết:** Điểm đặt bút trên đường kẻ ngang 2 tại điểm giữa đường kẻ dọc 1 và 2. Đưa bút lên viết nét hất lên đường kẻ ngang 3 sau đó kéo thẳng xuống viết nét sổ thẳng trùng với đường kẻ dọc 2 đến đường kẻ ngang 3 dưới thì nhắc bút lên đường kẻ ngang 2 viết nét móc hai đầu đi qua góc của đường kẻ dọc 5 và



ngang 3 sau đó viết nối tiếp nét khuyết trên của chữ h đi qua góc đường kẻ ngang 5 và dọc 6 rồi vòng xuống trùng với đường kẻ dọc 5. Di bút lên đường kẻ ngang 2 viết nét móc 2 đầu. Dừng bút trên đường kẻ ngang 2 tại điểm giữa đường kẻ dọc 7 và 8	
--	--

3. HS tập viết bảng con.

- GV quan sát, sửa lỗi cho HS

4. HS tập viết vở tập viết hoặc vở ô ly.

- GV quan sát, sửa lỗi cho HS.

5. Nhận xét, khen ngợi HS.

6. Giao về nhà viết bài

TOÁN

KHỐI HỘP CHỮ NHẬT, KHỐI LẬP PHƯƠNG

1. Ôn lại hình chữ nhật, hình vuông

- Cô giơ 2 hình lên hỏi trẻ hình gì? Nhắc lại đặc điểm của hình

2. Giới thiệu khối hộp chữ nhật.

- GV treo mẫu khối hộp chữ nhật lên bảng hoặc cho trẻ quan sát hình qua màn hình máy vi tính

- HS quan sát, nhận xét.

+ Các con thấy khối hộp chữ nhật có mấy mặt?(6 mặt)

+ Các mặt là hình gì? (6 mặt là đều là hình chữ nhật hoặc có khối 4 mặt là hình chữ nhật, 2 mặt là hình vuông)

- Gv cho trẻ quan sát 1 số đồ vật có dạng khối hộp chữ nhật.

3. Giới thiệu khối lập phương.

- GV treo mẫu hộp lập phương lên bảng hoặc cho trẻ quan sát hình qua màn hình máy vi tính

- HS quan sát, nhận xét.

+ Các con thấy khối lập phương có mấy mặt?(6 mặt)

+ Các mặt là hình gì?(6 mặt là đều là hình vuông)

- Gv cho trẻ quan sát 1 số đồ vật có dạng khối lập phương

3. GV hướng dẫn HS làm bài tập trong sách toán

4. Nhận xét, khen ngợi HS.

□ □ □ □ □ □ □ □ □ □ □ □ □ □ □

BUỔI 39

TIẾNG VIỆT

LÀM QUEN CHỮ k

TẬP VIẾT CHỮ k

1. Làm quen với chữ k

- Giới thiệu chữ k

- Cô phát âm chữ k 3 lần, cho trẻ phát âm lại theo cô theo hình thức cả lớp, bạn trai, bạn gái, cá nhân.

- Cô phân tích cấu tạo chữ k in thường gồm 1 nét sổ thẳng, 1 nét xiên phải và 1 nét xiên trái

- Cho trẻ nhắc lại cấu tạo chữ k

- Cô đọc mẫu bài luyện đọc trong vở luyện đọc và cho trẻ đọc theo với các hình thức khác nhau. Nhắc trẻ k chỉ đi với nguyên âm i, e, ê.

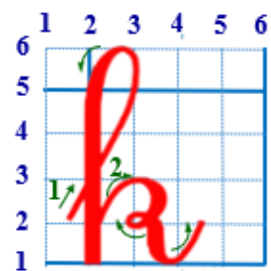
- Hướng dẫn trẻ làm nhanh bài tập trong vở luyện đọc.

2. Hướng dẫn viết chữ k

- **Cấu tạo:** Chữ k cao 5 ly, rộng 3 ly. Gồm nét khuyết trên và nét thắt giữa.

- **Cách viết:**

+ **Nét khuyết trên:** Điểm đặt bút trên đường kẻ ngang 2 và ở giữa 2 đường kẻ dọc 1 và 2. Đưa bút lên phía trên và lượn cong sang trái sát đường kẻ ngang 6 rồi kéo



thẳng xuống (trùng với đường kẻ dọc 2) tới đường kẻ ngang 1 thì dừng lại. + Nét thắt giữa: Từ điểm dừng bút của nét 1, rê bút lên trên đường kẻ ngang 2 viết tiếp nét thắt giữa chạm đường kẻ ngang 3 và xoắn 1 nét xoắn nhỏ tại góc giao giữa đường kẻ ngang 2 và đường kẻ dọc 3 rồi hất lên dừng bút trên đường kẻ ngang 2 ở giữa đường kẻ dọc 4,5.	
--	--

3. HS tập viết bảng con.

- GV quan sát, sửa lỗi cho HS

4. HS tập viết vở tập viết hoặc vở ô ly.

- GV quan sát, sửa lỗi cho HS.

5. Nhận xét, khen ngợi HS.

6. Giao về nhà viết bài

TOÁN

PHÉP TRỪ, DẤU -

PHÉP TRỪ TRONG PHẠM VI 2

1. Giới thiệu phép trừ, hướng dẫn viết dấu -

- Quan sát tranh trong vở BT toán

+ Cô có mấy hộp quà? (2 hộp quà) Cô gạch bớt bỏ đi 1 hộp quà vậy còn mấy hộp quà không gạch? (1). Ta có phép trừ $2 - 1 = 1$

Các con ạ, phép trừ biểu thị cho việc bỏ bớt, chia bớt, mất đi...

- Cô giới thiệu dấu -

2. Hướng dẫn viết dấu -

- Hướng dẫn xác định tọa độ trên bảng con: Trên đường kẻ dọc 2 và ngang 2 lấy điểm 1. Trên đường kẻ dọc 4 và ngang 2 lấy điểm 2.

- Ta nối các điểm như sau: Từ điểm 1 viết nét ngang sang điểm 2 ta được dấu trừ

- Cho trẻ viết bảng con.

3. Cho trẻ viết dấu trừ trong vở BT và làm bài tập ở dưới

4. Phép trừ trong phạm vi 2.

- Phép cộng thì biểu thị việc thêm vào, gộp vào nhưng phép trừ biểu thị cho việc tách ra, chia ra. Trong các giờ học trước cô và các con đã được học tách gộp các số trong phạm vi 10 rồi đúng không nào. Hôm nay chúng mình cùng học cách tìm kết quả cho phép trừ nhé.

+ Nhìn vào hình thứ 1 ai nói cho cô 2 được tách gồm số mấy và số mấy? (2 gồm 0 và 2)

+ Nhìn vào hình thứ 2 có cách tách như nào? (2 gồm 1 và 1)

- Đúng rồi các con ạ, với hình thứ 1 cô có phép trừ như sau:

$2-0=2$ và $2-2=0$. Để biết vì sao có kết quả như vậy, các con cùng quan sát cô hướng dẫn:

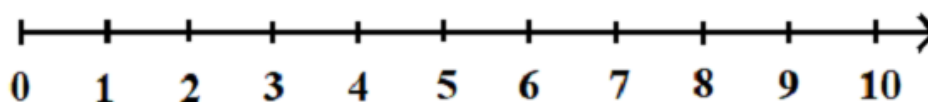
+ Tương tự phép cộng thì số 0 trong phép trừ cũng vậy: Bất kì số nào trừ đi 0 cũng bằng chính số đó vì vậy $2-0$ sẽ bằng chính số đó là số 2 các con nhớ chưa nào

+ Với phép tính 2 số giống nhau trừ cho nhau thì kết quả đều bằng 0, ở đây 2 số giống nhau là số 2 trừ đi nhau vậy kết quả bằng 0. Vậy $2-2=0$

- Với phép tính thứ 2: $2-1$, để làm được kết quả cô có 2 cách như sau:

+ Cách 1: Tương tự phép cộng ta cũng xác định số bé trong 2 số sau đó ta giờ ngón tay trái biểu thị số bé ra (số 1), tay phải chỉ vào số còn lại trong vở và đọc (số 2) rồi cụp dần ngón tay và đếm lùi về phía trước (2,1) vậy kết quả trong phép trừ $2-1=1$.

+ Cách 2: cô sử dụng tia số, cô vẽ tia số từ 1 đến 10 như hình dưới này



$2-1$: ta dùng tay chỉ vào số 2 sau đó đếm lùi về phía bên trái 1 vạch nữa rơi vào số 1 vậy kết quả bằng 1.

5. Hướng dẫn trẻ làm bài tập trong vở BT toán

6. Nhận xét, khen ngợi trẻ

☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐

TIẾNG VIỆT
LÀM QUEN CHỮ kh
TẬP VIẾT CHỮ kh

1. Làm quen với chữ kh

- Giới thiệu chữ kh
- Cô phát âm chữ kh 3 lần, cho trẻ phát âm lại theo cô theo hình thức cả lớp, bạn trai, bạn gái, cá nhân.
- Cô phân tích cấu tạo chữ kh in thường gồm chữ k đứng trước, chữ h đứng sau.
- Cho trẻ nhắc lại cấu tạo chữ kh
- Cô đọc mẫu bài luyện đọc trong vở luyện đọc và cho trẻ đọc theo với các hình thức khác nhau.
- Hướng dẫn trẻ làm nhanh bài tập trong vở luyện đọc.

2. Hướng dẫn viết chữ kh

- Cấu tạo: Chữ kh cao 5 ly, rộng 6 ly. Gồm chữ k và h ghép lại với nhau. - Cách viết: Điểm đặt bút trên đường kẻ ngang 2 và ở giữa 2 đường kẻ dọc 1 và 2. Đưa bút lên phía trên và lượn cong sang trái sát đường kẻ ngang 6 rồi kéo thẳng xuống (trùng với đường kẻ dọc 2) tới đường kẻ ngang 1 thì dừng lại. Sau đó rê bút lên trên đường kẻ ngang 2 viết tiếp nét thắt giữa chạm đường kẻ ngang 3 và xoắn 1 nét xoắn nhỏ tại góc giao giữa đường kẻ ngang 2 và đường kẻ dọc 3 rồi hất lên đi qua góc giữa đường kẻ ngang 3 và dọc 5. Ta viết nối tiếp nét khuyết trên của chữ h đi qua góc đường kẻ ngang 5 và dọc 6 rồi vòng xuống trùng với đường kẻ dọc 5. Di bút lên đường kẻ ngang 2 viết nét móc 2 đầu. Dừng bút trên đường kẻ ngang 2 tại điểm giữa đường kẻ dọc 7 và 8	
--	--

3. HS tập viết bảng con.

- GV quan sát, sửa lỗi cho HS

4. HS tập viết vở tập viết hoặc vở ô ly.

- GV quan sát, sửa lỗi cho HS.

5. Nhận xét, khen ngợi HS.

6. Giao về nhà viết bài

TOÁN

PHÉP TRỪ TRONG PHẠM VI 3

1. Ôn tập phép trừ trong phạm vi 2

- HS thực hiện lại các phép tính trong phạm vi 2.

- GV nhắc lại kiến thức, khen ngợi HS

2. Phép trừ trong phạm vi 3.

GV hướng dẫn HS thực hiện phép trừ.

+ Cách 1: Cho trẻ nhắc lại tách số lượng trong phạm vi 3

- 3 gồm 0 và 3 hay 3 và 0, nhắc lại cho trẻ nhớ:

+ Bất kì số nào trừ đi 0 cũng bằng chính số đó nên $3-0=3$

+ 2 số giống nhau trừ đi nhau đều bằng 0 nên $3-3=0$

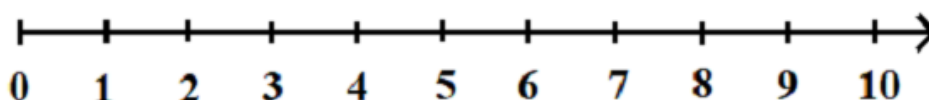
- 3 gồm 1 và 2 hay 2 và 1 nên $3-1=2$, $3-2=1$

+ Cách 2:

- Với phép tính $3-1$ ta làm như sau: ta xem trong 2 số 3 và 1 số nào bé hơn? (số 1), vậy số 1 thì con giơ 1 ngón tay ra. Còn lại số nào (số 3), vậy con dùng tay phải chỉ vào số 3 đọc to 3 sau đó cup dần ngón tay và đếm lùi số trên ngón tay là 3 rồi đến 2 (số 2 đứng trước số 3)

- Với phép tính $3-2$ ta cũng làm tương tự: số bé hơn giơ ngón tay, còn lại số lớn hơn ta đọc to rồi cup ngón tay và đếm lùi số ngón tay bên tay trái (3 rồi cup ngón tay đếm lùi 2, 1 vậy kết quả bằng 1)

+ Cách 3: vẽ tia số



3-1: ta dùng tay chỉ vào số 3 sau đó đếm lùi 1 vạch nữa rơi vào số 2 vậy kết quả bằng 2.

3-2: ta dùng tay chỉ vào số 3 sau đó đếm lùi 2 vạch nữa rơi vào số 1 vậy kết quả bằng 1

3. Hướng dẫn trẻ làm bài tập trong vở BT toán

4. Nhận xét, khen ngợi trẻ

☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐

BUỔI 41

TIẾNG VIỆT

LÀM QUEN CHỮ y

TẬP VIẾT CHỮ y

1. Làm quen với chữ y

- Giới thiệu chữ y
- Cô phát âm chữ y 3 lần, cho trẻ phát âm lại theo cô theo hình thức cả lớp, bạn trai, bạn gái, cá nhân.
- Cô phân tích cấu tạo chữ y in thường gồm 1 nét xiên trái ngắn và 1 nét xiên phải dài
- Cho trẻ nhắc lại cấu tạo chữ y
- Cô đọc mẫu bài luyện đọc trong vở luyện đọc và cho trẻ đọc theo với các hình thức khác nhau.
- Hướng dẫn trẻ làm nhanh bài tập trong vở luyện đọc.

2. Hướng dẫn viết chữ y

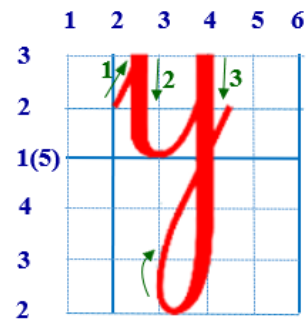
- **Cấu tạo:** Chữ y cao 5 ly, rộng 2,5 ly. Gồm 3 nét: nét hất, nét móc ngược và nét khuyết dưới.

- **Cách viết:**

+ **Nét hất:** Đặt bút trên đường kẻ ngang 2, viết nét hất tới đường kẻ ngang 3 thì dừng lại.

+ **Nét móc ngược:** Từ điểm dừng bút của nét 1 rê bút lên đường kẻ ngang 3 ở trên viết nét móc ngược tới đường kẻ ngang 2 tại góc giao với đường kẻ dọc 4 thì dừng.

+ **Nét khuyết dưới:** Từ điểm dừng bút của nét 2, rê bút lên đường kẻ ngang 3 ở trên, viết tiếp nét khuyết dưới trùng với đường kẻ dọc 4, tới gần đường kẻ ngang 2 ở dưới thì lượn cong sang trái rồi kéo lên đi qua góc giao giữa 2 đường kẻ ngang 1 và dọc 4. Dừng bút trên đường kẻ ngang 2 tại điểm giữa đường kẻ dọc 4 và 5.



3. HS tập viết bảng con.

- GV quan sát, sửa lỗi cho HS

4. HS tập viết vở tập viết hoặc vở ô ly.

- GV quan sát, sửa lỗi cho HS.

5. Nhận xét, khen ngợi HS.

6. Giao về nhà viết bài

TOÁN

PHÉP TRỪ TRONG PHẠM VI 4

1. Ôn tập phép trừ trong phạm vi 3

- HS thực hiện lại các phép tính trong phạm vi 3.

- GV nhắc lại kiến thức, khen ngợi HS

2. Phép trừ trong phạm vi 4.

GV hướng dẫn HS thực hiện phép trừ.

+ Cách 1: Cho trẻ nhắc lại tách số lượng trong phạm vi 4

- 4 gồm 0 và 4 hay 4 và 0

+ Bất kì số nào trừ đi 0 cũng bằng chính số đó nên $4-0=4$

+ 2 số giống nhau trừ đi nhau đều bằng 0 nên $4-4=0$

- 4 gồm 1 và 3 hay 3 và 1 nên $4-1=3$, $4-3=1$

- 4 gồm 2 và 2 nên $4-2=2$

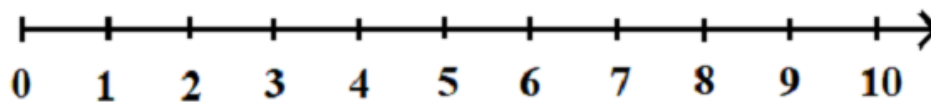
+ Cách 2:

- Với phép tính $4-1$ ta làm tương tự với cách trừ mà buổi trước cô đã dạy: số bé hơn giờ ngón tay, còn lại số lớn hơn ta đọc to rồi cụp ngón tay và đếm lùi số ngón tay bên tay trái (4 rồi cụp 1 vậy kết quả bằng 3)

- Với phép tính $4-3$ ta cũng làm tương tự: 4 rồi cụp ngón tay đếm lùi 3,2,1 vậy kết quả bằng 1)

- Với phép tính $4-2$ ta cũng làm tương tự: 4 rồi cụp ngón tay đếm lùi 3,2 vậy kết quả bằng 2)

+ Cách 3: vẽ tia số



4-1: ta dùng tay chỉ vào số 4 sau đó đếm lùi 1 vạch nữa rơi vào số 3 vậy kết quả bằng 3.

4-3: ta dùng tay chỉ vào số 4 sau đó đếm lùi 3 vạch nữa rơi vào số 1 vậy kết quả bằng 1

4-2: ta dùng tay chỉ vào số 4 sau đó đếm lùi 2 vạch nữa rơi vào số 2 vậy kết quả bằng 2

3. Hướng dẫn trẻ làm bài tập trong vở BT toán

4. Nhận xét, khen ngợi trẻ

☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐

BUỔI 42

TIẾNG VIỆT

LÀM QUEN CHỮ g

TẬP VIẾT CHỮ g

1. Làm quen với chữ g

- Giới thiệu chữ g
- Cô phát âm chữ g 3 lần, cho trẻ phát âm lại theo cô theo hình thức cả lớp, bạn trai, bạn gái, cá nhân.
- Cô phân tích cấu tạo chữ g in thường gồm 1 nét cong kín và 1 nét móc ngược về bên trái
- Cho trẻ nhắc lại cấu tạo chữ g
- Cô đọc mẫu bài luyện đọc trong vở luyện đọc và cho trẻ đọc theo với các hình thức khác nhau.
- Hướng dẫn trẻ làm nhanh bài tập trong vở luyện đọc.

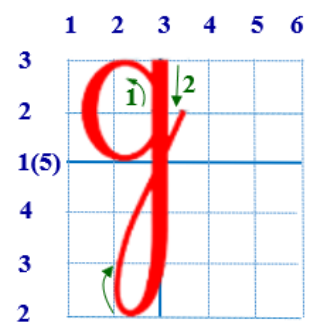
2. Hướng dẫn viết chữ g

- **Cấu tạo:** Chữ g cao 5 ly, rộng 2 ly. Gồm 2 nét: nét cong kín và nét khuyết dưới.

- **Cách viết:**

+ **Nét cong kín:** Đặt bút dưới đường kẻ ngang 3 một chút (đường kẻ phía trên), viết nét cong kín từ phải sang trái, dừng bút ở điểm xuất phát.

+ **Nét khuyết dưới:** Từ điểm dừng bút của nét 1, rê bút lên đường kẻ ngang 3 ở trên, viết tiếp nét khuyết dưới trùng với đường kẻ dọc 3, tới gần đường kẻ ngang 2 ở dưới thì lượn cong sang trái rồi kéo lên đi qua góc giao giữa 2 đường kẻ ngang 1 và dọc 3. Dừng bút trên đường kẻ ngang 2 tại điểm giữa đường kẻ dọc 3 và 4.



3. HS tập viết bảng con.

- GV quan sát, sửa lỗi cho HS

4. HS tập viết vở tập viết hoặc vở ô ly.

- GV quan sát, sửa lỗi cho HS.

5. Nhận xét, khen ngợi HS.

6. Giao về nhà viết bài

TOÁN

PHÉP TRỪ TRONG PHẠM VI 5

1. Ôn tập phép trừ trong phạm vi 4

- HS thực hiện lại các phép tính trong phạm vi 4.
- GV nhắc lại kiến thức, khen ngợi HS

2. Phép trừ trong phạm vi 5.

GV hướng dẫn HS thực hiện phép trừ.

+ Cách 1: Cho trẻ nhắc lại tách số lượng trong phạm vi 5

- 5 gồm 0 và 5 hay 5 và 0

+ Bất kì số nào trừ đi 0 cũng bằng chính số đó nên $5-0=5$

+ 2 số giống nhau trừ đi nhau đều bằng 0 nên $5-5=0$

- 5 gồm 1 và 4 hay 4 và 1 nên $5-1=4$, $5-4=1$

- 5 gồm 2 và 3 hay 3 và 2 nên $5-2=3$, $5-3=2$

+ Cách 2:

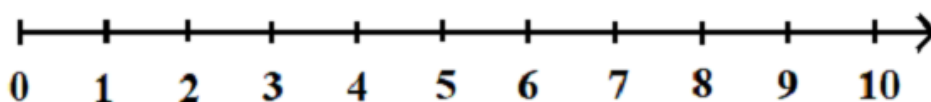
- Với phép tính $5-1$ ta làm tương tự với cách trừ mà buổi trước cô đã dạy: số bé hơn giờ ngón tay, còn lại số lớn hơn ta đọc to rồi cụp ngón tay và đếm lùi số ngón tay bên tay trái (5 rồi cụp 1 vậy kết quả bằng 4)

- Với phép tính $5-4$ ta cũng làm tương tự: 5 rồi cụp ngón tay đếm lùi 4,3,2,1 vậy kết quả bằng 1)

- Với phép tính $5-2$ ta cũng làm tương tự: 5 rồi cụp ngón tay đếm lùi 4,3 vậy kết quả bằng 3)

- Với phép tính $5-3$ ta cũng làm tương tự: 5 rồi cụp ngón tay đếm lùi 4,3,2 vậy kết quả bằng 2)

+ Cách 3: vẽ tia số



5-1: ta dùng tay chỉ vào số 5 sau đó đếm lùi 1 vạch nữa rơi vào số 4 vậy kết quả bằng 4.

5-4: ta dùng tay chỉ vào số 5 sau đó đếm lùi 4 vạch nữa rơi vào số 1 vậy kết quả bằng 1

5-2: ta dùng tay chỉ vào số 5 sau đó đếm lùi 2 vạch nữa rơi vào số 3 vậy kết quả bằng 3

5-3: ta dùng tay chỉ vào số 5 sau đó đếm lùi 3 vạch nữa rơi vào số 2 vậy kết quả bằng 2

3. Hướng dẫn trẻ làm bài tập trong vở BT toán

4. Nhận xét, khen ngợi trẻ

☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐

BUỔI 43

TIẾNG VIỆT

LÀM QUEN CHỮ' gh

TẬP VIẾT CHỮ' gh

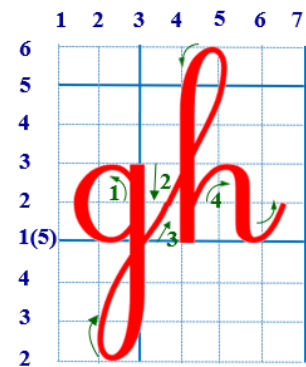
1. Làm quen với chữ gh

- Giới thiệu chữ gh
- Cô phát âm chữ gh 3 lần, cho trẻ phát âm lại theo cô theo hình thức cả lớp, bạn trai, bạn gái, cá nhân.
- Cô phân tích cấu tạo chữ gh in thường gồm chữ g đứng trước chữ h đứng sau
- Cho trẻ nhắc lại cấu tạo chữ gh
- Cô đọc mẫu bài luyện đọc trong vở luyện đọc và cho trẻ đọc theo với các hình thức khác nhau. Nhắc trẻ gh chỉ đi với nguyên âm i, e, ê
- Hướng dẫn trẻ làm nhanh bài tập trong vở luyện đọc.

2. Hướng dẫn viết chữ gh

- **Cấu tạo:** Chữ gh cao 8 ly, rộng 5 ly. Gồm chữ g và h ghép lại với nhau.

- **Cách viết:** Đặt bút dưới đường kẻ ngang 3 một chút (đường kẻ phía trên), viết nét cong kín từ phải sang trái, dừng bút ở điểm xuất phát. Sau đó rê bút lên đường kẻ ngang 3 ở trên, viết tiếp nét khuyết dưới trùng với đường kẻ dọc 3, tới gần đường kẻ ngang 2 ở dưới thì lượn cong sang trái rồi kéo lên đi qua góc giao giữa 2 đường kẻ ngang 1 và dọc 3. Đi tiếp qua góc giữa đường kẻ ngang 3 và dọc 4. Ta viết nối tiếp nét khuyết trên của chữ h đi qua góc đường kẻ ngang 5 và dọc 5 rồi vòng xuống trùng với đường kẻ dọc 4. Di bút lên đường kẻ ngang 2 viết nét móc 2 đầu. Dừng bút trên đường kẻ ngang 2 tại điểm giữa đường kẻ dọc 6 và 7



3. HS tập viết bảng con.

- GV quan sát, sửa lỗi cho HS

4. HS tập viết vở tập viết hoặc vở ô ly.

- GV quan sát, sửa lỗi cho HS.

5. Nhận xét, khen ngợi HS.

6. Giao về nhà viết bài

TOÁN

LUYỆN TẬP PHÉP TRỪ TRONG PHẠM VI TỪ 1 - 5

1. Ôn tập phép trừ trong phạm vi từ 1 đến 5

- HS thực hiện lại các phép tính bất kì mà cô cho. Trong quá trình trẻ làm cô hỏi trẻ cách làm.

- GV nhắc lại kiến thức, khen ngợi HS

2. Hướng dẫn trẻ làm bài tập trong vở BT toán

3. Nhận xét, khen ngợi trẻ

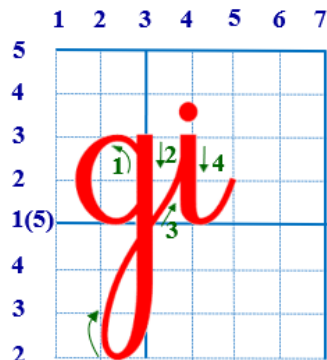
☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐

BUỔI 44
TIẾNG VIỆT
LÀM QUEN CHỮ gi
TẬP VIẾT CHỮ gi

1. Làm quen với chữ gi

- Giới thiệu chữ gi
- Cô phát âm chữ gi 3 lần, cho trẻ phát âm lại theo cô theo hình thức cả lớp, bạn trai, bạn gái, cá nhân.
- Cô phân tích cấu tạo chữ gi in thường gồm chữ g đứng trước, chữ i đứng sau
- Cho trẻ nhắc lại cấu tạo chữ gi
- Cô đọc mẫu bài luyện đọc trong vở luyện đọc và cho trẻ đọc theo với các hình thức khác nhau.
- Hướng dẫn trẻ làm nhanh bài tập trong vở luyện đọc.

2. Hướng dẫn viết chữ gi

- Cấu tạo: Chữ gi cao 5 ly, rộng 3,5 ly. Gồm chữ g và i ghép lại với nhau. - Cách viết: Đặt bút dưới đường kẻ ngang 3 một chút (đường kẻ phía trên), viết nét cong kín từ phải sang trái, dừng bút ở điểm xuất phát. Sau đó rê bút lên đường kẻ ngang 3 ở trên, viết tiếp nét khuyết dưới trùng với đường kẻ dọc 3, tới gần đường kẻ ngang 2 ở dưới thì lượn cong sang trái rồi kéo lên đi qua góc giao giữa 2 đường kẻ ngang 1 và dọc 3. Đi tiếp viết nét hất điểm giao giữa đường kẻ ngang 3 và dọc 4 rồi kéo 1 thẳng xuống dưới trùng với đường kẻ dọc 4 viết nét móc ngược. Dừng bút tại góc giữa đường kẻ ngang 2 và dọc 5.	
--	---

3. HS tập viết bảng con.

- GV quan sát, sửa lỗi cho HS

4. HS tập viết vở tập viết hoặc vở ô ly.

- GV quan sát, sửa lỗi cho HS.

5. Nhận xét, khen ngợi HS.

6. Giao về nhà viết bài

TOÁN

PHÉP TRỪ TRONG PHẠM VI 6

1. Phép trừ trong phạm vi 6.

GV hướng dẫn HS thực hiện phép trừ.

+ Cách 1: Cho trẻ nhắc lại tách số lượng trong phạm vi 6

- 6 gồm 0 và 6 hay 6 và 0

+ Bất kì số nào trừ đi 0 cũng bằng chính số đó nên $6-0=6$

+ 2 số giống nhau trừ đi nhau đều bằng 0 nên $6-6=0$

- 6 gồm 1 và 5 hay 5 và 1 nên $6-1=5$, $6-5=1$

- 6 gồm 2 và 4 hay 4 và 2 nên $6-2=4$, $6-4=2$

- 6 gồm 3 và 3 nên $6-3=3$

+ Cách 2:

- Với phép tính $6-1$ ta làm tương tự với cách trừ mà buổi trước cô đã dạy: số bé hơn giờ ngón tay, còn lại số lớn hơn ta đọc to rồi cụp ngón tay và đếm lùi số ngón tay bên tay trái (6 rồi cụp 1 vậy kết quả bằng 5)

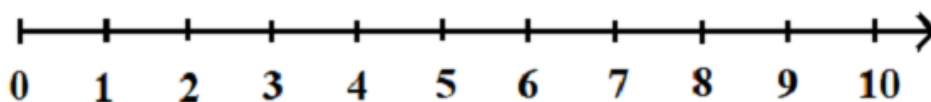
- Với phép tính $6-5$ ta cũng làm tương tự: 6 rồi cụp ngón tay đếm lùi 5,4,3,2,1 vậy kết quả bằng 1)

- Với phép tính $6-2$ ta cũng làm tương tự: 6 rồi cụp ngón tay đếm lùi 5, 4 vậy kết quả bằng 4)

- Với phép tính $6-4$ ta cũng làm tương tự: 6 rồi cụp ngón tay đếm lùi 5,4,3,2 vậy kết quả bằng 2)

- Với phép tính $6-3$ ta cũng làm tương tự: 6 rồi cụp ngón tay đếm lùi 5,4,3 vậy kết quả bằng 3)

+ Cách 3: vẽ tia số



6-1: ta dùng tay chỉ vào số 6 sau đó đếm lùi 1 vạch nữa rơi vào số 5 vậy kết quả bằng 5.

6-5: ta dùng tay chỉ vào số 6 sau đó đếm lùi 5 vạch nữa rơi vào số 1 vậy kết quả bằng 1

6-2: ta dùng tay chỉ vào số 6 sau đó đếm lùi 2 vạch nữa rơi vào số 4 vậy kết quả bằng 4

6-4: ta dùng tay chỉ vào số 6 sau đó đếm lùi 4 vạch nữa rơi vào số 2 vậy kết quả bằng 2

6-3: ta dùng tay chỉ vào số 6 sau đó đếm lùi 3 vạch nữa rơi vào số 3 vậy kết quả bằng 3

3. Hướng dẫn trẻ làm bài tập trong vở BT toán

4. Nhận xét, khen ngợi trẻ

□ □ □ □ □ □ □ □ □ □ □ □ □ □ □

BUỔI 45

TIẾNG VIỆT

LÀM QUEN CHỮ ng

TẬP VIẾT CHỮ ng

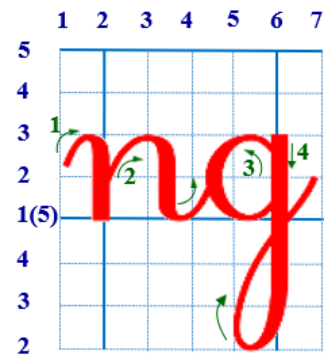
1. Làm quen với chữ ng

- Giới thiệu chữ ng
- Cô phát âm chữ ng 3 lần, cho trẻ phát âm lại theo cô theo hình thức cả lớp, bạn trai, bạn gái, cá nhân.
- Cô phân tích cấu tạo chữ ng in thường gồm chữ n đứng trước, chữ g đứng sau
- Cho trẻ nhắc lại cấu tạo chữ ng
- Cô đọc mẫu bài luyện đọc trong vở luyện đọc và cho trẻ đọc theo với các hình thức khác nhau.
- Hướng dẫn trẻ làm nhanh bài tập trong vở luyện đọc.

2. Hướng dẫn viết chữ ng

- **Cấu tạo:** Chữ ng cao 5 ly, rộng 5,5 ly. Gồm chữ n và g ghép lại với nhau.

- **Cách viết:** Đặt bút trên đường kẻ dọc 1 giữa đường kẻ ngang 2 và 3 viết nét móc xuôi chạm đường kẻ ngang 3, dừng bút ở đường kẻ ngang 1. Tiếp tục rê bút lên gần đường kẻ ngang 2 để viết tiếp nét móc hai đầu, dừng bút ở đường kẻ ngang 2 tại điểm giữa đường kẻ dọc 4 và 5. Sau đó nhấc bút dưới đường kẻ ngang 3 một chút (đường kẻ phía trên), viết nét cong kín từ phải sang trái, dừng bút ở điểm xuất phát rồi rê bút lên đường kẻ ngang 3 ở trên, viết tiếp nét khuyết dưới trùng với đường kẻ dọc 6, tới gần đường kẻ ngang 2 ở dưới thì lượn cong sang trái rồi kéo lên đi qua góc giao giữa 2 đường kẻ ngang 1 và dọc 3. Dừng bút trên đường kẻ ngang 2 tại điểm giữa đường kẻ dọc 6 và 7.



3. HS tập viết bảng con.

- GV quan sát, sửa lỗi cho HS

4. HS tập viết vở tập viết hoặc vở ô ly.

- GV quan sát, sửa lỗi cho HS.

5. Nhận xét, khen ngợi HS.

6. Giao về nhà viết bài

TOÁN

PHÉP TRỪ TRONG PHẠM VI 7

1. Ôn tập phép trừ trong phạm vi 6

- HS thực hiện lại các phép tính trong phạm vi 6.

- GV nhắc lại kiến thức, khen ngợi HS

2. Phép trừ trong phạm vi 7.

GV hướng dẫn HS thực hiện phép trừ.

+ Cách 1: Cho trẻ nhắc lại tách số lượng trong phạm vi 7

- 7 gồm 0 và 7 hay 7 và 0

+ Bất kì số nào trừ đi 0 cũng bằng chính số đó nên $7-0=7$

+ 2 số giống nhau trừ đi nhau đều bằng 0 nên $7-7=0$

- 7 gồm 1 và 6 hay 6 và 1 nên $7-1=6$, $7-6=1$

- 7 gồm 2 và 5 hay 5 và 2 nên $7-2=5$, $7-5=2$

- 7 gồm 3 và 4 hay 4 và 3 nên $7-3=4$, $7-4=3$

+ Cách 2:

- Với phép tính $7-1$ ta làm tương tự với cách trừ mà buổi trước cô đã dạy: số bé hơn giờ ngón tay, còn lại số lớn hơn ta đọc to rồi cụp ngón tay và đếm lùi số ngón tay bên tay trái (7 rồi cụp 1 vậy kết quả bằng 6)

- Với phép tính $7-6$ ta cũng làm tương tự: 7 rồi cụp ngón tay đếm lùi 6,5,4,3,2,1 vậy kết quả bằng 1)

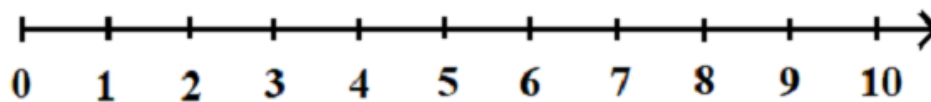
- Với phép tính $7-2$ ta cũng làm tương tự: 7 rồi cụp ngón tay đếm lùi 6,5 vậy kết quả bằng 5)

- Với phép tính $7-5$ ta cũng làm tương tự: 7 rồi cụp ngón tay đếm lùi 6,5,4,3,2 vậy kết quả bằng 2)

- Với phép tính $7-3$ ta cũng làm tương tự: 7 rồi cụp ngón tay đếm lùi 6,5,4 vậy kết quả bằng 4)

- Với phép tính $7-4$ ta cũng làm tương tự: 7 rồi cụp ngón tay đếm lùi 6,5,4,3 vậy kết quả bằng 3)

+ Cách 3: vẽ tia số



7-1: ta dùng tay chỉ vào số 7 sau đó đếm lùi 1 vạch nữa rơi vào số 6 vậy kết quả bằng 6.

7-6: ta dùng tay chỉ vào số 7 sau đó đếm lùi 6 vạch nữa rơi vào số 1 vậy kết quả bằng 1

7-2: ta dùng tay chỉ vào số 7 sau đó đếm lùi 2 vạch nữa rơi vào số 5 vậy kết quả bằng 2

7-5: ta dùng tay chỉ vào số 7 sau đó đếm lùi 5 vạch nữa rơi vào số 2 vậy kết quả bằng 2

7-3: ta dùng tay chỉ vào số 7 sau đó đếm lùi 3 vạch nữa rơi vào số 4 vậy kết quả bằng 4

7-4: ta dùng tay chỉ vào số 7 sau đó đếm lùi 4 vạch nữa rơi vào số 3 vậy kết quả bằng 3

3. Hướng dẫn trẻ làm bài tập trong vở BT toán

4. Nhận xét, khen ngợi trẻ



BUỔI 46

TIẾNG VIỆT

LÀM QUEN CHỮ' ngh

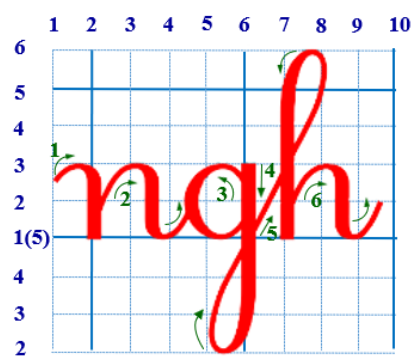
TẬP VIẾT CHỮ' ngh

1. Làm quen với chữ ngh

- Giới thiệu chữ ngh
- Cô phát âm chữ ngh 3 lần, cho trẻ phát âm lại theo cô theo hình thức cả lớp, bạn trai, bạn gái, cá nhân.
- Cô phân tích cấu tạo chữ ngh in thường gồm chữ n đứng trước, chữ g đứng giữa và chữ h đứng sau cùng
- Cho trẻ nhắc lại cấu tạo chữ ngh
- Cô đọc mẫu bài luyện đọc trong vở luyện đọc và cho trẻ đọc theo với các hình thức khác nhau.
- Hướng dẫn trẻ làm nhanh bài tập trong vở luyện đọc.

2. Hướng dẫn viết chữ ngh

- **Cấu tạo:** Chữ ng cao 8 ly, rộng 8,5 ly. Gồm chữ n, chữ g và chữ h ghép lại với nhau.
- **Cách viết:** Đặt bút trên đường kẻ dọc 1 giữa đường kẻ ngang 2 và 3 viết nét móc xuôi chạm đường kẻ ngang 3, dừng bút ở đường kẻ ngang 1. Tiếp tục rê bút lên gần đường kẻ ngang 2 để viết tiếp nét móc hai đầu, dừng bút ở đường kẻ ngang 2 tại điểm giữa đường kẻ dọc 4 và 5. Sau đó nhấc bút dưới đường kẻ ngang 3 một chút (đường kẻ phía trên), viết nét cong kín từ phải



sang trái, dừng bút ở điểm xuất phát rồi rê bút lên đường kẻ ngang 3 ở trên, viết tiếp nét khuyết dưới trùng với đường kẻ dọc 6, tới gần đường kẻ ngang 2 ở dưới thì lượn cong sang trái rồi kéo lên đi qua góc giao giữa 2 đường kẻ ngang 1 và dọc 3. Đi tiếp qua góc giữa đường kẻ ngang 3 và dọc 7. Ta viết nối tiếp nét khuyết trên của chữ h đi qua góc đường kẻ ngang 5 và dọc 8 rồi vòng xuống trùng với đường kẻ dọc 7. Di bút lên đường kẻ ngang 2 viết nét móc 2 đầu. Dừng bút trên đường kẻ ngang 2 tại điểm giữa đường kẻ dọc 9 và 10.	
---	--

3. HS tập viết bảng con.

- GV quan sát, sửa lỗi cho HS

4. HS tập viết vở tập viết hoặc vở ô ly.

- GV quan sát, sửa lỗi cho HS.

5. Nhận xét, khen ngợi HS.

6. Giao về nhà viết bài

TOÁN

PHÉP TRỪ TRONG PHẠM VI 8

1. Ôn tập phép trừ trong phạm vi 7

- HS thực hiện lại các phép tính trong phạm vi 7.
- GV nhắc lại kiến thức, khen ngợi HS

2. Phép trừ trong phạm vi 8.

GV hướng dẫn HS thực hiện phép trừ.

+ Cách 1: Cho trẻ nhắc lại tách số lượng trong phạm vi 8

- 8 gồm 0 và 8 hay 8 và 0

+ Bất kì số nào trừ đi 0 cũng bằng chính số đó nên $8-0=8$

+ 2 số giống nhau trừ đi nhau đều bằng 0 nên $8-8=0$

- 8 gồm 1 và 7 hay 7 và 1 nên $8-1=7$, $8-7=1$

- 8 gồm 2 và 6 hay 6 và 2 nên $8-2=6$, $8-6=2$

- 8 gồm 3 và 5 hay 5 và 3 nên $8-3=5$, $8-5=3$

- 8 gồm 4 và 4 nên $8-4=4$

+ Cách 2:

- Với phép tính $8-1$ ta làm tương tự với cách trừ mà buổi trước cô đã dạy: số bé hơn giờ ngón tay, còn lại số lớn hơn ta đọc to rồi cụp ngón tay và đếm lùi số ngón tay bên tay trái (8 rồi cụp 1 vậy kết quả bằng 7)

- Với phép tính $8-7$ ta cũng làm tương tự: 8 rồi cụp ngón tay đếm lùi 7,6,5,4,3,2,1 vậy kết quả bằng 1)

- Với phép tính $8-2$ ta cũng làm tương tự: 8 rồi cụp ngón tay đếm lùi 7,6 vậy kết quả bằng 6)

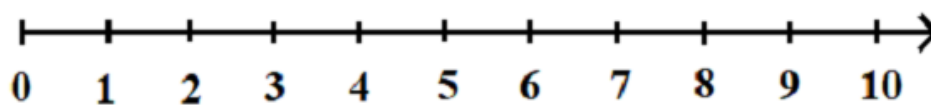
- Với phép tính $8-6$ ta cũng làm tương tự: 8 rồi cụp ngón tay đếm lùi 7,6,5,4,3,2 vậy kết quả bằng 2)

- Với phép tính $8-3$ ta cũng làm tương tự: 8 rồi cụp ngón tay đếm lùi 7,6,5 vậy kết quả bằng 5)

- Với phép tính $8-5$ ta cũng làm tương tự: 8 rồi cụp ngón tay đếm lùi 7,6,5,4,3 vậy kết quả bằng 3)

- Với phép tính $8-4$ ta cũng làm tương tự: 8 rồi cụp ngón tay đếm lùi 7,6,5,4 vậy kết quả bằng 4)

+ Cách 3: vẽ tia số



8-1: ta dùng tay chỉ vào số 8 sau đó đếm lùi 1 vạch nữa rơi vào số 7 vậy kết quả bằng 6.

8-7: ta dùng tay chỉ vào số 8 sau đó đếm lùi 7 vạch nữa rơi vào số 1 vậy kết quả bằng 1

8-2: ta dùng tay chỉ vào số 8 sau đó đếm lùi 2 vạch nữa rơi vào số 6 vậy kết quả bằng 6

8-6: ta dùng tay chỉ vào số 8 sau đó đếm lùi 6 vạch nữa rơi vào số 2 vậy kết quả bằng 2

8-3: ta dùng tay chỉ vào số 8 sau đó đếm lùi 3 vạch nữa rơi vào số 5 vậy kết quả bằng 5

8-5: ta dùng tay chỉ vào số 8 sau đó đếm lùi 5 vạch nữa rơi vào số 3 vậy kết quả bằng 3

8-4: ta dùng tay chỉ vào số 8 sau đó đếm lùi 4 vạch nữa rơi vào số 4 vậy kết quả bằng 4

3. Hướng dẫn trẻ làm bài tập trong vở BT toán

4. Nhận xét, khen ngợi trẻ

☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐

BUỔI 47

TIẾNG VIỆT

ÔN 29 CHỮ CÁI VÀ 11 ÂM GHÉP

LUYỆN VIẾT VỞ Ô LY

1. Ôn lại 29 chữ cái đã học và 11 âm ghép

- Cô cho trẻ chơi ong tìm chữ: cô úp các thẻ chữ trên bàn sau đó trẻ sẽ chọn thẻ chữ, chọn thẻ chữ nào giờ lên đọc to chữ đó.
- Cô viết 1 số từ, câu lên bảng, cho trẻ luyện đọc.

2. Luyện viết vở ô ly

- Cô viết mẫu sẵn những tiếng từ đơn giản vào vở ôly của trẻ, sau đó hướng dẫn trẻ cách viết

Ví dụ: tí tí, su su, củ từ...

- Cho trẻ viết bảng con trước
- Cho trẻ viết vào vở ôly

TOÁN

PHÉP TRỪ TRONG PHẠM VI 9

1. Ôn tập phép trừ trong phạm vi 8

- HS thực hiện lại các phép tính trong phạm vi 8.
- GV nhắc lại kiến thức, khen ngợi HS

2. Phép trừ trong phạm vi 9.

GV hướng dẫn HS thực hiện phép trừ.

+ Cách 1: Cho trẻ nhắc lại tách số lượng trong phạm vi 9

- 9 gồm 0 và 9 hay 9 và 0

+ Bất kì số nào trừ đi 0 cũng bằng chính số đó nên $9-0=9$

+ 2 số giống nhau trừ đi nhau đều bằng 0 nên $9-9=0$

- 9 gồm 1 và 8 hay 8 và 1 nên $9-1=8$, $9-8=1$

- 9 gồm 2 và 7 hay 7 và 2 nên $9-2=7$, $9-7=2$

- 9 gồm 3 và 6 hay 6 và 3 nên $9-3=6$, $9-6=3$

- 9 gồm 4 và 5 hay 5 và 4 nên $9-4=5$, $9-5=4$

+ Cách 2:

- Với phép tính $9-1$ ta làm tương tự với cách trừ mà buổi trước cô đã dạy: số bé hơn giờ ngón tay, còn lại số lớn hơn ta đọc to rồi cụp ngón tay và đếm lùi số ngón tay bên tay trái (9 rồi cụp 1 vậy kết quả bằng 8)

- Với phép tính $9-8$ ta cũng làm tương tự: 9 rồi cụp ngón tay đếm lùi 8,7,6,5,4,3,2,1 vậy kết quả bằng 1)

- Với phép tính $9-2$ ta cũng làm tương tự: 9 rồi cụp ngón tay đếm lùi 8,7 vậy kết quả bằng 7)

- Với phép tính $9-7$ ta cũng làm tương tự: 9 rồi cụp ngón tay đếm lùi 8,7,6,5,4,3,2 vậy kết quả bằng 2)

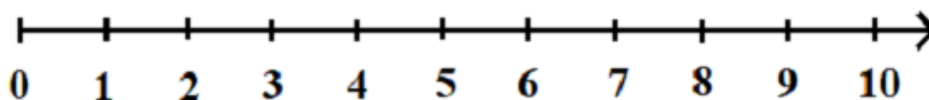
- Với phép tính $9-3$ ta cũng làm tương tự: 9 rồi cụp ngón tay đếm lùi 8,7,6 vậy kết quả bằng 6)

- Với phép tính $9-6$ ta cũng làm tương tự: 9 rồi cụp ngón tay đếm lùi 8,7,6,5,4,3 vậy kết quả bằng 3)

- Với phép tính $9-4$ ta cũng làm tương tự: 9 rồi cụp ngón tay đếm lùi 8,7,6,5 vậy kết quả bằng 5)

- Với phép tính $9-5$ ta cũng làm tương tự: 9 rồi cụp ngón tay đếm lùi 8,7,6,5,4 vậy kết quả bằng 4)

+ Cách 3: vẽ tia số



9-1: ta dùng tay chỉ vào số 9 sau đó đếm lùi 1 vạch nữa rơi vào số 8 vậy kết quả bằng 8.

9-8: ta dùng tay chỉ vào số 9 sau đó đếm lùi 8 vạch nữa rơi vào số 1 vậy kết quả bằng 1

9-2: ta dùng tay chỉ vào số 9 sau đó đếm lùi 2 vạch nữa rơi vào số 7 vậy kết quả bằng 7

9-7: ta dùng tay chỉ vào số 9 sau đó đếm lùi 7 vạch nữa rơi vào số 2 vậy kết quả bằng 2

9-3: ta dùng tay chỉ vào số 9 sau đó đếm lùi 3 vạch nữa rơi vào số 6 vậy kết quả bằng 6

9-6: ta dùng tay chỉ vào số 9 sau đó đếm lùi 6 vạch nữa rơi vào số 3 vậy kết quả bằng 3

9-4: ta dùng tay chỉ vào số 9 sau đó đếm lùi 4 vạch nữa rơi vào số 5 vậy kết quả bằng 5

9-5: ta dùng tay chỉ vào số 9 sau đó đếm lùi 5 vạch nữa rơi vào số 4 vậy kết quả bằng 4

3. Hướng dẫn trẻ làm bài tập trong vở BT toán

4. Nhận xét, khen ngợi trẻ

☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐

BUỔI 48

TIẾNG VIỆT

ÔN 29 CHỮ CÁI VÀ 11 ÂM GHÉP

LUYỆN VIẾT VỞ Ô LY

1. Ôn lại 29 chữ cái đã học và 11 âm ghép

- Cô cho trẻ ôn lại bảng chữ cái
- Cô viết 1 số từ, câu lên bảng, cho trẻ luyện đọc.

2. Luyện viết vở ô ly

- Cho trẻ viết bảng con trước
- Cho trẻ viết vào vở ô ly

TOÁN

PHÉP TRỪ TRONG PHẠM VI 10

1. Ôn tập phép trừ trong phạm vi 9

- HS thực hiện lại các phép tính trong phạm vi 9.

- GV nhắc lại kiến thức, khen ngợi HS

2. Phép trừ trong phạm vi 10.

GV hướng dẫn HS thực hiện phép trừ.

+ Cách 1: Cho trẻ nhắc lại tách số lượng trong phạm vi 10

- 10 gồm 0 và 10 hay 10 và 0

+ Bất kì số nào trừ đi 0 cũng bằng chính số đó nên $10-0=10$

+ 2 số giống nhau trừ đi nhau đều bằng 0 nên $10-10=0$

- 10 gồm 1 và 9 hay 9 và 1 nên $10-1=9$, $10-9=1$

- 10 gồm 2 và 8 hay 8 và 2 nên $10-2=8$, $10-8=2$

- 10 gồm 3 và 7 hay 7 và 3 nên $10-3=7$, $10-7=3$

- 10 gồm 4 và 6 hay 6 và 4 nên $10-4=6$, $10-6=4$

- 10 gồm 5 và 5 nên $10-5=5$

+ Cách 2:

- Với phép tính $10-1$ ta làm tương tự với cách trừ mà buổi trước cô đã dạy: số bé hơn giờ ngón tay, còn lại số lớn hơn ta đọc to rồi cụp ngón tay và đếm lùi số ngón tay bên tay trái (10 rồi cụp 1 vậy kết quả bằng 9)

- Với phép tính $10-9$ ta cũng làm tương tự: 10 rồi cụp ngón tay đếm lùi 9,8,7,6,5,4,3,2,1 vậy kết quả bằng 1)

- Với phép tính $10-2$ ta cũng làm tương tự: 10 rồi cụp ngón tay đếm lùi 9,8 vậy kết quả bằng 8)

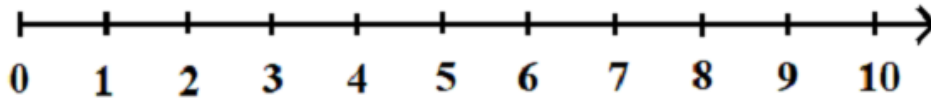
- Với phép tính $10-8$ ta cũng làm tương tự: 10 rồi cụp ngón tay đếm lùi 9,8,7,6,5,4,3,2 vậy kết quả bằng 2)

- Với phép tính $10-3$ ta cũng làm tương tự: 10 rồi cụp ngón tay đếm lùi 9,8,7 vậy kết quả bằng 7)

- Với phép tính $10-7$ ta cũng làm tương tự: 10 rồi cụp ngón tay đếm lùi 9,8,7,6,5,4,3 vậy kết quả bằng 3)

- Với phép tính $10-4$ ta cũng làm tương tự: 10 rồi cụp ngón tay đếm lùi 9,8,7,6 vậy kết quả bằng 6)

- Với phép tính $10-6$ ta cũng làm tương tự: 10 rồi cup ngón tay đếm lùi 9,8,7,6,5,4 vậy kết quả bằng 4)
- Với phép tính $10-5$ ta cũng làm tương tự: 10 rồi cup ngón tay đếm lùi 9,8,7,6,5 vậy kết quả bằng 5)
- + Cách 3: vẽ tia số



- 10-1: ta dùng tay chỉ vào số 10 sau đó đếm lùi 1 vạch nữa rơi vào số 9 vậy kết quả bằng 9
- 10-9: ta dùng tay chỉ vào số 10 sau đó đếm lùi 9 vạch nữa rơi vào số 1 vậy kết quả bằng 1
- 10-2: ta dùng tay chỉ vào số 10 sau đó đếm lùi 2 vạch nữa rơi vào số 8 vậy kết quả bằng 8
- 10-8: ta dùng tay chỉ vào số 10 sau đó đếm lùi 8 vạch nữa rơi vào số 2 vậy kết quả bằng 2
- 10-3: ta dùng tay chỉ vào số 10 sau đó đếm lùi 3 vạch nữa rơi vào số 7 vậy kết quả bằng 7
- 10-7: ta dùng tay chỉ vào số 10 sau đó đếm lùi 7 vạch nữa rơi vào số 3 vậy kết quả bằng 3
- 10-4: ta dùng tay chỉ vào số 10 sau đó đếm lùi 4 vạch nữa rơi vào số 6 vậy kết quả bằng 6
- 10-6: ta dùng tay chỉ vào số 10 sau đó đếm lùi 6 vạch nữa rơi vào số 4 vậy kết quả bằng 4
- 10-5: ta dùng tay chỉ vào số 10 sau đó đếm lùi 5 vạch nữa rơi vào số 5 vậy kết quả bằng 5

3. Hướng dẫn trẻ làm bài tập trong vở BT toán

4. Nhận xét, khen ngợi trẻ

☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐

BUỔI 49

TIẾNG VIỆT

ÔN 29 CHỮ CÁI VÀ 11 ÂM GHÉP

LUYỆN VIẾT VỞ Ô LỖ

1. Ôn lại 29 chữ cái đã học và 11 âm ghép

- Cô cho trẻ ôn lại bảng chữ cái

- Cô viết 1 số từ, câu lên bảng, cho trẻ luyện đọc.

2. Luyện viết vở ô ly

- Cho trẻ viết bảng con trước
- Cho trẻ viết vào vở ôly

TOÁN

LUYỆN TẬP PHÉP TRỪ TRONG PHẠM VI TỪ 6 - 10

1. Ôn tập phép trừ trong phạm vi từ 6 đến 10

- HS thực hiện lại các phép tính bất kì mà cô cho. Trong quá trình trẻ làm cô hỏi trẻ cách làm.
- GV nhắc lại kiến thức, khen ngợi HS

2. Hướng dẫn trẻ làm bài tập trong vở BT toán

3. Nhận xét, khen ngợi trẻ

☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐